

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

**CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH: SƯ PHẠM ĐỊA LÍ**

Mã ngành: 7140219

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6144/QĐ-ĐHSPHN
ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ)**

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO : SƯ PHẠM ĐỊA LÍ
MÃ NGÀNH : 7.14.02.19
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : CHÍNH QUY**

HÀ NỘI – 2020

Số: *6144* /QĐ-ĐHSPHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ, ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình giáo dục đại học ngành Sư phạm Địa lý (Mã ngành: 7140219) của trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học ngành Sư phạm Địa lý ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng trong đào tạo kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng chức năng, Trường khoa Địa lý chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



GS.TS. Nguyễn Văn Minh

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	7
II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO.....	8
III. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÍ.....	9
IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	18
1. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	18
2. Khung chương trình đào tạo.....	19
3. Cấu trúc khối học văn ngành.....	25
4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực theo Khung chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội của khối học văn ngành Sư phạm Địa lí (66 tín chỉ).....	37
5. Kế hoạch đào tạo	40
V. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CỦA KHỐI HỌC VĂN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM	41
1. Nguyên tắc triển khai chương trình khung	41
2. Mục tiêu, thời lượng và trình tự các học phần.....	42
3. Xây dựng chương trình chi tiết	46
VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	46
1. Định hướng và yêu cầu về phương pháp giáo dục	46
2. Định hướng về phương pháp học tập của sinh viên	47
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục	48
VII. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	50
1. Tổ chức và quản lý của khoa Địa lí.....	50
2. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học.....	50
3. Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao	51
4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	51
5. Xã hội hoá giáo dục	51
VIII. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	51
IX. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN.....	51
1. Khối học văn chung ngành Sư phạm (25 tín chỉ)	51
1.1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN.....	51
1.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	51
1.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	51
1.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	52
1.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.....	52

1.6. TIẾNG ANH 1 (A1A2)	52
1.7. TIẾNG ANH 1 (A2B1).....	52
1.8. TIẾNG PHÁP 1	52
1.9. TIẾNG NGÀ 1.....	52
1.10. TIẾNG TRUNG 1	52
1.11. TIẾNG ANH 2 (A2B1).....	52
1.12. TIẾNG PHÁP 2	52
1.13. TIẾNG NGÀ 2.....	53
1.14. TIẾNG TRUNG 2	53
1.15. TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC	53
1.16. THỐNG KÊ XÃ HỘI HỌC	53
1.17. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG	53
1.18. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH.....	53
1.19. NGHỆ THUẬT ĐẠI CƯƠNG	53
1.20. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1.....	53
1.21. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2.....	53
1.22. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3.....	54
1.23. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 4.....	54
1.24. HỌC PHẦN 1: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	54
1.25. HỌC PHẦN 2: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH.....	54
1.26. HỌC PHẦN 3: QUÂN SỰ CHUNG	54
1.27. HỌC PHẦN 4: KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT	54
1.28. NHẬP MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN.....	54
1.29. CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM.....	54
1.30. NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG.....	54
1.31. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG.....	54
1.32. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI.....	55
2. Khởi học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực Sư phạm (35 tín chỉ)	55
2.1. GIÁO DỤC HỌC	55
2.2. LÝ LUẬN DẠY HỌC.....	55
2.3. ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC	55
2.4. THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIÁO DỤC HỌC	55
2.5. GIAO TIẾP SƯ PHẠM	55

2.6. PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ NHÀ TRƯỜNG.....	55
2.7. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG	55
2.8. TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG NHÀ TRƯỜNG.....	55
2.9. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ.....	56
2.10. TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ	63
2.11. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ.....	72
2.12. LÝ LUẬN DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔN ĐỊA LÍ.....	79
2.13. THỰC HÀNH DẠY HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM.....	85
2.14. TRẢI NGHIỆM HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	93
2.15. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYỀN	101
2.16. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1	108
2.17. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2	111
3. Khởi học văn chuyên ngành (66 tín chỉ)	114
3.1. BẢN ĐỒ HỌC.....	114
3.2. CƠ SỞ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1	121
3.3. CƠ SỞ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 2	135
3.4. CƠ SỞ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 3	148
3.5. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM 1.....	157
3.6. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM 2.....	169
3.7. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC LỤC ĐỊA.....	176
3.8. CƠ SỞ ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI 1	184
3.9. CƠ SỞ ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI 2	191
3.10. ĐỊA LÍ KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM 1.....	198
3.11. ĐỊA LÍ KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM 2	205
3.12. ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI 1	211
3.14. CƠ SỞ HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÍ VÀ CƠ SỞ VIỄN THÁM.....	225
3.15. BẢN ĐỒ GIÁO KHOA	237
3.16. GIS ỨNG DỤNG	243
3.17. GIS VÀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH	249
3.19. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỊA LÍ.....	264
3.20. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH.....	271
3.21. ĐỊA LÍ BIỂN ĐÔNG	278
3.23. THỰC ĐỊA ĐO VẼ ĐỊA HÌNH VÀ GPS	294

3.24. THỰC ĐỊA ĐO PHỔ BẰNG MÁY CẦM TAY TỰ CHỌN	301
3.25. THỰC ĐỊA CƠ SỞ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN	308
3.26. THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN TỔNG HỢP	315
3.27. THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI TỔNG HỢP	322
3.28. THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI CHUYÊN ĐỀ	330
3.29. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG	337
3.30. HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GIỚI CỦA VIỆT NAM.....	344
3.31. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI.....	351
3.32. NHỮNG CHỦ ĐỀ LỰA CHỌN VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI.....	358
3.33. TƯ DUY KHÔNG GIAN: SỰ HỢP NHẤT GIS QUA CHƯƠNG TRÌNH PHỔ THÔNG.....	365

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ...tháng...năm...
của Hiệu trưởng trường ĐHSPh Hà Nội)*

I. GIỚI THIỆU CHUNG

- 1. Tên chương trình:** Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm
- 2. Trình độ đào tạo:** Đại học
- 3. Ngành đào tạo:** Cử nhân Sư phạm Địa lí
- 4. Mã ngành:** 7.14.02.19
- 5. Loại hình đào tạo:** Chính quy
- 6. Thời gian đào tạo:** 4 năm
- 7. Khối lượng kiến thức phải tích lũy:** 136 tín chỉ, chưa kể phần nội dung về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng
- 8. Đối tượng tuyển sinh:** Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
- 9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã và đang đặt ra những nhiệm vụ cấp bách trong công tác đổi mới mô hình và chương trình đào tạo giáo viên của các Trường Đại học Sư phạm trong cả nước. Với trọng trách là trường Đại học trọng điểm của ngành giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ phải đi đầu trong công cuộc đổi mới đó.

Giáo viên là lực lượng nòng cốt trong việc triển khai thực hiện Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo của đất nước và cũng là nhân tố quyết định nhất đảm bảo sự thành công của công cuộc Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân. Vì thế, công tác đào tạo giáo viên chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới nói trên sẽ là nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường trong những năm tới.

Với bề dày truyền thống hơn 60 năm, khoa Địa lí trường Đại học Sư phạm Hà Nội cũng sẽ phải đi đầu trong công cuộc đổi mới đào tạo giáo viên chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Địa lí 2018 nói riêng.

Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí 2018 đã xác định rõ mục tiêu là: Trên nền tảng những kiến thức cơ bản và phương pháp giáo dục đề cao hoạt động chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh, Chương trình môn Địa lí giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực địa lí – một biểu hiện của năng lực khoa học; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ

ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng định hướng nghề nghiệp; để hình thành nhân cách công dân, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các năng lực cần đạt trong Chương trình môn Địa lí bao gồm:

a) Năng lực nhận thức Khoa học địa lí, bao gồm: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian; giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

b) Năng lực tìm hiểu địa lí, bao gồm: Sử dụng các công cụ địa lí học; Tổ chức học tập ở thực địa; Khai thác internet phục vụ môn học.

c) Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, bao gồm: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế; thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

Sự thay đổi về cách tiếp cận và những mục tiêu mới của Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí 2018 đòi hỏi Khoa Địa lí phải đổi mới mô hình và chương trình đào tạo (kể cả đào tạo lại) nhằm đáp ứng được yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới. Mô hình và chương trình đào tạo của khoa Địa lí phải nêu bật được bản sắc sư phạm của Nhà trường, phát triển phẩm chất và năng lực của người học, lấy công tác đào tạo giáo viên có chất lượng đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí 2018 làm trọng tâm. Bên cạnh đó, tạo tiền đề thuận lợi để những sinh viên học giỏi và ham mê Địa lí học có điều kiện phát triển, đi sâu vào giảng dạy và nghiên cứu Địa lí.

Mô hình đào tạo của Khoa Địa lí phải tuân thủ mô hình đào tạo chung của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; chuyển từ cách học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý đến các hoạt động xã hội, trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học; khuyến khích và rèn luyện năng lực tự học, tạo cơ sở để học tập suốt đời, tự cập nhật và đổi mới tri thức, kĩ năng, phát triển năng lực; vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, hợp lí, phù hợp với nội dung, đối tượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Đổi mới căn bản hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục, đặc biệt là đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên. Việc đánh giá chất lượng giáo dục phải bảo đảm trung thực, khách quan, góp phần hướng dẫn, điều chỉnh cách học và cách dạy. Phối hợp các phương pháp đánh giá, chú trọng hơn đánh giá quá trình, đánh giá các thành phần của quá trình, sao cho đánh giá đúng được năng lực người học. Khuyến khích sinh viên biết tự đánh giá việc học.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Địa lí có các mục tiêu sau:

– Đào tạo cử nhân sư phạm Địa lí đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về phẩm chất và năng lực của người học;

– Đào tạo giáo viên môn Địa lí đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Địa lí 2018 nói riêng;

– Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm:

+ Có khả năng dạy học môn Địa lí ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, đặc biệt là dạy học môn Địa lí ở các trường trung học phổ thông chuyên;

+ Có khả năng dạy học môn Địa lí ở trường Cao đẳng và Đại học;

+ Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

III. CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÍ

Mã	Tiêu chuẩn
1	Phẩm chất
1.1	<i>Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước</i>
1.1.1	Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
1.1.2	Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước.
1.1.3	Yêu quê hương, yêu đất nước; giữ gìn và bảo vệ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
1.2	<i>Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh</i>
1.2.1	Tôn trọng, thừa nhận và tin tưởng vào khả năng học tập và sự thay đổi tích cực của học sinh.
1.2.2	Yêu thương học sinh; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ học sinh trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.
1.2.3	Cam kết nuôi dưỡng và phát huy tiềm năng của từng học sinh; tư vấn, hỗ trợ học sinh quyết định hướng đi của cuộc đời mình.
1.3	<i>Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học</i>
1.3.1	Nhận thức được ba giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề dạy học trong thời đại hiện nay là: Giá trị liên quan đến người học; Ý nghĩa tác động sư phạm của giáo dục; Trách nhiệm giáo dục mà xã hội giao phó.
1.3.2	Yêu nghề, tận tâm với nghề.
1.3.3	Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề dạy học.
1.4	<i>Trung thực và đáng tin cậy</i>
1.4.1	Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải.
1.4.2	Trung thực trong học tập và trong cuộc sống; đấu tranh với các hành vi gian lận, vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
1.4.3	Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng.
1.5	<i>Trách nhiệm và tận tâm</i>
1.5.1	Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.
1.5.2	Có ý thức tự đánh giá để xây dựng kế hoạch cá nhân.
1.5.3	Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt khó trong học tập.
1.5.4	Tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt giữa mọi người về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.
1.5.5	Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
1.6	<i>Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời</i>
1.6.1	Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người giáo viên. Qua đó, có ý thức trở thành người biết suy nghĩ, phải suy nghĩ và được quyền suy nghĩ.

Mã	Tiêu chuẩn
1.6.2	Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học, tự nghiên cứu suốt đời để phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai của chính người học.
1.6.3	Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích.
2	Tiêu chuẩn 2. Năng lực chung
2.1	<i>Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi</i>
2.1.1	Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
2.1.2	Tự điều chỉnh được xúc cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.
2.1.3	Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng với các yếu tố mới, hoạt động mới, môi trường sống mới.
2.1.4	Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội.
2.1.5	Hình thành và sử dụng được hệ thống kỹ năng (cơ bản và kỹ năng mềm) trong ứng xử với sự đa dạng và thay đổi.
2.2	<i>Năng lực giao tiếp và hợp tác</i>
2.2.1	Sử dụng được tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn.
2.2.2	Xác định được mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và thái độ giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội.
2.2.3	Thực hiện được các yêu cầu của giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh, cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng.
2.2.4	Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống.
2.2.5	Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.
2.2.6	Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả.
2.2.7	Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp.
2.2.8	Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.
2.2.9	Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ: Hoặc cấp độ B1 của Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương; Hoặc bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
2.3	<i>Năng lực lãnh đạo</i>
2.3.1	Ý thức được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội một cách chính đáng và chuyên nghiệp.
2.3.2	Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.
2.3.3	Xác định được nhu cầu và khả năng của người khác để thu hút, thuyết phục, dẫn dắt và tổ chức trong công việc.
2.4	<i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>

Mã	Tiêu chuẩn
2.4.1	Đưa ra được ý tưởng mới.
2.4.2	Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác.
2.4.3	Hình thành và triển khai được ý tưởng mới.
2.4.4	Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
2.4.5	Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
2.4.6	Đánh giá được giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.
2.5	<i>Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội</i>
2.5.1	Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế – xã hội quan trọng của đất nước.
2.5.2	Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú và lối sống có văn hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường nhà trường.
2.5.3	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập.
2.6	<i>Năng lực tư duy phản biện</i>
2.6.1	Có tư duy độc lập.
2.6.2	Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin.
2.6.3	Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận.
3	Tiêu chuẩn 3. Năng lực sư phạm
3.1	<i>Năng lực dạy học</i>
3.1.1	Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa.
3.1.2	Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả.
3.1.3	Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá.
3.1.4	Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục.
3.1.5	Tổ chức được các hoạt động học tập của học sinh; vận dụng được các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học của học sinh.
3.1.6	Tổ chức và quản lý được lớp học, tạo dựng được môi trường học tập hiệu quả trong giờ học.

Mã	Tiêu chuẩn
3.1.7	Hỗ trợ được những học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập.
3.1.8	Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh; góp phần hoàn thiện những công dân có trình độ văn hoá và khả năng sáng tạo cao.
3.1.9	Xây dựng, quản lí và khai thác được hồ sơ dạy học.
3.2.	<i>Năng lực giáo dục</i>
3.2.1	Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, thể chất thông qua việc giảng dạy môn học và tích hợp được các nội dung giáo dục trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá theo kế hoạch đã xây dựng.
3.2.2	Xây dựng và tổ chức được những hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.
3.2.3	Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống cụ thể, phù hợp với đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.
3.2.4	Xử lí được các tình huống giáo dục, đặc biệt là những hành vi không mong đợi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục.
3.2.5	Có khả năng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.
3.2.6	Có khả năng tư vấn, tham vấn cho học sinh.
3.2.7	Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội,... theo kế hoạch đã xây dựng.
3.2.8	Đánh giá được kết quả rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh.
3.2.9	Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp.
3.3	<i>Năng lực định hướng sự phát triển học sinh</i>
3.3.1	Nhận diện được đặc điểm cá nhân và điều kiện, hoàn cảnh sống (về văn hoá, xã hội) của học sinh; dự báo được xu hướng phát triển của học sinh.
3.3.2	Hỗ trợ được học sinh xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân; theo dõi và có giải pháp giúp học sinh thực hiện những kế hoạch đó.
3.3.3	Hỗ trợ được học sinh tự đánh giá và điều chỉnh.
3.4	<i>Năng lực hoạt động xã hội</i>
3.4.1	Tham gia, tổ chức và thực hiện được các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh.
2.4.2	Thực hiện được những hoạt động phát triển văn hoá – xã hội nói chung và ở địa phương nơi nhà trường cư trú nói riêng.
3.4.3	Vận động được người khác tham gia các hoạt động của cộng đồng, của các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường và ở địa phương (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, các hiệp hội nghề nghiệp,...).
3.5	<i>Năng lực phát triển nghề nghiệp</i>

Mã	Tiêu chuẩn
3.5.1	Lập và triển khai được mục tiêu, kế hoạch chi tiết, cụ thể của cá nhân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
3.5.2	Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật phù hợp trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
3.5.3	Tìm kiếm, tổng hợp và khai thác được các nguồn tài nguyên đa dạng (sách, báo, các phương tiện thông tin) phục vụ cho hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
3.5.4	Tự đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.
4	Tiêu chuẩn 4. Năng lực khoa học ngành Sư phạm Địa lí
4.1	Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí
4.1.1	Vận dụng được phương pháp luận của Khoa học địa lí và các khoa học liên quan.
4.1.1.1	Trình bày được phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của Địa lí học, sự phát triển của Địa lí học.
4.1.1.2	Xác định được các vấn đề lớn trong nghiên cứu Địa lí trên thế giới.
4.1.1.3	Vận dụng được phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Địa lí vào trong thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu.
4.1.1.4	Áp dụng được các cách tiếp cận mới.
4.1.2	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học Trái Đất, Bản đồ học, công nghệ viễn thám và hệ thông tin địa lí (GIS).
4.1.2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng, hiện đại, cập nhật về Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế xã hội, Địa lí thế giới và Địa lí Việt Nam.
4.1.2.2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Bản đồ học.
4.1.2.3	Vận dụng được các khái niệm cơ bản, cơ sở vật lí của viễn thám.
4.1.2.4	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin địa lí GIS, GPS.
4.1.3	Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên ở các quy mô lãnh thổ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương).
4.1.3.1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Trái Đất: giải thích được vận động của Trái Đất và các hệ quả Địa lí.
4.1.3.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về thạch quyển và địa hình, các quá trình địa mạo và các kiểu địa hình chính trên Trái Đất.
4.1.3.3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về khí quyển và thủy quyển.
4.1.3.4	Vận dụng được kiến thức cơ bản về sự hình thành và phân bố đất trên thế giới; những vấn đề về sinh quyển; lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lí của Trái Đất.
4.1.3.5	Vận dụng được kiến thức cơ bản về Địa lí tự nhiên các châu lục và Địa lí tự nhiên Việt Nam.
4.1.4	Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống kinh tế – xã hội ở các quy mô lãnh thổ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương).

Mã	Tiêu chuẩn
4.1.4.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về môi trường, khai thác và sử dụng tài nguyên, địa lí dân cư và quần cư.
4.1.4.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về các ngành nông – lâm – thủy sản, công nghiệp và dịch vụ.
4.1.4.3	Vận dụng được kiến thức cơ bản về Địa lí kinh tế xã hội thế giới và Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam
4.1.5	Nhận diện và giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế – xã hội ở quy mô lãnh thổ khác nhau (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương).
4.1.5.1	Nhận biết được mối quan hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường.
4.1.5.2	Nhận biết được mối quan hệ liên ngành và xuyên ngành.
4.1.5.3	Giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế – xã hội.
4.1.6	Vận dụng năng lực thực địa trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.1.6.1	Vận dụng các phương pháp, kĩ năng quan sát, nghiên cứu ngoài thực địa. Thu thập, phân tích và xử lí số liệu.
4.1.6.2	Viết được báo cáo thực địa.
4.1.6.3	Trình bày được kết quả nghiên cứu thực địa.
4.2	<i>Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông</i>
4.2.1	Giải thích được Chương trình giáo dục phổ thông.
4.2.1.1	Trình bày được vị trí, vai trò, quan điểm xây dựng và mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình môn học.
4.2.1.2	Xác định được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực (năng lực chung và năng lực đặc thù) của môn học.
4.2.2	Giải thích được Chương trình giáo dục môn Địa lí ở các cấp học.
4.2.2.1	Phân tích và chỉ ra được mạch nội dung và sự phát triển của mạch nội dung của môn học qua các lớp học.
4.2.2.2	Giải thích được mối quan hệ giữa tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí với các nội dung giáo dục địa lí ở các lớp học.
4.2.2.3	Hiểu và vận dụng được các yêu cầu về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục vào việc lập kế hoạch và tổ chức dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông.
4.2.3	Xây dựng được kế hoạch phát triển chương trình môn học ở nhà trường phổ thông.
4.2.3.1	Lập được kế hoạch bài học trên cơ sở dựa vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, yêu cầu về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục.
4.2.3.2	Đề xuất và xây dựng được đề cương chi tiết của một chủ đề môn học theo hướng hình thành và phát triển năng lực cho người học.
4.3	<i>Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn</i>

Mã	Tiêu chuẩn
4.3.1	Xác định được vị trí, vai trò của Khoa học địa lí trong thế giới hiện đại.
4.3.1.1	Trình bày được những hiểu biết cốt lõi về đối tượng và nhiệm vụ của Địa lí học hiện đại.
4.3.1.2	Giải thích được Địa lí học hiện đại là một khoa học tổng hợp – động lực và hành động, nằm ở giao diện giữa khoa học tự nhiên (Địa lí Tự nhiên) và khoa học xã hội (Địa lí Kinh tế – Xã hội).
4.3.1.3	Trình bày được những hiểu biết cốt lõi về vai trò của Khoa học địa lí, khả năng ứng dụng tri thức địa lí trong đời sống và các ngành nghề có liên quan đến Địa lí.
4.3.2	Vận dụng được các tri thức Khoa học địa lí để nhận diện, giải thích và dự báo được các vấn đề thực tiễn.
4.3.2.1	Xác định/phát hiện được vấn đề của thực tiễn và đặt được các câu hỏi địa lí liên quan (Ai/Cái gì? Ở đâu? Tại sao? Như thế nào/Sẽ như thế nào? Tại sao? Làm thế nào để giải quyết được vấn đề?).
4.3.2.2	Lập kế hoạch và sử dụng được các phương pháp và công cụ thu thập thông tin cần thiết để trả lời các câu hỏi địa lí.
4.3.2.3	Sử dụng được các phương pháp, công cụ xử lí và biểu diễn/trực quan hoá thông tin địa lí.
4.3.2.4	Sử dụng được các phương pháp và công cụ để phân tích và diễn giải các thông tin địa lí dựa trên tri thức địa lí.
4.3.2.5	Trả lời được các câu hỏi địa lí (khái quát hoá thành tri thức địa lí) và đưa ra được các hành động dựa trên tri thức địa lí (bài học, giải pháp, kiến nghị, vấn đề/câu hỏi địa lí mới).
4.3.3	Vận dụng được tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào các hoạt động giáo dục cụ thể.
4.3.3.1	Trình bày được mục tiêu của Chương trình môn Địa lí cũng như những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực ở từng cấp học/lớp học.
4.3.3.2	Trình bày được nội dung giáo dục của Chương trình môn Địa lí ở trường phổ thông, các mạch kiến thức cốt lõi, các chuyên đề học tập ở mỗi cấp học/lớp học và giải thích được mối quan hệ của các mạch kiến thức/chuyên đề học tập này.
4.3.3.3	Xác định được mục tiêu, yêu cầu và nội dung giáo dục địa lí cụ thể trong từng bài học và tiết học để xây dựng và thực hiện được kế hoạch giáo dục chi tiết (nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục bao gồm phương pháp học tập và nghiên cứu địa lí, đánh giá kết quả giáo dục).
4.3.4	Xây dựng, sử dụng được các công cụ và trang thiết bị trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.3.4.1	Khai thác hiệu quả và phát triển được tài nguyên học tập (bản đồ, atlas địa lí, tranh ảnh, mô hình, dữ liệu).
4.3.4.2	Sử dụng được các thiết bị/dụng cụ khảo sát thực địa trong học tập và nghiên cứu.
4.3.4.3	Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), các phần mềm hệ thống thông tin địa lí (GIS) và viễn thám và một số ứng dụng phân tích định tính và định lượng trong học tập và nghiên cứu.

Mã	Tiêu chuẩn
4.3.4.4	Khai thác, sử dụng và phát triển được (thành lập/chế tạo) các tài nguyên và phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh.
4.3.5	Xây dựng kế hoạch và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm trong môn Địa lí ở trường phổ thông
4.3.5.1	Xác định được mục tiêu, yêu cầu và nội dung giáo dục địa lí của từng bài học/tiết học trải nghiệm cụ thể.
4.3.5.2	Lập và thực hiện được kế hoạch giáo dục địa lí trong các hoạt động trải nghiệm cụ thể (nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục).
4.4	Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí
4.4.1	Xác định được vấn đề nghiên cứu phù hợp với điều kiện và năng lực của cá nhân.
4.4.1.1	Hình thành được ý tưởng nghiên cứu mang tính khoa học, tính sáng tạo dựa trên nguồn lực tài chính, thời gian, nhân lực hiện có.
4.4.1.2	Phát hiện được các khoảng trống kiến thức, các điều chưa biết, phương pháp thực hiện, các điểm hạn chế của những nghiên cứu có trước.
4.4.1.3	Hình thành được khung khái niệm phù hợp cho nghiên cứu của mình dựa trên những lí do chính đáng và thuyết phục để đảm bảo tính khả thi của nghiên cứu.
4.4.1.4	Giải thích một cách hợp lí, chặt chẽ các nội dung chi tiết đã được đưa ra trong khung khái niệm dựa trên ưu, nhược điểm và giới hạn của nó.
4.4.1.5	Xác định được các kiến thức cần thiết phải có khi thực hiện ý tưởng nghiên cứu, từ đó bổ sung các kiến thức còn thiếu.
4.4.2	Xây dựng được đề cương nghiên cứu và thực hiện nghiên cứu theo đề cương
4.4.2.1	Xác định được tính cấp bách của vấn đề, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và giới hạn của nghiên cứu.
4.4.2.2	Liệt kê được các câu hỏi và giả thuyết khoa học cần chứng minh liên quan tới các nội dung nghiên cứu.
4.4.2.3	Đánh giá tổng quan các công trình trong và ngoài nước liên quan tới nội dung nghiên cứu.
4.4.2.4	Xác định được phương pháp, cách tiếp cận phù hợp với từng nội dung nghiên cứu.
4.4.2.5	Lập được kế hoạch về thời gian và tổ chức triển khai từng nội dung nghiên cứu.
4.4.2.6	Lựa chọn, thu thập số liệu địa lí sơ cấp và thứ cấp liên quan tới từng nội dung nghiên cứu bằng các thiết bị đo chuyên dụng.
4.4.2.7	Phân tích và xử lí dữ liệu địa lí bằng các kĩ thuật định tính hay định lượng khác nhau thông qua phương pháp truyền thống hay hỗ trợ của phần mềm ứng dụng chuyên ngành.
4.4.2.8	Trình bày kiến thức địa lí và thông tin địa lí thông qua các kĩ thuật đặc thù (Bản đồ học, GIS, hay mô tả).
4.4.2.9	Cập nhật được đề cương nghiên cứu theo tình hình triển khai các nội dung nghiên cứu.
4.4.3	Viết, chia sẻ và công bố được kết quả nghiên cứu khoa học một cách phù hợp với yêu cầu

Mã	Tiêu chuẩn
4.4.3.1	Viết được báo cáo toàn văn thể hiện những nội dung đã triển khai, các kết quả, và các khám phá khoa học đã đạt được trong quá trình thực hiện nghiên cứu.
4.4.3.2	Viết được báo cáo tóm tắt một cách ngắn gọn, súc tích, rõ ràng nhưng phản ánh trung thành báo cáo toàn văn.
4.4.3.3	Viết được bài báo khoa học thể hiện kết quả của công trình nghiên cứu tại hội nghị khoa học hay trên tạp chí chuyên ngành.
4.4.3.4	Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua báo cáo thuyết trình hay báo cáo treo tường.
4.4.4	Thể hiện được quan điểm cá nhân khi tiếp cận một công trình nghiên cứu Khoa học địa lí và giáo dục địa lí.
4.4.4.1	Phát biểu quan điểm cá nhân một cách phản biện về các vấn đề liên quan tới Khoa học địa lí.
4.4.4.2	Trình bày các ý tưởng, các nguyên lí, các học thuyết địa lí bằng nhiều hình thức: văn bản, thuyết trình, hình ảnh
4.4.5	Thực hiện được nghiên cứu độc lập và theo nhóm.
4.4.5.1	Thực hiện nghiên cứu một cách độc lập kế hoạch nghiên cứu nhằm đạt mục tiêu đề ra.
4.4.5.2	Thể hiện được sự lãnh đạo nhóm và hỗ trợ những người khác tham gia trong quá trình nghiên cứu.
4.5	<i>Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn</i>
4.5.1	Tham khảo được các tài liệu bằng tiếng nước ngoài nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu, giảng dạy Địa lí.
4.5.1.1	Đọc hiểu được ở mức độ đơn giản các tài liệu chuyên môn bằng tiếng nước ngoài.
4.5.1.2	Dịch được các tài liệu chuyên ngành từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại.
4.5.1.3	Trình bày được các nội dung chuyên môn bằng tiếng nước ngoài.
4.5.2	Tra cứu, khai thác được các nguồn tài nguyên thông tin bằng tiếng nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.5.2.1	Xác định được nguồn tài nguyên thông tin và phương pháp để tìm kiếm, khai thác.
4.5.2.2	Đánh giá được mức độ phù hợp, tin cậy của tài nguyên thông tin.
4.5.2.3	Khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin.
4.6	<i>Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn</i>
4.6.1	Ứng dụng được các phần mềm hệ thông tin địa lí và viễn thám trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.1.1	Sử dụng được các phần mềm xử lí ảnh viễn thám và phân tích không gian trong học tập, nghiên cứu địa lí.
4.6.1.2	Sử dụng được các phần mềm hệ thống thông tin địa lí để thực hiện các bài toán phân tích không gian địa lí.

Mã	Tiêu chuẩn
4.6.1.3	Sử dụng được các phần mềm hệ thống thông tin địa lí để xây dựng bản đồ, atlas trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.2	Ứng dụng được một số ứng dụng phân tích định tính, định lượng trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.2.1	Sử dụng được các phần mềm xử lí thống kê, phân tích số liệu trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.2.2	Sử dụng được các phần mềm định tính trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí.
4.6.3	Vận dụng được công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để phát triển học liệu, thiết kế bài giảng và dạy học Địa lí.
4.6.3.1	Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông để phát triển học liệu điện tử (video, hình ảnh, âm thanh, bài viết) trong học tập, dạy học Địa lí.
4.6.3.2	Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để thiết kế bài giảng dạy học trên lớp, dạy học kết hợp, trực tuyến.
4.6.3.3	Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông để xây dựng các công cụ, kiểm tra đánh giá trong giáo dục.

Tổng: 04 tiêu chuẩn; 23 tiêu chí; 100 chỉ báo

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Các khối học vấn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
1	Khối học vấn chung (gồm cả nhóm ngành KHXX và Nhân văn)	35	25.7
2	Khối học vấn ngành Địa lí	66	48.6
3	Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực Sư phạm	35	25.7
Tổng cộng:		136	100

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên môn học	Mã học phần	Học kì		Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết	Khoa phụ trách
				Số tín chỉ	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
A	KHỐI HỌC VẤN CHUNG			35							
A1	Khối học vấn chung của ngành Sư phạm (không gồm Giáo dục thể chất)			25							
	Bắt buộc			23							
	Tư tưởng			11							
1.	Triết học Mác – Lênin	PHIS 105	1	3	36	0	9	0	90		
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI 104	1	2	20	0	10	0	60	COMM 403	
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	2	2	20	0	10	0	60	COMM 403, POLI 104	
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	2	2	20	0	10	0	60	COMM 403, POLI 221, POLI 104	
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	2	2	20	0	10	0	60	COMM 403, POLI 221, POLI 104	
	Ngoại ngữ			6/24							

TT	Tên môn học	Mã học phần	Học kì	Loại giờ tín chỉ						Học phần tiên quyết	Khoa phụ trách
				Số tín chỉ	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
6.	Tiếng Anh 1	ENGL 103	1	3	30	15	0	0	90		
	Tiếng Pháp 1	FREN 104	1	3	30	15	0	0	90		
	Tiếng Nga 1	RUSS 105	1	3	30	15	0	0	90		
	Tiếng Trung 1	CHIN 105	1	3	32	13	0	0	90		
7.	Tiếng Anh 2	ENGL 105	2	3	28	17	0	0	90	ENGL 105	
	Tiếng Pháp 2	FREN 106	2	3	30	15	0	0	90	FREN 101	
	Tiếng Nga 2	RUSS 106	2	3	30	15	0	0	90	RUSS 101	
	Tiếng Trung 2	CHIN 106	2	3	35	10	0	0	90	CHIN 105	
8.	Tâm lí học giáo dục	PSYC 101	1	4	45	0	15	0	120		
9.	Thống kê xã hội học	MATH 137	1	2					30		
	Tự chọn			2/6							
10.	Tin học đại cương*	COMP 103	1	2	9,5	0	19,5	0	60		
11.	Tiếng Việt thực hành*	COMM 106	1	2	10	0	20	0	60		
12.	Nghệ thuật đại cương	COMM 107	1	2	15	0	15	0	60		
13.	Giáo dục thể chất 1	PHYE 150	1	1	2	26	0	0	56		
14.	Giáo dục thể chất 2	PHYE 151	2	1	2	26	0	0	56		
15.	Giáo dục thể chất 3	PHYE 220	3	1	2	26	0	0	56		
16.	Giáo dục thể chất 4	PHYE 251	4	1	2	26	0	0	56		

TT	Tên môn học	Mã học phần	Học kì	Loại giờ tín chỉ						Học phần tiên quyết	Khoa phụ trách
				Số tín chỉ	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
17.	HP1: Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN (60 tiết)	DEFE 105		4							
18.	HP2: Công tác quốc phòng và an ninh (30 tiết)	DEFE 106		2							
19.	HP3: Quân sự chung (30 tiết)	DEFE 205		2							
20.	HP4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (60 tiết)	DEFE 206		4							
A2	Khối học văn chung nhóm ngành KHXH và nhân văn			10							
21.	Nhập môn khoa học xã hội và nhân văn	COMM 103	1	2	20	0	10	0	60		
22.	Nhân học đại cương	COMM 108	2	2	26	0	4	0	60		
23.	Xã hội học đại cương	COMM 109	2	2	20	0	10	0	60		
24.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	COMM 105	1	2	18	0	12	0	60		
25.	Lịch sử văn minh thế giới	COMM 110	2	2	22	0	8	0	60		
B	KHỐI HỌC VĂN ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SƯ PHẠM			35							
B1	Nghiệp vụ chung ngành Sư phạm			13							
	Bắt buộc			9							
26.	Giáo dục học	PSYC 102	3	3	25	0	20	0	90		
27.	Lí luận dạy học	COMM 201	3	2	15	0	15	0	60		

TT	Tên môn học	Mã học phần	Học kì	Loại giờ tín chỉ						Học phần tiên quyết	Khoa phụ trách
				Số tín chỉ	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
28.	Đánh giá trong giáo dục	COMM 003	5	2	15	0	15	0	60		
29.	Thực hành kĩ năng giáo dục	COMM 301	4	2	10	45	0	0	105		
	<i>Tự chọn (2/4 học phần)</i>			<i>4/8</i>							
30.	Giao tiếp sư phạm	PSYC 104	4	2	15	0	15	0	60		
31.	Phát triển mối quan hệ nhà trường	PSYC 104-B	4	2							
32.	Phát triển chương trình nhà trường	COMM 004	7	2	15	0	15	0	60		
33.	Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường	COMM 004-B	7	2	15	15	0	0	60		
B2	Nghiệp vụ ngành Sư phạm Địa lí			10							
	<i>Bắt buộc</i>			06							
34.	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Địa lí	GEOG 101G		3							
35.	Tổ chức dạy học môn Địa lí	GEOG 102G		3							
	<i>Tự chọn (1/2 học phần)</i>			<i>4/8</i>							
36.	Lí luận và phương pháp dạy học môn Địa lí	GEOG 103G		4							
37.	Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Địa lí	GEOG 104G		4							
B3	Thực hành Sư phạm			12							
	<i>Bắt buộc</i>			9							

TT	Tên môn học	Mã học phần	Học kì	Loại giờ tín chỉ						Học phần tiên quyết	Khoa phụ trách
				Số tín chỉ	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
38.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	COMM 001	3	3	0	90	0	0	135		
39.	Thực tập sư phạm 1	COMM 013	8	3							
40.	Thực tập sư phạm 2	COMM 014	8	3							
	Tự chọn (1/2 học phần)			3/6							
41.	Thực hành dạy học ở trường Đại học Sư phạm	GEOG 105G	7	3	1	0	0	44	90		
42.	Trải nghiệm hoạt động dạy học	GEOG 106G	7	3	2	0	0	43	90		
C	KHỐI HỌC VẤN CHUYÊN NGÀNH			66							
C1	Bắt buộc			46							
43.	Bản đồ học	GEOG 121G	2	2	20	0	0	10	90		Địa lí
44.	Cơ sở địa lí tự nhiên 1	GEOG 123G	3	4	40	10	10	0	120		Địa lí
45.	Cơ sở địa lí tự nhiên 2	GEOG 127G	3	3	30	5	5	5	120		Địa lí
46.	Cơ sở địa lí tự nhiên 3	GEOG 128G	3	3	35	5	5	0	120		Địa lí
47.	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	GEOG 240G	3	3	35	5	5	0	120		Địa lí
48.	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	GEOG 241G	4	3	35	5	5	0	120		Địa lí
49.	Địa lí tự nhiên các lục địa	GEOG 242G	4	4	40	10	10	0	120		Địa lí
50.	Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1	GEOG 311G	5	3	35	5	5	0	120		Địa lí
51.	Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2	GEOG 314G	5	3	35	5	5	0	120		Địa lí

TT	Tên môn học	Mã học phần	Học kì		Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết	Khoa phụ trách
				Số tín chỉ	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
52.	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 1	GEOG 330G	5	4	40	10	10	0	120		Địa lí
53.	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 2	GEOG 451G	6	3	30	5	5	5	120		Địa lí
54.	Địa lí kinh tế xã hội thế giới 1	GEOG 315G	7	3	35	5	5	0	120		Địa lí
55.	Địa lí kinh tế xã hội thế giới 2	GEOG 323G	8	4	40	10	10	0	120		Địa lí
56.	Cơ sở GIS và cơ sở viễn thám	GEOG 318G	4	4	40	0	0	20	120		Địa lí
C2	Tự chọn			20/40							
57.	Bản đồ giáo khoa	GEOG 333G	6	3	30	5	5	5	120		Địa lí
58.	GIS ứng dụng	GEOG 452G	6	2	30	5	5	5	120		Địa lí
59.	GIS và hệ thống hỗ trợ ra quyết định	GEOG 431G	6	2	30	5	5	5	120		Địa lí
60.	Ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường	GEOG 434G	6	3	30	5	5	5	120		Địa lí
61.	Phương pháp nghiên cứu Khoa học địa lí	GEOG 332G	5	3	30	5	5	5	120		Địa lí
62.	Tiếng Anh chuyên ngành	ENGL 390G	6	3	30	5	5	5	120		Địa lí
63.	Địa lí Biển Đông	GEOG 432G	6	3	30	5	5	5	120		Địa lí
64.	Biến đổi khí hậu	GEOG 453G	6	3	30	5	5	5	120		Địa lí
65.	Thực địa đo vẽ địa hình và GPS	GEOG 124G	2	2	15	0	0	15	90		Địa lí
66.	Thực địa đo phổ bằng máy cầm tay tự chọn	GEOG 130G	2	2	15	0	0	15	90		Địa lí

TT	Tên môn học	Mã học phần	Học kì	Loại giờ tín chỉ						Học phần tiên quyết	Khoa phụ trách
				Số tín chỉ	Lên lớp			Thực hành	Tự học, tự nghiên cứu		
					Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
67.	Thực địa cơ sở địa lí tự nhiên	GEOG 133G	4	2	2	0	0	28	90		Địa lí
68.	Thực địa địa lí tự nhiên tổng hợp	GEOG 233G	4	2	2	0	0	28	90		Địa lí
69.	Thực địa địa lí kinh tế – xã hội chuyên đề	GEOG 499G	7	2	2	0	0	28	90		Địa lí
70.	Thực địa địa lí kinh tế – xã hội tổng hợp	GEOG 429G	7	2	2	0	0	28	90		Địa lí
71.	Địa lí địa phương	GEOG 434G	7	3	30	5	5	5	120		Địa lí
72.	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	GEOG 431G	7	3	30	5	5	5	120		Địa lí
D	Khoá luận hoặc học phần thay thế			6							
73.	Khoá luận		8	6							Địa lí
74.	Môi trường và con người	GEOG 456G	7	2	20	5	5		90		Địa lí
75.	Những chủ đề lựa chọn về địa lí kinh tế – xã hội	GEOG 457G	7	2	20	5	5		90		Địa lí
76.	Tư duy không gian: sự hợp nhất GIS qua chương trình phổ thông	GEOG 458G	7	2	20	5	5		90		Địa lí

3. Cấu trúc khối học văn ngành

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN				

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
Cơ sở Địa lí tự nhiên: Trái Đất và Thạch quyển; Khí quyển và Thủy quyển; Thổ nhưỡng, Sinh quyển và Các quy luật địa lí chung của Trái Đất	Cơ sở Địa lí tự nhiên 1	4	MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về Trái Đất và Thạch quyển. MT 2: Vận dụng được những kiến thức/học vấn về Trái Đất – Thạch quyển trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về Trái Đất – Thạch quyển trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Cơ sở Địa lí tự nhiên 2	3	MT 1: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về khí quyển, thủy quyển và mối quan hệ giữa khí quyển, thủy quyển với các thành phần tự nhiên trong lớp vỏ địa lí. MT 2: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về khí quyển và thủy quyển trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về khí quyển và thủy quyển trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Cơ sở Địa lí tự nhiên 3	3	MT 1: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về thổ nhưỡng, sinh quyển và các quy luật địa lí chung của Trái Đất. MT 2: Vận dụng được kiến thức/học vấn về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Biến đổi khí hậu	3	MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về biến đổi khí hậu. MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về biến đổi khí hậu trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các kiến thức về biến đổi khí hậu trong sự phát triển của Khoa học địa lí và nội dung Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	Tự chọn

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
	Thực địa cơ sở địa lí tự nhiên	2	MT 1: Có kiến thức và kĩ năng cơ bản về nghiên cứu, khảo sát ngoài trời các thành phần tự nhiên của lớp vỏ địa lí. MT 2: Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng về khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các kiến thức về khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	Tự chọn
Địa lí tự nhiên các lục địa: Lục địa Á – Âu; Lục địa Phi, Á – Âu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Ôxtrâyli và Nam Cực	Địa lí tự nhiên các lục địa	4	MT 1: Phân tích được những nội dung cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên các lục địa trên thế giới. Xác định và phân tích được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên của lớp vỏ địa lí trong việc hình thành các đặc điểm địa lí tự nhiên các lục địa. MT 2: Sử dụng được bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để phân tích các nhân tố hình thành, đặc điểm địa lí tự nhiên các lục địa. MT 3: Xác định được vai trò của địa lí tự nhiên các lục địa trong sự phát triển kinh tế – xã hội thế giới nói chung, các quốc gia và vùng lãnh thổ trên mỗi lục địa nói riêng. Vận dụng được kiến thức về địa lí tự nhiên các lục địa trong học tập và nghiên cứu địa lí kinh tế – xã hội thế giới. MT 4: Vận dụng được các kiến thức địa lí tự nhiên các lục địa vào dạy học Địa lí ở trường phổ thông.	
Địa lí tự nhiên Việt Nam: Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam; Các đơn	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	3	MT 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; có kiến thức và kĩ năng cơ bản về các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. MT 2: Vận dụng được các kiến thức/học vấn về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn.	

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
vị phân vùng tự nhiên Việt Nam			MT 3: Xác định được vai trò của kiến thức về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam trong sự phát triển của Khoa học địa lí. MT 4: Xác định được các đơn vị kiến thức cốt lõi về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và giải thích được nội dung Chương trình môn Địa lí phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.	
	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	3	MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 (sự phân hoá tự nhiên Việt Nam và đặc điểm các cấp phân vùng tự nhiên Việt Nam). MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các kiến thức về Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 trong sự phát triển của Khoa học địa lí, trong nội dung Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Thực địa Địa lí tự nhiên tổng hợp	2	MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu, khảo sát ngoài trời các thành phần và cảnh quan tự nhiên (ĐLTN tổng hợp). MT 2: Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng về khảo sát, thực địa ĐLTN tổng hợp trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các kiến thức về khảo sát, thực địa ĐLTN tổng hợp trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	Tự chọn
ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI				
Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội: Các nguồn lực tự nhiên và kinh tế – xã hội của Việt	Cơ sở địa lí KT – XH 1	3	MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 (môi trường, tài nguyên thiên nhiên, quy mô dân số, gia tăng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, quần cư, đô thị hoá). MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.	

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
Nam; Địa lí dân cư Việt Nam; Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam; Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam.			MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2	3	MT 1: Có kiến thức và kĩ năng cơ bản về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 (khái niệm, vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, tình hình phát triển, phân bố, tổ chức lãnh thổ các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trên thế giới). MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Thực địa địa lí kinh tế – xã hội chuyên đề	2	MT 1: Có kiến thức và kĩ năng cơ bản về địa lí kinh tế – xã hội (nhất là cơ sở địa lí kinh tế – xã hội và địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam). MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về địa lí kinh tế – xã hội đã học trong nhà trường để nhận diện và giải quyết các vấn đề của tổ chức lãnh thổ kinh tế – xã hội tổng hợp, tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế, mối quan hệ giữa tài nguyên – môi trường, dân cư và sự phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn thực địa. MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về địa lí kinh tế – xã hội trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	Tự chọn
Địa lí kinh tế – xã hội thế giới: Địa lí kinh tế – xã hội châu Á; Châu Âu, Châu Đại Dương, châu Mỹ và châu Phi	Địa lí kinh tế – xã hội thế giới 1	3	MT 1: Có kiến thức cốt lõi về địa lí kinh tế – xã hội thế giới và châu Á, bao gồm một số vấn đề kinh tế – xã hội của thế giới đương đại; đặc điểm địa lí tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế của châu Á, các khu vực và một số quốc gia lựa chọn ở châu Á. MT 2: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn về kinh tế – xã hội và môi trường của thế giới, các khu vực và một số quốc gia ở châu Á.	

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
			MT 3: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng môn học để giảng dạy những nội dung về địa lí kinh tế – xã hội thế giới và địa lí kinh tế – xã hội châu Á, một số khu vực và quốc gia ở châu Á trong Chương trình giáo dục phổ thông.	
	Địa lí kinh tế – xã hội thế giới 2	4	MT 1: Có kiến thức cốt lõi về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội (địa lí tự nhiên – tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế) của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội các khu vực và một số quốc gia lựa chọn của các châu lục này. MT 2: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn về kinh tế – xã hội và môi trường của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; của các khu vực và một số quốc gia lựa chọn ở các châu lục này. MT 3: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng môn học để giảng dạy những nội dung về địa lí kinh tế – xã hội châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, các khu vực và một số quốc gia lựa chọn ở các châu lục này trong chương trình giáo dục phổ thông.	
Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam: Các nguồn lực tự nhiên và kinh tế – xã hội của Việt Nam; Các ngành kinh tế Việt Nam.	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 1	4	MT 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; có kiến thức và kỹ năng cơ bản về vị trí địa lí; tài nguyên thiên nhiên; địa lí dân cư và quần cư; địa lí các ngành kinh tế của Việt Nam. MT 2: Vận dụng được các kiến thức/học vấn về vị trí địa lí; tài nguyên thiên nhiên; địa lí dân cư và quần cư; địa lí các ngành kinh tế của Việt Nam trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò của kiến thức về vị trí địa lí; tài nguyên thiên nhiên; địa lí dân cư và quần cư; địa lí các ngành kinh tế của Việt Nam trong sự phát triển của Khoa học địa lí. MT 4: Xác định được các đơn vị kiến thức cốt lõi về vị trí địa lí; tài nguyên thiên nhiên; địa lí dân cư và quần cư; địa lí các ngành kinh tế của Việt Nam trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và giải thích được nội dung Chương trình môn Địa lí phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam.	

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 2	3	MT 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; có kiến thức và kỹ năng cơ bản về các vùng kinh tế – xã hội của Việt Nam với các đặc trưng về thể mạnh, hạn chế, hiện trạng phát triển và phân bố. MT 2: Vận dụng được các kiến thức/học vấn về Địa lí các vùng kinh tế – xã hội của Việt Nam trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò của kiến thức Địa lí các vùng kinh tế – xã hội của Việt Nam trong sự phát triển của Khoa học địa lí. MT 4: Xác định được các đơn vị kiến thức cốt lõi về Địa lí các vùng kinh tế – xã hội của Việt Nam trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và giải thích được nội dung Chương trình môn Địa lí phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam.	
	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	2	MT 1: Có kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế (lí thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế, các nguồn lực để Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam) và có kỹ năng phân tích các mối quan hệ kinh tế, đánh giá các hiện tượng kinh tế. MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	Tự chọn
	Địa lí Biển Đông	3	MT 1: Có kiến thức cốt lõi về vị trí địa lí và phạm vi của Biển Đông, chủ quyền biển – đảo của Việt Nam trên Biển Đông, vai trò của Biển Đông đối với các nước trong và ngoài khu vực; điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên biển và hải đảo; đặc điểm dân cư – xã hội – văn hoá và phát triển kinh tế biển – đảo; một số vấn đề và chiến lược biển – đảo của Việt Nam. MT 2: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa lí biển – đảo Việt Nam. MT 3: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng môn học để giảng dạy những nội dung về địa lí biển – đảo Việt Nam trong Chương trình giáo dục phổ thông.	Tự chọn

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
	Thực địa địa lí Kinh tế xã hội tổng hợp	2	MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu, khảo sát ngoài trời các thành phần và cảnh quan tự nhiên (ĐLTN tổng hợp). MT 2: Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng về khảo sát, thực địa ĐLTN tổng hợp trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các kiến thức về khảo sát, thực địa ĐLTN tổng hợp trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Địa lí địa phương	3	MT 1: Xác định được phương pháp khảo sát và nghiên cứu Địa lí địa phương, dạy học Địa lí địa phương. MT 2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và khảo sát địa lí địa phương để biên soạn tài liệu địa lí địa phương cấp tỉnh. MT 3: Rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý tài liệu Địa lí địa phương và phương pháp dạy học Địa lí địa phương theo chương trình quy định ở trường phổ thông. MT 4: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc, cần cù ham học, tự rèn luyện.	
BẢN ĐỒ, VIỄN THÁM, GIS VÀ PPNC KHOA HỌC ĐỊA LÍ				
Bản đồ học, bản đồ giáo khoa; Cơ sở Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lí (GIS); Viễn thám và GIS ứng dụng; Phương pháp nghiên cứu Khoa học địa lí;	Bản đồ học	3	MT 1: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về Bản đồ học. MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về Bản đồ học trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn. MT 3: Giải thích được các nội dung liên quan trong Chương trình môn Địa lí phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về Bản đồ học. MT 4: Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi liên quan đến bản đồ và sử dụng bản đồ ở Chương trình môn Địa lí phổ thông (vị trí của Bản đồ học trong Chương trình môn Địa lí ở phổ thông và sự phát triển của Khoa học địa lí).	

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
tiếng Anh chuyên ngành	Cơ sở GIS và cơ sở viễn thám	4	MT 1: Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản, cơ sở lý thuyết về hệ thống thông tin địa lý. MT 2: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng để thu thập và xử lý số liệu địa lý từ các nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. MT 3: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về cơ sở dữ liệu nói chung và cách thức xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý nói riêng. MT 4: Giúp sinh viên nắm bắt các hướng tiếp cận mới trong phân tích và giải đoán số liệu địa lý. MT 5: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về viễn thám, cơ sở vật lý của phương pháp viễn thám. MT 6: Các ứng dụng của viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên, môi trường, trong nghiên cứu kinh tế xã hội, trong nghiên cứu xã hội học. MT 7: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về kỹ thuật thu nhận các dạng tư liệu viễn thám và các phương pháp phân loại ảnh viễn thám. MT 8: Giúp sinh viên ứng dụng được công nghệ viễn thám để phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học.	
	Bản đồ giáo khoa	3	MT 1: Trang bị những kiến thức cơ bản về bản đồ giáo khoa, thành lập và sử dụng bản đồ giáo khoa. MT 2: Sử dụng tốt bản đồ giáo khoa phục vụ giảng dạy ở phổ thông; biết thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ giáo khoa phục vụ giảng dạy Địa lý.	Tự chọn
	GIS ứng dụng	2	MT 1: Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về GIS: cấu trúc, chức năng, tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu trong GIS và mối quan hệ giữa hệ thông tin Địa lý và các ngành khoa học khác.	

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
			MT 2: Phân tích được cơ sở dữ liệu không gian địa lí trong GIS và mối quan hệ giữa các lớp dữ liệu. MT 3: Ứng dụng GIS trong giải quyết các bài toán của Địa lí (phân tích không gian, quản lí tài nguyên và môi trường, thiên tai,...). MT 4: Kỹ năng phân tích không gian, kỹ năng giải quyết các bài toán ứng dụng trong Địa lí.	
	GIS và hệ thống hỗ trợ ra quyết định	2	MT 1: Trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên về hỗ trợ ra quyết định trong nghiên cứu các vấn đề Địa lí. MT 2: Hiểu được nguyên lí xây dựng các tiêu chí nhằm đánh giá khách quan các thể mạnh trong nghiên cứu vùng và lãnh thổ. MT 3: Hiểu được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, môi trường và tác động của nó tới hoạt động sản xuất của con người cũng như bản chất, nguyên nhân của các hiện tượng. MT 4: Vận dụng các phương pháp hỗ trợ ra quyết định trong các vấn đề địa lí. MT 5: Sử dụng các công cụ và phần mềm nhằm phân tích hỗ trợ ra quyết định với các vấn đề địa lí.	Tự chọn
	Ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường	3	MT 1: Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò của viễn thám trong triển khai mô hình nghiên cứu và ứng dụng cụ thể liên quan tới các quyền của Trái Đất. MT 2: Nhằm giúp sinh viên nắm vững về các dữ liệu cần thiết trong mô hình ứng dụng để từ đó thu thập các số liệu viễn thám phù hợp với từng loại ứng dụng giám sát tài nguyên và môi trường MT 3: Nhằm trang bị cho sinh viên các phương pháp tiền xử lí dữ liệu viễn thám, cách vận dụng một số công cụ cơ bản khi phân tích dữ liệu viễn thám và tích hợp chúng trong triển khai mô hình ứng dụng, phân tích không gian với dữ liệu tổng hợp MT 4: Nhằm hướng dẫn sinh viên biết đánh giá độ chính xác, độ tin cậy của kết quả thu được và kết xuất kết quả ra các hình thức khác nhau (từ dạng file số, đến dạng in trên giấy hay dạng hình ảnh đa phương tiện) thông qua các phần mềm chuyên ngành.	Tự chọn

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
	Phương pháp nghiên cứu Khoa học địa lí	3	MT 1: Trình bày và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực địa lí học, Khoa học giáo dục. MT 2: Lựa chọn và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu. MT 3: Sinh viên biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học. MT 4: phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu trong địa lí học, Khoa học giáo dục. MT 5: Biết thu thập, phân tích, xử lí được thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.	Tự chọn
	Thực địa đo vẽ địa hình và GPS	2	MT 1: Có kiến thức, kĩ năng cơ bản về thực địa đo vẽ địa hình và GPS. MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về thực địa đo vẽ địa hình và GPS trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò của thực địa đo vẽ địa hình và GPS trong sự phát triển của Khoa học địa lí. MT 4: Xác định được mối quan hệ giữa môn học với bản đồ và sử dụng bản đồ ở Chương trình môn Địa lí phổ thông.	Tự chọn
	Thực địa đo phổ bằng máy cầm tay tự chọn	2	MT 1: Trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở vật lí của ảnh viễn thám, phương thức thu nhận và phân tích dữ liệu viễn thám MT 2: Trang bị các kiến thức liên quan tới bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ, sự thay đổi của năng lượng bức xạ trong khí quyển. Đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng trong tự nhiên như đất, nước, thực vật, không khí và các yếu tố ảnh hưởng tới đặc trưng phổ của chúng. MT 3: Trang bị kĩ năng vận hành máy đo phổ cầm tay để tiến hành đo đạc số liệu ngoài thực địa. MT 4: Hướng dẫn sinh viên khai thác các số liệu đo được để xây dựng đường cong phổ phản xạ cho từng loại đối tượng và vận dụng chúng để nhận dạng các đối tượng cụ thể trong các ứng dụng viễn thám đa phổ.	Tự chọn

Các khối kiến thức trong CTĐT (66 TC)	Phân chia thành các học phần			Ghi chú
	Tên học phần	Số TC	Mục tiêu học phần	
Khoá luận hoặc học phần thay thế (6 tín chỉ)	Môi trường và con người	2	MT 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; có kiến thức, kỹ năng cơ bản về môi trường và con người. MT 2: Vận dụng được các kiến thức/học vấn về môi trường và con người trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về môi trường và con người trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Những chủ đề lựa chọn về Địa lí Kinh tế – Xã hội	2	MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội, bao gồm thông tin liên lạc, thương mại, du lịch, các vấn đề toàn cầu, các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam, biển đảo Việt Nam. MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn. MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.	
	Tư duy không gian: sự hợp nhất GIS qua Chương trình phổ thông	2	MT 1: Giúp sinh viên hiểu được bản chất của tư duy không gian và vận dụng tư duy không gian trong cuộc sống, trong công việc và trong khoa học. MT 2: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng dạy và học về tư duy không gian, đáp ứng nhu cầu của người học. MT 3: Trang bị cho sinh viên các công cụ để tư duy: khái niệm về hệ thống hỗ trợ, hệ thống hỗ trợ công nghệ cao cho tư duy không gian. MT 4: Giúp sinh viên nắm bắt các cách thức đánh giá về GIS như hệ thống để hỗ trợ tư duy không gian trong giáo dục phổ thông, GIS như hệ thống cho tư duy không gian và Hỗ trợ tư duy không gian trong tương lai.	

4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực theo Khung chuẩn đầu ra của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội của khối học văn ngành Sư phạm Địa lí (66 tín chỉ)

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Địa lí tự nhiên (xếp theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Địa lí kinh tế – xã hội (xếp theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với Mạch nội dung Bản đồ, Viễn thám, GIS và PPNC (xếp theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Tiêu chuẩn 1	Tiêu chí 1.1	1.1.1					5					5					5
		1.1.2					5					5					5
		1.1.3					5					5					5
	Tiêu chí 1.2	1.2.1			3					3					3		
		1.2.2			3					3					3		
		1.2.3			3					3					3		
	Tiêu chí 1.3	1.3.1			3					3					3		
		1.3.2			3					3					3		
		1.3.3			3					3					3		
	Tiêu chí 1.4	1.4.1			3					3					3		
		1.4.2					5					5					5
		1.4.3					5					5					5
	Tiêu chí 1.5	1.5.1				4					4					4	
		1.5.2					5					5					5
		1.5.3					5					5					5
		1.5.4			3					3					3		
		1.5.5			3					3					3		
	Tiêu chí 1.6	1.6.1				4					4					4	
		1.6.2				4					4					4	
		1.6.3				4					4					4	
Tiêu chuẩn 2	Tiêu chí 2.1	2.1.1				4					4					4	
		2.1.2				4					4					4	
		2.1.3				4					4					4	
		2.1.4				4					4					4	
		2.1.5				4					4					4	
	Tiêu chí 2.2	2.2.1				4					4					4	
		2.2.2			3					3					3		
		2.2.3			3					3					3		
		2.2.4			3					3					3		

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Địa lí tự nhiên (xếp theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Địa lí kinh tế – xã hội (xếp theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với Mạch nội dung Bản đồ, Viễn thám, GIS và PPNC (xếp theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Tiêu chuẩn 3		2.2.5				4					4					4	
		2.2.6				4					4					4	
		2.2.7				4					4					4	
		2.2.8			3					3					3		
		2.3.1			3					3					3		
	Tiêu chí 2.3	2.3.2			3					3					3		
		2.3.3			3					3					3		
	Tiêu chí 2.4	2.4.1					5					5					5
		2.4.2					5					5					5
		2.4.3					5					5					5
		2.4.4					5					5					5
		2.4.5					5					5					5
		2.4.6					5					5					5
	Tiêu chí 2.5	2.5.1			3					3					3		
		2.5.2			3					3					3		
		2.5.3			3					3					3		
	Tiêu chí 2.6	2.6.1				4					4					4	
		2.6.2				4					4					4	
		2.6.3					5					5					5
	Tiêu chí 3.1	3.1.1			3					3					3		
		3.1.2			3					3					3		
		3.1.3			3					3					3		
		3.1.4			3					3					3		
		3.1.5			3					3					3		
		3.1.6			3					3					3		
		3.1.7			3					3					3		
		3.1.8			3					3					3		
		3.1.9			3					3					3		
	Tiêu chí 3.2	3.2.1			3					3					3		
		3.2.2			3					3					3		
		3.2.3			3					3					3		

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Địa lí tự nhiên (xếp theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Địa lí kinh tế – xã hội (xếp theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với Mạch nội dung Bản đồ, Viễn thám, GIS và PPNC (xếp theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Tiêu chuẩn 3		3.2.4			3					3					3		
		3.2.5			3					3					3		
		3.2.6			3					3					3		
		3.2.7			3					3					3		
		3.2.8			3					3					3		
		3.2.9			3					3					3		
	Tiêu chí 3.3	3.3.1			3					3					3		
		3.3.2			3					3					3		
		3.3.3			3					3					3		
	Tiêu chí 3.4	3.4.1				4					4					4	
		3.4.2				4					4					4	
		3.4.3				4					4					4	
	Tiêu chí 3.5	3.5.1				4					4					4	
		3.5.2				4					4					4	
		3.5.3				4					4					4	
		3.5.4				4					4					4	
Tiêu chuẩn 4	Tiêu chí 4.1	4.1.1					5					5					5
		4.1.2					5					5					5
		4.1.3					5					5					5
		4.1.4					5					5					5
		4.1.5					5					5					5
	Tiêu chí 4.2	4.2.1				4					4					4	
		4.2.2				4					4					4	
		4.2.3				4					4					4	
		4.2.4				4					4					4	
	Tiêu chí 4.3	4.3.1				4					4					4	
		4.3.2				4					4					4	
		4.3.3				4					4					4	
		4.3.4				4					4					4	
	Tiêu chí 4.4	4.4.1			3					3					3		
		4.4.2			3					3					3		

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Chỉ báo	Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Địa lí tự nhiên (xếp theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với mạch nội dung Địa lí kinh tế – xã hội (xếp theo thứ tự tăng dần)					Mức độ yêu cầu cần đạt đối với Mạch nội dung Bản đồ, Viễn thám, GIS và PPNC (xếp theo thứ tự tăng dần)				
			1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
		4.4.3			3					3					3		
		4.4.4			3					3					3		
	Tiêu chí 4.5	4.5.1			3					3					3		
		4.5.2			3					3					3		
	Tiêu chí 4.6	4.6.1			3					3					3		
		4.6.2			3					3					3		
		4.6.3			3					3					3		

5. Kế hoạch đào tạo

Ghi chú:

- Những học phần màu xanh rêu là những học phần tự chọn.
- Các học phần chung và khối học văn chung và khối học văn đào tạo, rèn luyện năng lực sư phạm theo kế hoạch đào tạo của trường.
- Tổng cộng 66 tín chỉ, trong đó có 46 TC bắt buộc và 20 TC tự chọn (chưa gồm 6 TC khoá luận hoặc các học phần tương đương).

Học kì	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kì 1	Các học phần chung học theo kế hoạch của Trường			
Học kì 2 (6 TC)	Bản đồ học	GEOG 121G	2	
	Cơ sở địa lí tự nhiên 1	GEOG 123G	4	
Học kì 3 (11 TC)	Cơ sở địa lí tự nhiên 2	GEOG 127G	3	
	Cơ sở địa lí tự nhiên 3	GEOG 128G	3	
	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1	GEOG 240G	3	
	Thực địa đo vẽ địa hình và GPS	GEOG 124G	2	Chọn 2/4
	Thực địa đo phổ bằng máy cầm tay tự chọn	GEOG 130G	2	
Học kì 4 (13 TC)	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2	GEOG 451G	3	
	Địa lí tự nhiên các lục địa	GEOG 242G	4	
	Cơ sở GIS và cơ sở viễn thám	GEOG 318G	4	
	Thực địa cơ sở địa lí tự nhiên	GEOG 133G	2	Chọn 2/4
	Thực địa địa lí tự nhiên tổng hợp	GEOG 233G	2	
Học kì 5	Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1	GEOG 311G	3	

Học kì	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
(13 TC)	Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2	GEOG 314G	3	
	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 1	GEOG 330G	4	
	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Khoa học địa lí	GEOG 332G	3	Chọn 3/6
	Ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường	GEOG 434G	3	
Học kì 6 (11)	Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 2	GEOG 451G	3	
	GIS ứng dụng	GEOG 452G	2	Chọn 2/4
	GIS và hệ thống hỗ trợ ra quyết định	GEOG 431G	2	
	Bản đồ giáo khoa	GEOG 333G	3	Chọn 3/6
	Tiếng Anh chuyên ngành	ENGL 390G	3	
	Địa lí Biển Đông	GEOG 432G	3	Chọn 3/6
	Biến đổi khí hậu	GEOG 453G	3	
Học kì 7 (12 TC)	Địa lí kinh tế xã hội thế giới 1	GEOG 315G	3	
	Địa lí kinh tế xã hội thế giới 2	GEOG 323G	4	
	Thực địa địa lí kinh tế – xã hội chuyên đề	GEOG 499G	2	Chọn 2/4
	Thực địa địa lí kinh tế – xã hội tổng hợp	GEOG 429G	2	
	Địa lí địa phương	GEOG 434G	3	Chọn 3/6
	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	GEOG 431G	3	
Học kì 8 (6 TC)	Khoá luận		6	Khoá luận hoặc các học phần tương đương
	Môi trường và con người	GEOG 456G	2	
	Những chủ đề lựa chọn về địa lí kinh tế – xã hội	GEOG 457G	2	
	Tư duy không gian: Sự hợp nhất GIS qua chương trình phổ thông	GEOG 458G	2	

V. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CỦA KHỐI HỌC VẤN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

1. Nguyên tắc triển khai chương trình khung

– Phù hợp với mô hình đào tạo (tiếp cận năng lực, thống nhất, chuẩn hoá và liên thông) đã công bố.

– Đáp ứng chuẩn đầu ra, đặc biệt là các tiêu chí về năng lực dạy học, năng lực giáo dục thuộc Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm.

– Thống nhất từ nội dung lí luận dạy học đến nội dung thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học môn học. Tạo không gian chung trong đào tạo nghiệp vụ sư phạm (Tâm lí giáo dục học, Khoa học giáo dục, Phương pháp dạy học và thực hành nghề), nhờ vậy huy động tối đa nguồn lực chung của Nhà trường.

– Bám sát thực tiễn dạy học ở trường phổ thông; tăng cường thực hành theo hướng dạy nghề (từ thực hành thao tác đến kỹ năng thành phần, kỹ năng tổng hợp; từ thực hành một phần đến toàn bộ bài học; từ môi trường mô phỏng đến môi trường thực).

– Tham chiếu chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

– Có độ mở để triển khai các nội dung phù hợp với đặc thù dạy học môn học. Tùy theo từng ngành cụ thể, phân phối thời lượng cho các nội dung trong một học phần có thể khác nhau.

2. Mục tiêu, thời lượng và trình tự các học phần

2.1. Danh sách các học phần

Tâm lý học giáo dục (Mã: **PSYC 101**, 4TC) (nằm ngoài Khối NVSP – nhưng cung cấp nền tảng cho Khối học vấn này).

1. Giáo dục học (Mã: **PSYC102**, 3TC, bắt buộc)

2. Lý luận dạy học (Mã: **COMM201**, 2TC, bắt buộc)

3. Đánh giá trong giáo dục (Mã: **COMM003**, 2TC, bắt buộc)

4a. Giao tiếp sư phạm (Mã: PSYC104, 2TC, tự chọn theo cặp)

4b. Phát triển mối quan hệ nhà trường (Mã: PSYC104-B, 2TC, tự chọn theo cặp)

5a. Phát triển chương trình nhà trường (Mã: COMM004, 2TC, tự chọn theo cặp)

5b. Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường (Mã: COMM004-B, 2TC, tự chọn theo cặp)

6. Thực hành kỹ năng giáo dục (Mã: **COMM301**, 2TC, bắt buộc)

7a. Lý luận và phương pháp dạy học [tên môn học¹] (4TC, tự chọn theo cặp)

7b. Lý luận dạy học phát triển năng lực môn [tên môn học] (4TC, tự chọn theo cặp)

8. Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học] (3TC, bắt buộc)

9. Tổ chức dạy học [tên môn học] (3TC, bắt buộc)

10. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (Mã: **COMM001**, 3TC, bắt buộc)

11a. Thực hành dạy học ở trường sư phạm (3TC, tự chọn theo cặp)

11b. Trải nghiệm hoạt động dạy học (3TC, tự chọn theo cặp)

12. Thực tập sư phạm I (Mã: **COMM013**, 3TC, bắt buộc)

13. Thực tập sư phạm II (Mã: **COMM014**, 3TC, bắt buộc)

Ghi chú: Hai môn trong từng cặp môn (a, b) có vai trò tương đương trong mạch phát triển nghề nghiệp và có đóng góp như nhau tới chuẩn đầu ra của ngành đào tạo. Do vậy, chọn môn nào trong hai môn thì vẫn đảm bảo logic phát triển nghề và chuẩn đầu ra.

2.2. Phân bố các học phần theo khối học vấn

Các khối học vấn	Cơ cấu các học phần	Tính chất
Khối học vấn NVSP chung (13 tín chỉ)	<i>Giáo dục học (3 tín chỉ)</i>	Bắt buộc
	<i>Lý luận dạy học (2 tín chỉ)</i>	Bắt buộc
	<i>Đánh giá trong giáo dục (2 tín chỉ)</i>	Bắt buộc

¹ Viết cụ thể theo ngành đào tạo cử nhân sư phạm, ví dụ: Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý,...

Các khối học vấn	Cơ cấu các học phần		Tính chất
70% thời lượng cho học lí thuyết, 30% thời lượng cho thực hành nghề	Thực hành kĩ năng giáo dục, tập trung vào những kĩ năng sau: (2 tín chỉ) 1. Công tác chủ nhiệm lớp 2. Kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục 3. Quản lí hành vi trong lớp học 4. Tư vấn học đường		Bắt buộc
	Giao tiếp sư phạm hoặc Phát triển mối quan hệ nhà trường: (2 tín chỉ)		Tự chọn 1 trong 2
	Phát triển chương trình nhà trường hoặc Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường (2 tín chỉ)		Tự chọn 1 trong 2
Khối học vấn NVSP ngành (10 tín chỉ) 70% thời lượng cho học lí thuyết 30%, thời lượng cho thực hành nghề	Do các khoa chủ động xây dựng, theo khung thống nhất chung trong toàn trường:		
	– Lí luận và phương pháp dạy học [tên môn học] hoặc Lí luận dạy học phát triển năng lực môn [tên môn học] (4 tín chỉ)		Tự chọn 1 trong 2
	– Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học] (3 tín chỉ)		Bắt buộc
	– Tổ chức dạy học [tên môn học] (3 tín chỉ)		Bắt buộc
Thực hành sư phạm (12 tín chỉ) 100% thời lượng cho thực hành nghề	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3 tín chỉ) (Do Trung tâm NC&PT NVSP chủ động xây dựng)	Kĩ năng khai thác, lưu trữ và xử lí thông tin giáo dục	Bắt buộc
		Kĩ năng sử dụng các phần mềm tin học trong dạy học	
		Kĩ năng ngôn ngữ nói và thuyết trình	
		Kĩ năng viết và trình bày bảng	
		Kĩ năng sử dụng phương tiện dạy học	
	Thực hành dạy học tại trường sư phạm hoặc Trải nghiệm hoạt động dạy học (3 tín chỉ)	Do các khoa chủ động xây dựng theo khung thống nhất chung trong toàn trường.	Tự chọn 1 trong 2
	Thực tập tại trường phổ thông (6 tín chỉ)	Thực tập sư phạm I (5 tuần)	Bắt buộc
Thực tập sư phạm II (5 tuần)		Bắt buộc	
Thi giảng điều kiện tốt nghiệp (không tính kết quả vào điểm tích lũy)			Bắt buộc

2.3. Phân bố các học phần thuộc Khối học vấn NVSP theo các học kì

Học kì	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị giảng dạy/đầu mối	Ghi chú
I	Tâm lí học giáo dục		Khoa Tâm lí – Giáo dục	Năm 1, HK1
II				Năm 1, HK2
III	Học kì mùa hè			

Học kì	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị giảng dạy/đầu mối	Ghi chú
IV	Giáo dục học	3	Khoa Tâm lí – Giáo dục	Năm 2, HK1
	Lí luận dạy học	2	Nhà trường chọn cử giảng viên	
V	<i>Lí luận và phương pháp dạy học [tên môn học] hoặc Lí luận dạy học phát triển năng lực môn [tên môn học]</i>	4	Các khoa thực hiện	Năm 2, HK2
	Rèn luyện NVSP thường xuyên	3	Trung tâm NC&PT NVSP phối hợp với các khoa	
VI	Học kì mùa hè			
VII	Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học]	3	Các Khoa thực hiện	Năm 3, HK1
	<i>Giao tiếp sư phạm hoặc Phát triển mối quan hệ nhà trường</i>	2	Khoa Tâm lí – Giáo dục	
	Thực hành kĩ năng giáo dục	2	Trung tâm NC&PT NVSP, Khoa Tâm lí – Giáo dục	
VIII	Tổ chức dạy học [tên môn học]	3	Các Khoa thực hiện	Năm 3, HK2
	Đánh giá trong giáo dục	2	Nhà trường chọn cử giảng viên	
IX	Học kì mùa hè			
X	<i>Phát triển chương trình nhà trường hoặc Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường</i>	2	Nhà trường chọn cử giảng viên	Năm 4, HK1
	<i>Thực hành dạy học tại trường sư phạm hoặc Trải nghiệm hoạt động dạy học</i>	3	Các khoa (có thể sử dụng cơ sở vật chất của Trung tâm NC&PT NVSP). Các Khoa, P.Đào tạo, Trung tâm NC&PT NVSP xếp TKB cho toàn trường.	
XI	Thực tập sư phạm I	3	Phòng Đào tạo lập kế hoạch (5 tuần)	Năm 4, HK2
	Thực tập sư phạm II	3	Phòng Đào tạo lập kế hoạch (5 tuần)	
Thi giảng điều kiện tốt nghiệp: Tổ chức thành nhiều đợt sau Thực tập sư phạm, Thi giảng với HS phổ thông hoặc SV năm thứ nhất, Hội đồng gồm giảng viên cơ bản, giảng viên phương pháp, giáo viên phổ thông giỏi, hiệu trưởng/hiệu phó trường phổ thông.				

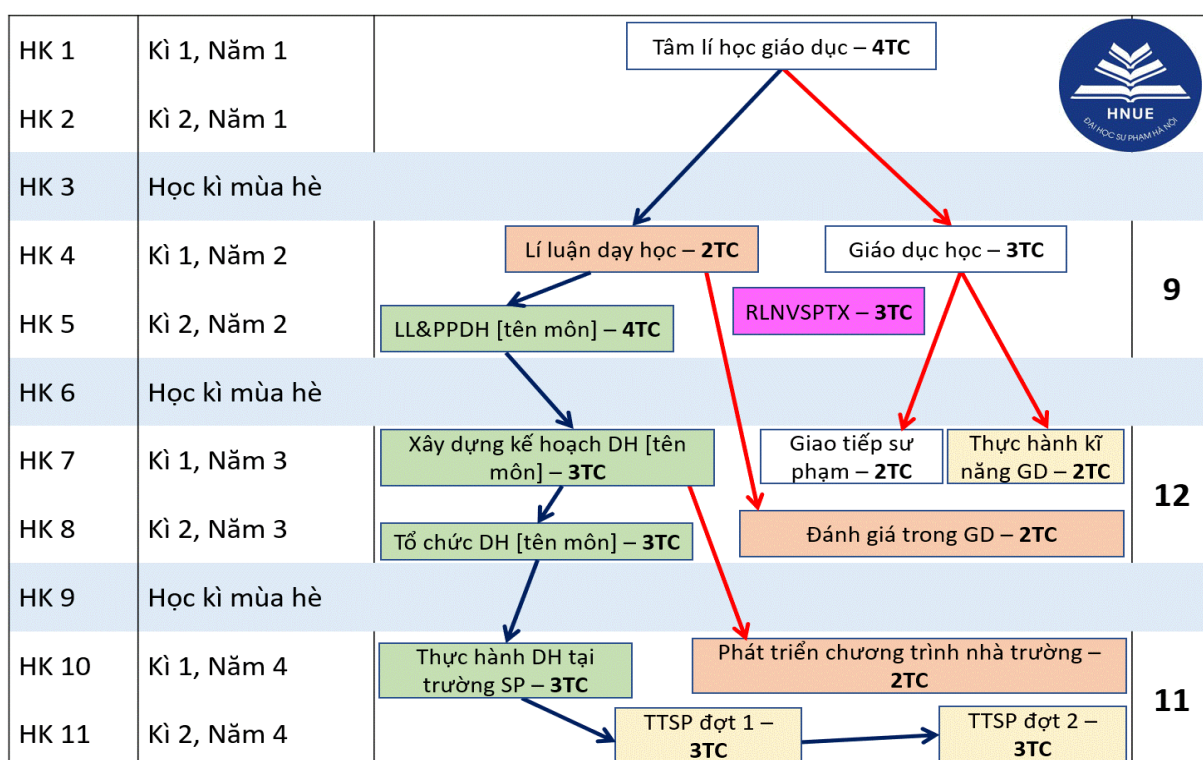
2.4. Quan hệ tiên quyết

Học kì	Môn học	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
IV	Giáo dục học	3	Tâm lí học giáo dục
	Lí luận dạy học	2	Tâm lí học giáo dục

Học kì	Môn học	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
V	Lí luận và phương pháp dạy học [tên môn học] hoặc <i>Lí luận dạy học phát triển năng lực môn [tên môn học]</i>	4	Lí luận dạy học
	Rèn luyện NVSP thường xuyên	3	
VII	Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học]	3	Lí luận và phương pháp dạy học [tên môn học] hoặc <i>Lí luận dạy học phát triển năng lực môn [tên môn học]</i>
	Giao tiếp sư phạm hoặc <i>Phát triển mối quan hệ nhà trường</i>	2	Giáo dục học
	Thực hành kĩ năng giáo dục	2	Giáo dục học
VIII	Tổ chức dạy học [tên môn học]	3	Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học]
	Đánh giá trong giáo dục	2	Lí luận dạy học
IX	Phát triển chương trình nhà trường hoặc <i>Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường</i>	2	Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học]
	Thực hành dạy học tại trường sư phạm hoặc <i>Trải nghiệm hoạt động dạy học</i>	3	Tổ chức dạy học [tên môn học]
XI	Thực tập sư phạm I	3	Thực hành dạy học tại trường sư phạm hoặc Trải nghiệm hoạt động dạy học
	Thực tập sư phạm II	3	Thực tập sư phạm I

2.5. Cây tiến trình

KHOẢNG VẤN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM – 35 TC



3. Xây dựng chương trình chi tiết

Tổ công tác của Nhà trường xây dựng chương trình chi tiết cho các học phần thuộc Khối học văn nghiệp vụ sư phạm **trừ** các học phần gắn với đặc trưng của ngành đào tạo:

7a. Lí luận và phương pháp dạy học [tên môn học] (4TC, tự chọn theo cặp)

7b. Lí luận dạy học phát triển năng lực môn [tên môn học] (4TC, tự chọn theo cặp)

8. Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học] (3TC, bắt buộc)

9. Tổ chức dạy học [tên môn học] (3TC, bắt buộc)

11a. Thực hành dạy học ở trường sư phạm (3TC, tự chọn theo cặp)

11b. Trải nghiệm hoạt động dạy học (3TC, tự chọn theo cặp)

Các khoa chủ trì triển khai chương trình chi tiết, đánh mã cho các học phần kể trên theo đặc trưng từng ngành, có thể bổ sung nội dung chi tiết, điều chỉnh thứ tự, thời lượng nội dung đào tạo trong mỗi học phần. Chú ý đáp ứng các yêu cầu sau (thống nhất chung trong toàn trường):

a) Đảm bảo nội dung cốt lõi và ma trận mô tả mức độ đáp ứng của học phần với Chuẩn đầu ra.

b) Giữ đúng cấu trúc tên học phần, thời lượng (số tín chỉ) và trình tự (vị trí trong các học kì đào tạo).

Đối với các ngành Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, chương trình cho 10 + 3 tín chỉ trên có thể có cấu trúc linh hoạt hơn nhưng vẫn cần đảm bảo nội dung cốt lõi và ma trận mô tả mức độ đáp ứng của học phần với Chuẩn đầu ra. Thời lượng và trình tự các học phần cần phù hợp với mô hình đào tạo chung trong toàn trường.

VI. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng và yêu cầu về phương pháp giáo dục

1.1. Định hướng về phương pháp

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại;
- Chuyển từ cách học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý đến các hoạt động xã hội, trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học;
- Khuyến khích và rèn luyện năng lực tự học, tạo cơ sở để học tập suốt đời, tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực;
- Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, hợp lý, phù hợp với nội dung, đối tượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

1.2. Yêu cầu về phương pháp

Phương pháp dạy học trong Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Địa lí đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

a. Phù hợp với tiến trình nhận thức của người học; không chỉ coi trọng tính logic của Khoa học địa lí mà cần chú ý cách tiếp cận dựa trên vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của người học.

b. Quán triệt tinh thần “lấy người học làm trung tâm”, phát huy tính chủ động, tích cực, tự giác của người học; chú ý nhu cầu, năng lực nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân người học; tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, trong đó người học được tham gia tìm tòi, phát hiện, suy luận giải quyết vấn đề; tăng cường tính tương tác, sự tham gia và hợp tác trong dạy học.

c. Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; kết

hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức địa lí học vào thực tiễn; cấu trúc bài học bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa kiến thức cốt lõi, kiến thức vận dụng và các thành phần khác.

d. Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

*Bảng so sánh so sánh một số nét đặc trưng
của dạy học truyền thống và các mô hình dạy học mới*

Đặc trưng	Dạy học truyền thống	Các mô hình dạy học mới
Quan niệm	Học là quá trình tiếp thu và lĩnh hội, qua đó hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ.	Học là quá trình kiến tạo; sinh viên tìm tòi, khám phá, phát hiện, luyện tập, khai thác và xử lý thông tin,... tự hình thành năng lực và phẩm chất.
Bản chất	Truyền thụ tri thức của giáo viên.	Tổ chức hoạt động nhận thức cho sinh viên. Dạy sinh viên cách tìm ra tri thức.
Mục tiêu	– Chú trọng cung cấp tri thức, kỹ năng, kỹ xảo. – Học để đối phó với thi cử. – Sau khi thi xong những điều đã học thường bị bỏ quên hoặc ít dùng đến.	– Chú trọng hình thành các năng lực (sáng tạo, hợp tác,...), dạy phương pháp và kỹ thuật lao động khoa học, dạy cách học, học cách nghĩ. – Học để đáp ứng những yêu cầu của cuộc sống hiện tại và tương lai. – Những điều đã học cần thiết, bổ ích cho bản thân sinh viên và cho sự phát triển xã hội.
Nội dung	Từ giáo trình và giáo viên.	Từ nhiều nguồn khác nhau: giáo trình, giáo viên, các tài liệu khoa học phù hợp, thí nghiệm, thực tế,... gắn với: – Vốn hiểu biết, kinh nghiệm và nhu cầu của sinh viên. – Tình huống thực tế, bối cảnh và môi trường địa phương. – Những vấn đề sinh viên quan tâm.
Phương pháp	Các phương pháp diễn giảng, truyền thụ kiến thức một chiều.	Các phương pháp dạy học tích cực như: kiến tạo, giải quyết vấn đề; dạy học tương tác,...
Hình thức tổ chức	Cố định: Giới hạn trong 4 bức tường của lớp học, giáo viên đối diện với cả lớp.	Cơ động, linh hoạt: học ở lớp, ở phòng thí nghiệm, ở hiện trường, trong thực tế,... học cá nhân, học theo cả nhóm, cả lớp đối diện với giáo viên.

2. Định hướng về phương pháp học tập của sinh viên

Để có thể học tập được tốt ở bậc đại học, trước hết người học cần thực hiện các bước sau:

Bước 1. Xác lập mục tiêu học tập: Cần lập mục tiêu học tập ngắn hạn (mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi học kỳ) và mục tiêu dài hạn (mỗi năm học, sau khi tốt nghiệp,...) nhằm thúc đẩy bản thân người học cố gắng vươn lên. Mục tiêu đặt ra phải cụ thể, gắn gũi với bản thân để có thể thực hiện được.

Bước 2. Lập kế hoạch học tập: Cần xác định khoảng thời gian sẽ làm từng công việc cụ thể và đảm bảo sẽ hoàn thành công việc đó đúng thời hạn. Sắp xếp thời gian học tập hợp lý, đảm bảo mức độ tập trung để tiếp thu kiến thức hiệu quả nhất. Kế hoạch học tập được lập cần cụ thể, rõ ràng và phải cân đối, hợp lý giữa thời gian học tập và các hoạt động khác (như tích cực tham gia các hoạt động phong trào để tích lũy thêm trải nghiệm, gia tăng các mối quan hệ xã hội).

Bước 3. Xác định đúng phương pháp học tập: Khối lượng học vấn ở bậc đại học rất lớn và phương pháp giảng dạy và môi trường học tập cũng khác xa bậc học phổ thông. Vì vậy, người học cần có được phương pháp học tập thích hợp để đạt kết quả học tập cao nhất. Có hai phương pháp học tập chính ở bậc đại học như sau.

a). Phương pháp học tập cá nhân

Nghe giảng: Nếu chú tâm nghe giảng, hiệu suất tiếp thu đạt tới 50 phần trăm. Tuy nhiên, việc tập trung nghe giảng để nắm được bài ngay trên lớp không phải là một việc đơn giản và dễ dàng đối với người học. Người học nên chọn vị trí gần thầy cô, vừa có thể nghe rõ hơn, vừa tránh để bản thân bị phân tâm. Việc phát biểu hay đặt câu hỏi cho thầy cô giáo cũng là một cách khiến chúng ta tập trung hơn. Để phát biểu tốt thì hãy ghi những câu nhận xét hay phát biểu vào một tờ giấy trước khi phát biểu.

Ghi chép: Không ai có thể tự tin vào trí nhớ của mình mà không cần ghi chép. Cần phải viết nhanh hơn, dùng nhiều kí tự viết tắt hơn. Không cần phải ghi tất cả những gì thầy cô nói. Hãy dành thời gian để nghe các thầy cô giải thích kĩ hơn về định nghĩa, khái niệm, cách chứng minh,... Chỉ ghi chép những gì mà chúng ta chưa biết, những điều quan trọng mà sách không có. Ngoài ra, vở của các bạn học cũng là tài liệu hữu ích vì có thể lúc đăng trí bạn bỏ sót một vài chi tiết quan trọng trong bài giảng.

Làm bài, thực tập: Học phải đi đôi với hành, lí thuyết phải gắn liền với thực tập vì chỉ có thực hành, làm bài nhiều thì mới có thể nhớ kĩ, nhớ lâu. Ở bậc học đại học, thực tập là hình thức học tập không thể thiếu. Thực tập có thể tiến hành ở phòng thí nghiệm, trên thực địa, hay ở các cơ sở nghiên cứu, sản xuất,... với mục đích củng cố, kiểm tra kiến thức lí thuyết đã học và tập dượt ứng dụng tri thức khoa học vào thực tiễn.

Tự học: Việc dạy và học ở bậc đại học nhấn mạnh đến sự tự giác và tự chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mỗi cá nhân. Vì vậy, cách học ở bậc đại học luôn xoay quanh vấn đề: làm sao để người học tự nỗ lực đạt kết quả học tập cao nhất. Do đó, mỗi người học cần nhận thức rõ những vấn đề sau:

- Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người giáo viên. Qua đó, có ý thức trở thành người biết suy nghĩ, phải suy nghĩ và được quyền suy nghĩ.
- coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học, tự nghiên cứu suốt đời để phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai của chính người học.
- Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích.

b) Phương pháp học nhóm

Học nhóm là một hình thức học hợp tác nâng cao chất lượng của mỗi thành viên nhờ học hỏi từ bạn bè thông qua quá trình trao đổi và chia sẻ kiến thức cùng nhau, do đó có được những kết quả học tập tiến bộ về nhiều mặt.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

Đánh giá giáo dục là một khâu then chốt trong tiến trình thực hiện Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Địa lí. Vì thế, đổi mới căn bản hình thức, phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục, đặc biệt là đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên đóng vai trò vô cùng quan trọng. Việc đánh giá chất lượng giáo dục phải tuân thủ theo những nguyên tắc sau:

a) Đảm bảo giá trị nhân văn của đánh giá giáo dục, đó là đánh giá giáo dục vì sự tiến bộ của người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Việc đánh giá không chỉ làm cho người học nhận ra mức độ năng lực đạt được của bản thân họ mà còn giúp người học tự tin hơn với khả năng phát triển của mình, tạo được hứng thú của người học với chính quá trình học tập.

b) Đảm bảo trung thực, khách quan, công khai, công bằng của việc đánh giá chất lượng giáo dục.

c) Đánh giá chất lượng giáo dục phải tuân thủ theo đúng Khung chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo cũng như Khung chuẩn đầu ra của từng học phần (theo đúng các tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo, thể hiện đã được nêu ra).

d) Phối hợp các phương pháp đánh giá, chú trọng hơn đánh giá quá trình, đánh giá các thành phần của quá trình, sao cho đánh giá đúng được năng lực người học. Khuyến khích sinh viên biết tự đánh giá việc học.

Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá quá trình, đánh giá định kì), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn,...) và vào những thời điểm thích hợp.

Đánh giá quá trình (hay đánh giá thường xuyên) do giáo viên phụ trách môn học tổ chức, kết hợp với đánh giá của giáo viên các môn học khác, của bản thân sinh viên được đánh giá và của các sinh viên khác trong tổ, trong lớp hoặc đánh giá của cố vấn học tập. Đánh giá quá trình đi liền với tiến trình hoạt động học tập của sinh viên, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, bảo đảm mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của người học.

Đánh giá định kì (hay đánh giá tổng kết) có mục đích chính là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập. Kết quả đánh giá định kì và đánh giá tổng kết được sử dụng để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của người học. Đánh giá định kì còn được sử dụng để phục vụ quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Địa lí.

Đánh giá năng lực người học thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của người học. Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét. Một số hình thức đánh giá định kì bao gồm:

– *Đánh giá hoạt động trên lớp*: nghe giảng ghi chép; tham dự giờ đầy đủ; tích cực tham gia trình bày, trao đổi tại các hội thảo.

– *Bài tập cá nhân/tuần*: Bài tập cá nhân tuần ở dạng bài viết (essay) ứng với nhiệm vụ chuẩn bị cho các bài giảng lí thuyết trên lớp hoặc cho các giờ thực hành, làm việc tại phòng thí nghiệm, thảo luận. Bài tập cá nhân tuần cho phép đánh giá năng lực đọc, viết, phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện,... của người học.

– *Bài tập hoạt động theo nhóm/tháng*: Loại bài tập này ứng với nhiệm vụ thực tập, làm thí nghiệm, đi khảo sát thực tế về một vấn đề lí thuyết khó, cần có sự góp ý của nhiều người hoặc đòi hỏi lao động tập thể. Bài tập hoạt động theo nhóm có thể dùng để đánh giá năng lực nhận thức, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng quản lí, lãnh đạo, sử dụng thời gian, giải quyết vấn đề,... Các năng lực nghe, nói, đọc, viết cũng được củng cố. Bài tập này được thực hiện 1 – 2 tháng/lần.

– *Bài tập lớn/học kì*: Đây là loại bài tập nhằm kiểm tra kiến thức, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học để đạt được các mục tiêu nhận thức bậc cao. Các năng lực khác như giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, cũng như các năng lực nghe, nói, đọc, viết cũng được củng cố. Loại bài tập này yêu cầu sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề tương đối trọn vẹn mà giảng viên không giảng trực tiếp trên lớp và chỉ hướng dẫn để sinh viên tự nghiên cứu. Vấn đề nghiên cứu có thể do giảng viên gợi ý, có thể do sinh viên tự đề xuất với sự đồng ý của giảng viên.

– *Bài thi giữa kì*: Đối với các môn học có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng 2 có thể áp dụng hình thức thi giữa kì nhằm sơ kết, đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau nửa học kì, làm cơ sở cho việc cải tiến, điều chỉnh cách dạy học.

– *Bài thi cuối kì*: Đây là bài thi quan trọng nhất của môn học nhằm đánh giá toàn diện các mục tiêu của môn học, kết quả học tập năm học cả về kiến thức, kỹ năng (trong đó có kỹ năng phân tích, tổng hợp, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy phản biện,...).

Lưu ý: Các giảng viên phải cung cấp các tiêu chí đánh giá cho mỗi loại bài tập để sinh viên định hướng thực hiện các bài tập đó và tự đánh giá được mức độ hoàn thành bài tập của mình. Các tiêu chí đánh giá bài kiểm tra cố định trong suốt quá trình dạy học môn học được thể hiện trong đề cương môn học, còn các tiêu chí đánh giá các bài tập khác được công bố cùng với bài tập. Các tiêu chí đánh giá đối với từng loại bài tập như sau:

– *Bài tập cá nhân/tuần*: theo các yêu cầu trong bảng sau:

Nội dung	Hình thức	Thời gian
– Xác định vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu rõ ràng, hợp lí. – Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu. – Có bằng chứng về việc sử dụng tài liệu do giảng viên hướng dẫn.	– Cấu trúc bài viết logic, hệ thống. – Ngôn ngữ trong sáng, trích dẫn hợp lệ, không dài quá so với quy định của giảng viên; – Trình bày đẹp, hình ảnh, biểu bảng minh họa phù hợp.	– Nộp đúng hạn do giảng viên quy định. – Ngoài ra, tùy loại vấn đề mà giảng viên có thể có các tiêu chí đánh giá riêng.

– *Bài tập nhóm/tháng*: Loại bài tập được trình bày dưới dạng dự án, đề án, báo cáo kết quả, xây dựng kế hoạch, có thể được thể hiện qua mẫu báo cáo hoạt động theo nhóm.

VII. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổ chức và quản lý của khoa Địa lí

Việc tổ chức giảng dạy theo Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí đòi hỏi sự thay đổi lớn trong nhận thức của toàn thể cán bộ giảng dạy của khoa Địa lí, đặc biệt trong nhận thức của các cán bộ quản lý. Cần giải quyết tốt vấn đề điều hành công tác giảng dạy trên cơ sở phối hợp sự phân công giảng dạy của Nhà trường, của Khoa và của các Bộ môn. Tập trung nâng cao vai trò của tổ bộ môn trong việc hình thành và duy trì các nhóm nghiên cứu (working group) xoay quanh các chuyên gia đầu ngành. Bên cạnh đó, cần quán triệt hình thức đào tạo theo tín chỉ và khai thác tối đa những đặc điểm thuận lợi của hình thức đào tạo này.

2. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học

Để có thể thực hiện tốt Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí và góp phần hoàn thành sứ mạng của Đại học Sư phạm trọng điểm của cả nước, khoa Địa lí cần khẳng định được vai trò là một cơ sở NCKH giáo dục và Khoa học địa lí có uy tín. Qua đó, khẳng định vị thế về khoa học của Khoa Địa lí trong cộng đồng các trường Đại học Sư phạm của cả nước. Duy trì

và tăng dần số lượng các công bố của cán bộ giảng dạy của Khoa trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Cố gắng tạo ra những điều kiện tốt nhất cho các nhà khoa học để các nhà khoa học phát huy hết khả năng sáng tạo của mình.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao

Coi trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa Địa lí có trình độ cao, chú trọng đào tạo lại đội ngũ giảng viên của Khoa trên cơ sở coi quá trình tự đào tạo là nhiệm vụ thường xuyên đối với mỗi giảng viên để đáp ứng yêu cầu mới.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục

Cần đáp ứng đầy đủ các loại thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, mạng internet, máy chiếu,...) phục vụ công tác quản lí và giảng dạy. Xây dựng thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên và học sinh; bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo hằng năm đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình mới. Đáp ứng đầy đủ các loại thiết bị dạy học (tối thiểu) phục vụ giảng dạy, học tập, đặc biệt phục vụ công tác dạy học theo chương trình mới.

5. Xã hội hoá giáo dục

Tìm cách huy động đa dạng các nguồn lực tham gia các hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

Phối hợp tốt giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội. Chủ động tổ chức, hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, hoạt động xã hội, tích cực góp phần thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, qua đó thực hiện giáo dục sinh viên trong thực tiễn đời sống.

VIII. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Phát triển Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Địa lí phải là hoạt động thường xuyên, bao gồm các khâu đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chương trình trong quá trình thực hiện.

Hằng năm, Khoa cần tổ chức khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến các cơ quan quản lí giáo dục, các trường, cán bộ quản lí, giáo viên, sinh viên và những người quan tâm để đánh giá chương trình, xem xét, điều chỉnh (nếu cần thiết) và hướng dẫn thực hiện các điều chỉnh (nếu có).

IX. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

1. Khối học văn chung ngành Sư phạm (25 tín chỉ)

1.1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

(Theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

(Theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

(Theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*(Theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

*(Theo đề cương học phần kèm theo quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1.6. TIẾNG ANH 1 (A1A2)

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.7. TIẾNG ANH 1 (A2B1)

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.8. TIẾNG PHÁP 1

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.9. TIẾNG NGÀ 1

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.10. TIẾNG TRUNG 1

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.11. TIẾNG ANH 2 (A2B1)

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.12. TIẾNG PHÁP 2

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành)

của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

1.13. TIẾNG NGÀ 2

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.14. TIẾNG TRUNG 2

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.15. TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.16. THỐNG KÊ XÃ HỘI HỌC

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.17. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.18. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.19. NGHỆ THUẬT ĐẠI CƯƠNG

*(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành
của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)*

1.20. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

(Thực hiện theo chương trình hiện hành do nhà trường ban hành)

1.21. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

(Thực hiện theo chương trình hiện hành do nhà trường ban hành)

1.22. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

(Thực hiện theo chương trình hiện hành do nhà trường ban hành)

1.23. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 4

(Thực hiện theo chương trình hiện hành do nhà trường ban hành)

1.24. HỌC PHẦN 1: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Thực hiện theo chương trình hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo)

1.25. HỌC PHẦN 2: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Thực hiện theo chương trình hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo)

1.26. HỌC PHẦN 3: QUÂN SỰ CHUNG

(Thực hiện theo chương trình hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo)

1.27. HỌC PHẦN 4: KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT

(Thực hiện theo chương trình hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo)

1.28. NHẬP MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

1.29. CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

1.30. NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

1.31. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

1.32. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2. Khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực Sư phạm (35 tín chỉ)

2.1. GIÁO DỤC HỌC

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2.2. LÝ LUẬN DẠY HỌC

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2.3. ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2.4. THỰC HÀNH KỸ NĂNG GIÁO DỤC HỌC

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2.5. GIAO TIẾP SƯ PHẠM

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2.6. PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ NHÀ TRƯỜNG

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2.7. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2.8. TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG NHÀ TRƯỜNG

(Đề cương chi tiết học phần tuân theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

2.9. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ

1. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về môn học

1.1. Tên môn: Xây dựng kế hoạch dạy học môn Địa lí

1.2. Mã môn học: GEOG 101G

1.3. Số tín chỉ: 3

1.4. Học phần tiên quyết: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí hoặc Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Địa lí

1.5. Bộ môn phụ trách: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Kiều Văn Hoan	0393800130	kieuvanhoan@hnue.edu.vn
2	Ngô Thị Hải Yến	0983733969	yenppdl@gmail.com
3	Đặng Tiên Dung	0393800130	tiendung@hnue.edu.vn
4	Đoàn Thanh Phương	0983313297	thanhphuong77@gmail.com
5	Nguyễn Tú Linh	0946655536	nguyenlinh.geo@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công văn số: 5555/BGDĐT-GDTrH, ngày 08 tháng 10 năm 2014. *Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.*

2.2.2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông Tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018).

2.2.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018).

2.2.4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018).

2.2.5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí cấp THPT* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018).

2.2.6. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng: *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*; NXB Đại học Sư phạm, năm 2003.

2.2.7. Phạm Hồng Tung, Nguyễn Viết Thịnh (Đồng Chủ Biên), *Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí trung học cơ sở theo Chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB Đại học Sư phạm, 2019.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018, *Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.*

2.3.2. David Lambert and David Balderstone (2010), *Learning to Teach Geography in the Secondary School*, London and New York.

2.3.3. Daniella Tilbury and Michanel williams (2003), *Teaching and learning Geography*, London and New York.

2.3.4. David Lambert and John Morgan (2010), *Teaching Geography 11 – 18*, The McGraw Hill Companies.

2.3.5. Maggie Smith (2005), *Teaching Geography in Secondary Schools*, London and New York.

2.3.6. Patrich Wiegand (2006), *Learning and Teaching with Maps*, London and New York.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí;

MT 2: Xây dựng kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn, kế hoạch dạy học môn Địa lí và lựa chọn được hình thức tổ chức dạy học, phương pháp, kỹ thuật, phương tiện dạy học phù hợp trong dạy học môn Địa lí ở trường phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa.

CDR 2: Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả.

CDR 3: Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá.

CDR 4: Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục.

CDR 5: Tổ chức được các hoạt động học tập của học sinh; vận dụng được các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học của học sinh.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phân biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x

3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x	x	x
MT 2	x	x	x		

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Phân tích Chương trình tổng thể và Chương trình môn Địa lí năm 2018	1	0.33	4	1	10
Chương 2: Xây dựng kế hoạch/tổ nhóm chuyên môn môn Địa lí ở trường phổ thông.	2	0.33	4	1	30
Chương 3: Xây dựng kế hoạch dạy học môn Địa lí	3 – 5	0.33	5	0	10
Chương 4: Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học trong môn Địa lí	6	0.47	5	2	10
Chương 5: Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Địa lí	7	0.67	7	3	10
Phản thực hành	8 – 9	0.33	4	1	30
Tổng cộng (tiết)	9	3	35	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/ TH			
Chương 1: Phân tích Chương trình tổng thể và Chương trình môn Địa lí năm 2018							
1.1	1.1. Quan điểm xây dựng chương trình	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với GV) làm việc theo nhóm.	– Đọc tài liệu Chương trình giáo dục tổng thể 2018 và Chương trình giáo dục môn Địa lí Tiểu học, THCS, THPT 2018. – Đọc tài liệu bồi dưỡng: sử dụng phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh
1.2	1.2. Mục tiêu chương trình	0.5	0.5	0			
1.3	1.3. Yêu cầu cần đạt	0.5	0	0			
1.4	1.4. Nội dung giáo dục.	1.5	1.5	0			
1.5	1.5. Phương pháp giáo dục	0.5	0.5	0			
1.6	1.6. Đánh kết quả giáo dục	0.5	0.5	0			
1.7	1.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình	0.5	0.5	0			
Chương 2: Xây dựng kế hoạch/ tổ nhóm chuyên môn môn Địa lí ở trường phổ thông.							
2.1.	2.1. Tổ chuyên môn trong trường trung học phổ thông	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) làm việc theo nhóm.	– Đọc các tài liệu Chương trình giáo dục tổng thể 2018 và Chương trình giáo dục môn Địa lí Tiểu học, THCS, THPT 2018. – Đọc tài liệu mô đun 4 (Bộ Giáo dục và đào tạo) bồi dưỡng giáo viên: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.
2.2.	2.2. Kế hoạch giáo dục nhà trường phổ thông	1	1	0			
2.3.	2.3. Kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục	1	1	0			
2.4.	2.4. Xây dựng kế hoạch giáo dục tổ chuyên môn	2	1	1			
Chương 3: Xây dựng kế hoạch dạy học môn Địa lí							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/ TH			
3.1	3.1. Xác định mục tiêu ¹ của kế hoạch dạy học môn Địa lí theo lớp học, trong năm học	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) làm việc theo nhóm.	– Đọc tài liệu chương trình Giáo dục Tổng thể 2018 – Nghiên cứu tài liệu mô đun 4 (Bộ Giáo dục và đào tạo) bồi dưỡng giáo viên: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục.
3.2	3.2. Xác định nội dung ² của kế hoạch dạy học môn Địa lí theo lớp học, trong năm học	3	2	1			
3.3	3.3. Lập kế hoạch dạy học môn Địa lí theo lớp học, từng tuần, từng tháng, từng học kì trong năm học	10	3	7			
Chương 4: Xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học trong môn Địa lí (5)							
4.1	4.1. Kế hoạch dạy học chủ đề/bài học	3	1	2	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại. – Bài tập/thực hành.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) làm việc theo nhóm.	
4.2	4.2. Kế hoạch tổ chức hoạt động học tập cụ thể trong chủ đề/bài học	2	1	1			
Chương 5: Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Địa lí							

¹ Mục tiêu của kế hoạch dạy học đáp ứng được mục tiêu Chương trình môn học, phù hợp với Chương trình nhà trường.

² Nội dung của kế hoạch dạy học gồm: a) các chủ đề và thời lượng, hình thức tổ chức, phương tiện dạy học, học liệu tương ứng; b) kế hoạch ôn tập, kiểm tra đánh giá định kì và c) các hoạt động giáo dục tích hợp, trải nghiệm.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/ TH			
5.1	5.1. Xác định mục tiêu hoạt động trải nghiệm	1	0	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại. – Bài tập/thực hành.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với GV) làm việc theo nhóm.	
5.2	5.2. Lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm (nội dung, hình thức, điều kiện, phương pháp tiến hành, phân công, huy động nguồn lực,...)	2	0.5	1.5			
5.3	5.3. Xây dựng các yêu cầu về sản phẩm cụ thể với bộ tiêu chí và minh chứng xác định cho hoạt động trải nghiệm	2	0.5	1.5			
Phần 2. Phần thực hành (10)							
	Thực hành xây dựng kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn	10	0	10	– Vận dụng thảo luận nhóm, làm bài tập/thực hành.	Sinh viên làm bài tập nhóm, cá nhân.	

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
	1.3	5	5	3	3	2
	1.4	5	5	3	3	2
	1.5	5	5	3	3	2
	1.6	5	5	3	3	2
	1.7	5	5	3	3	2

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
	2.3	5	5	3	3	2
	2.4	5	4	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
	3.3	5	5	3	3	2
	3.4	5	5	3	3	2
	3.5	5	5	3	3	2
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2
5	5.1	5	5	3	3	2
	5.2	5	5	3	3	2
	5.3	5	5	3	3	2
	5.4	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức cho sinh viên làm bài tập thiết kế kế hoạch dạy học,	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60	sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn.	
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA

TS. Đỗ Văn Thanh

2.10. TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ

1. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về môn học

1.1. Tên môn: Tổ chức dạy học môn Địa lí

1.2. Mã môn học: GEOG 102G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: không

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Kiều Văn Hoan	0393800130	kieuvanhoan@hnue.edu.vn
2	Ngô Thị Hải Yến	0983733969	yenppdl@gmail.com
3	Đặng Tiên Dung	0393800130	tiendung@hnue.edu.vn
4	Đoàn Thanh Phương	0983313297	thanhphuong77@gmail.com
5	Nguyễn Tú Linh	0946655536	nguyenlinh.geo@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. *Chương trình giáo dục phổ thông Tổng thể 2018 và Chương trình môn Địa lí cấp Tiểu học, THCS, THPT 2018*, ban hành theo thông tư 32, ngày 26 tháng 12 năm 2018.

2.2.2. Bài giảng của giảng viên

2.2.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn 5555, hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng, ngày 8 tháng 10 năm 2014.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Lâm Quang Dốc (2007), *Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong sách giáo khoa Địa lí 10*, NXB Giáo dục Việt Nam

2.3.2. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thị Thu Hằng (1999), *Kỹ thuật dạy học Địa lí ở trường THCS*, Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.3.3. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng (2013), *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*, NXB Đại học Sư phạm.

2.3.4. Tô Xuân Giáp (1997), *Phương tiện dạy học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.5. Nguyễn Trọng Phúc (1997), *Phương pháp sử dụng số liệu thống kê trong dạy học Địa lí kinh tế – xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.6. Nguyễn Trọng Phúc (2001), *Phương tiện, thiết bị kỹ thuật trong dạy học Địa lí*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.7. Mai Xuân San (2001), *Rèn luyện kỹ năng địa lí cho học sinh phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.8. Thomas Armstrong (2011), *Đa trí tuệ trong lớp học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

2.3.9. Lambert, D. Balderstone (2009), d, Routledge Taylor & Francis Group.

2.3.10. Howard Gardner (2012), *Lí thuyết trí khôn nhiều thành phần*, NXB Trí Thức, Hà Nội.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Vận dụng các kỹ năng dạy học chung và kỹ năng dạy học đặc thù trong môn Địa lí vào tổ chức và quản lý được lớp học, tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, hiệu quả.

MT 2: Thiết kế và tổ chức các dạng bài học Địa lí theo tiến trình hợp lí.

MT 3: Vận dụng được các hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học trong tổ chức hoạt động học tập tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh.

MT 4: Thiết kế và sử dụng được công cụ đánh giá thường xuyên, đánh giá tổng kết trong quá trình dạy học theo đúng các yêu cầu của môn học, các nguyên tắc, kỹ thuật và quan điểm đánh giá vì sự tiến bộ của người học.

MT 5: Thiết kế và tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn Địa lí.

MT 6: Vận dụng quy trình nghiên cứu bài học vào phân tích, đánh giá kế hoạch dạy học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá.

CDR 2: Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục.

CDR 3: Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh; góp phần hoàn thiện những công dân có trình độ văn hoá và khả năng sáng tạo cao dạy học Địa lí ở các cấp học và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

CDR 4: Xây dựng và tổ chức được những hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

CDR 5: Đánh giá được kết quả rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					

2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x	x	x
MT 2	x	x	x		
MT 3	x	x	x	x	x
MT 4	x	x	x	x	x
MT 5	x	x	x	x	x
MT 6	x	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Rèn luyện các kỹ năng tổ chức dạy học Địa lí	1 – 2	0.33	4	1	30
Chương 2: Tổ chức các hoạt động học tập đặc trưng trên lớp	3 – 6	0.33	4	1	30
Chương 3: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học	7 – 8	0.33	5	0	15

Chương 4: Phân tích, đánh giá bài học dựa trên quy trình nghiên cứu bài học	9	0.47	5	2	15
Tổng cộng (tiết)	9	3	35	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/ TH			
Chương 1: Rèn luyện các kĩ năng tổ chức dạy học Địa lí							
1.1		1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc các tài liệu Chương trình giáo dục tổng thể 2018 và Chương trình giáo dục môn Địa lí Tiểu học, THCS, THPT 2018. – Đọc tài liệu bồi dưỡng: sử dụng phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.
1.2	1.2. Kĩ năng dạy học chung	5	5	0			
1.2	1.2. Kĩ năng dạy học đặc trung của môn Địa lí	5	5	0			
Chương 2: Tổ chức các hoạt động học tập đặc trưng trên lớp							
2.1	2.1. Tổ chức hoạt động khởi động (tạo hứng thú, tạo liên kết với kiến thức đã biết, tiếp nhận vấn đề học tập)	5	3	2	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Nghiên cứu công văn 5555/ Bộ Giáo dục và Đào tạo. – Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tổng thể và môn học.
2.2	2.2. Tổ chức hoạt động hình thành kiến thức mới/thực hành/ôn tập	10	7	3			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/ TH			
2.3	2.3. Tổ chức hoạt động luyện tập, củng cố	2	2	0			
2.4	2.4. Tổ chức hoạt động vận dụng, mở rộng	2	2	0			
2.5	2.5. Tổ chức hoạt động đánh giá, phản hồi	1	1	0			
Chương 3: Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học							
3.1	3.1. Phân công, giao nhiệm vụ cho các thành viên, huy động các nguồn lực cần thiết	4	4	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Nghiên cứu bài giảng của giảng viên
3.2	3.2. Giám sát, hỗ trợ các thành viên trong hoạt động trải nghiệm.	4	4	0			
3.3	3.3. Đánh giá sản phẩm kèm minh chứng và phản hồi	2	2	0			
Chương 4: Tìm hiểu quy trình nghiên cứu bài học							
4.1.	4.1. Tìm hiểu quy trình nghiên cứu bài học	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên)	Nghiên cứu bài giảng của giảng viên
4.2	4.2. Vận dụng quy trình nghiên cứu	3	1	3			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/ TH			
	cứu bài học để phân tích, đánh giá bài học					làm việc theo nhóm.	

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
	2.3	5	5	3	3	2
	2.4	5	5	3	3	2
	2.5	5	5	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
	3.3	5	5	3	3	2
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết	Kết hợp giữa

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Bài tập	10	hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức cho sinh viên làm bài tập thiết kế các hoạt động học tập.	phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) làm việc theo nhóm.
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

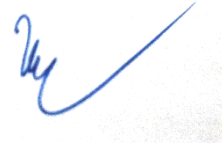
d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).

- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

2.11. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Lý luận và phương pháp dạy học môn Địa lí

1.2. Mã học phần: GEOG 103G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Lý luận dạy học

1.5. Bộ môn phụ trách: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Kiều Văn Hoan	0912341464	kieuvanhoan@hnue.edu.vn
2	Đoàn Thị Thanh Phương	0983313297	thanhphuong77@gmail.com
3	Nguyễn Phương Thảo	0862872126	thaohnue@gmail.com
4	Ngô Thị Hải Yến	0983733969	yenppdl@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Đặng Văn Đức, Lý luận dạy học Địa lí (phần đại cương), NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Nguyễn Dực, Nguyễn Trọng Phúc, Đặng Văn Đức: Lý luận dạy học Địa lí, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội, 2018.

2.2.4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp trung học cơ sở) (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hà Nội, 2018

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. N. N. Baranxki, Phương pháp dạy học Địa lí kinh tế (2 tập), NXB Giáo dục.

2.3.2. Đặng Văn Đức, Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực, NXB Đại học Sư phạm

2.3.3. Nguyễn Trọng Phúc, Một số vấn đề trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.4. Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh, Kiểm tra đánh giá trong giáo dục, NXB Đại học Sư phạm.

2.3.5. Nguyễn Viết Thịnh (Chủ biên), Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí.

2.3.6. David Lambert and David Balderstone, Learning to teach Geography in the Secondary School, Routledge.

2.3.7. www.geographyteachingtoday.org.uk

2.3.8. <http://www.teachingideas.co.uk/>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông.

MT 2: Phân tích được mục tiêu và nội dung của việc dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông.

MT 3: Sử dụng được linh hoạt và phù hợp các hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học trong dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông.

MT 4: Biết cách sử dụng phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Địa lí ở nhà trường phổ thông.

MT 5: Vận dụng được các phương pháp và công cụ đánh giá trong dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được vị trí, vai trò, quan điểm xây dựng và mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình môn học và xác định được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực (năng lực chung và năng lực đặc thù) của môn học.

CDR 2: Giải thích được Chương trình giáo dục môn Địa lí ở các cấp học và giải thích được mối quan hệ giữa tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí với các nội dung giáo dục địa lí ở các lớp học.

CDR 3: Phân tích và chỉ ra được mạch nội dung và sự phát triển của mạch nội dung của môn học qua các lớp học.

CDR 4: Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả.

CDR 5: Hiểu và vận dụng được các yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục vào việc lập kế hoạch và tổ chức dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước					
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x	x	x	x	x
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x	x	x	x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	x	x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học	x	x	x	x	x

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
3.2. Năng lực giáo dục	x	x	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	x	x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí		x			
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x				
MT 2	x	x	x		
MT 3				x	
MT 4				x	
MT 5					x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Nhập môn Lí luận và phương pháp dạy học môn Địa lí	1	0.2	3	0	9
Chương 2: Mục tiêu và nội dung dạy học môn Địa lí ở nhà trường phổ thông	2 – 4	0.6	7	2	27
Chương 3: Hình thức tổ chức, phương pháp và kĩ thuật dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông	5 – 8	0.8	6	6	36

Chương 4: Phương tiện dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí	9 – 12	0.8	6	6	36
Chương 5: Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí	13 – 15	0.6	5	4	27
Tổng cộng (tiết)	15	3	35	10	135

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/ TH			
Chương 1: Nhập môn Lí luận và phương pháp dạy học môn Địa lí							
1.1	Đối tượng và nhiệm vụ của môn Lí luận và phương pháp dạy học môn Địa lí	2	0	0	Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu..	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (chương 1).
1.2	Phương pháp nghiên cứu lí luận và phương pháp dạy học môn Địa lí	1	1	0			
Chương 2: Mục tiêu và nội dung dạy học môn Địa lí ở nhà trường phổ thông							
2.1	Mục tiêu dạy học môn Địa lí	3	2	1	Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.2.2 (chương 2, 3). – Đọc tài liệu 2.2.3, 2.2.4.
2.2	Nội dung dạy học Địa lí	6	5	1			
Chương 3: Hình thức tổ chức, phương pháp và kĩ thuật dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông							
3.1	Hình thức tổ chức dạy học Địa lí	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau:	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.2.2

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/ TH			
3.2	Phương pháp dạy học Địa lí	6	3	3	thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu.	(nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	(chương 4, 5, 7). – Đọc tài liệu 2.2.3, 2.2.4, 2.3.2.
3.3	Kĩ thuật dạy học Địa lí	4	2	2			
Chương 4: Phương tiện dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí							
4.1	Phương tiện dạy học Địa lí	6	3	3	Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 6, 8) và tài liệu 2.3.5.
4.2	Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lí	6	3	3			
Chương 5: Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí							
5.1	Các phương pháp kiểm tra đánh giá	3	2	1	Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 9) và tài liệu 2.3.4.
5.2	Các công cụ đánh giá	6	3	3			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
1	1.1	3	3	3	3	3
	1.2	3	3	3	3	3
2	2.1	3	5	5	4	4
	2.2	3	5	5	4	4
3	3.1	3	4	3	3	2
	3.2	3	4	3	3	2

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
	3.3	3	4	3	3	2
4	4.1	3	4	3	5	2
	4.2	3	4	3	5	5
5	5.1	3	4	3	3	5
	5.2	2	2	4	4	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Thực hành	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực – Tổ chức các hoạt động dạy theo phương pháp dạy học vi mô	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghiên cứu, thực hành, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỜNG KHOA

TS. Đỗ Văn Thanh

2.12. LÍ LUẬN DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔN ĐỊA LÍ

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Địa lí

1.2. Mã học phần: GEOG 104G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Lí luận dạy học

1.5. Bộ môn phụ trách: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Kiều Văn Hoan	0912341464	kieuvanhoan@hnue.edu.vn
2	Đoàn Thị Thanh Phương	0983313297	thanhphuong77@gmail.com
3	Nguyễn Phương Thảo	0862872126	thaohnue@gmail.com
4	Ngô Thị Hải Yến	0983733969	yenppdl@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Đặng Văn Đức. Lí luận dạy học Địa lí (phần đại cương), NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Nguyễn Dực, Nguyễn Trọng Phúc, Đặng Văn Đức: Lí luận dạy học Địa lí. NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội, 2018.

2.2.4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp trung học cơ sở) (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hà Nội, 2018

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. N. N. Baranxki, *Phương pháp dạy học Địa lí kinh tế (2 tập)*, NXB Giáo dục.

2.3.2. Đặng Văn Đức, *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*, NXB Đại học Sư phạm

2.3.3. Nguyễn Trọng Phúc, *Một số vấn đề trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

2.3.4. Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh, *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.

2.3.5. Nguyễn Viết Thịnh (Chủ biên). Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu địa lí.

2.3.6. David Lambert and David Balderstone, *Learning to teach Geography in the Secondary School*, Routledge.

2.3.7. www.geographyteachingtoday.org.uk

2.3.8. <http://www.teachingideas.co.uk/>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của môn Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Địa lí

MT 2: Phân tích được mục tiêu và nội dung của của việc dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông

MT 3: Sử dụng được linh hoạt và phù hợp các hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học trong dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông.

MT 4: Biết cách sử dụng phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông

MT 5: Vận dụng được các phương pháp và công cụ đánh giá trong dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được vị trí, vai trò, quan điểm xây dựng và mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình môn học và xác định được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực (năng lực chung và năng lực đặc thù) của môn học.

CDR 2: Giải thích được chương trình giáo dục môn Địa lí ở các cấp học và giải thích được mối quan hệ giữa tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí với các nội dung giáo dục địa lí ở các lớp học.

CDR 3: Phân tích và chỉ ra được mạch nội dung và sự phát triển của mạch nội dung của môn học qua các lớp học.

CDR 4: Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả.

CDR 5: Hiểu và vận dụng được các yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục vào việc lập kế hoạch và tổ chức dạy học Địa lí ở nhà trường phổ thông.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước					
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x	x	x	x	x
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x	x	x	x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	x	x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học	x	x	x	x	x

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
3.2. Năng lực giáo dục	x	x	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	x	x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí		x			
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x				
MT 2	x	x	x		
MT 3				x	
MT 4				x	
MT 5					x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	SSố TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Nhập môn Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	1	0.2	3	0	9
Chương 2: Mục tiêu và nội dung dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	2 – 4	0.6	7	2	27

Chương 3: Hình thức tổ chức, phương pháp và kỹ thuật dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	5 – 8	0.8	6	6	36
Chương 4: Phương tiện dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	9 – 12	0.8	6	6	36
Chương 5: Kiểm tra, đánh giá trong dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	13 – 15	0.6	5	4	27
Tổng cộng (tiết)	15	3	35	10	135

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Nhập môn Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông							
1.1	Đối tượng và nhiệm vụ của môn Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	2	0	0	Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu..	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (chương 1)
1.2	Phương pháp nghiên cứu lí luận và phương pháp dạy học môn Địa lí	1	1	0			
Chương 2: Mục tiêu và nội dung dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông							
2.1	Mục tiêu dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	3	2	1	Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.2.2 (chương 2, 3). – Đọc tài liệu 2.2.3, 2.2.4,
2.2	Nội dung dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	6	5	1			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 3: Hình thức tổ chức, phương pháp và kĩ thuật dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông							
3.1	Hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.2.2 (chương 4, 5, 7). – Đọc tài liệu 2.2.3, 2.2.4, 2.3.2.
3.2	Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	6	3	3			
3.3	Kĩ thuật dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	4	2	2			
Chương 4: Phương tiện dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông							
4.1	Phương tiện dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	6	3	3	Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 6, 8); và tài liệu 2.3.5
4.2	Ứng dụng CNTT trong dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông	6	3	3			
Chương 5: Kiểm tra, đánh giá trong dạy học phát triển năng lực môn Địa lí ở trường phổ thông							
5.1	Các phương pháp kiểm tra đánh giá	3	2	1	Vận dụng kết hợp các phương pháp như sau: thuyết trình nêu vấn đề, vấn đáp, trực	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài,	Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 9); tài liệu 2.3.4
5.2	Các công cụ đánh giá	6	3	3			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					quan, thảo luận nhóm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu.	tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	3	3	3	3	3
	1.2	3	3	3	3	3
2	2.1	3	5	5	4	4
	2.2	3	5	5	4	4
3	3.1	3	4	3	3	2
	3.2	3	4	3	3	2
	3.3	3	4	3	3	2
4	4.1	3	4	3	5	2
	4.2	3	4	3	5	5
5	5.1	3	4	3	3	5
	5.2	2	2	4	4	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Thực hành	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghiên cứu, thực
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10	– Tổ chức các hoạt động dạy theo phương pháp dạy học vi mô	hành, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

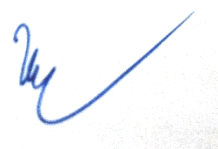
- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cốp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cốp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

2.13. THỰC HÀNH DẠY HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Thực hành dạy học tại trường sư phạm

1.2. Mã học phần: GEOG 105G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Tổ chức dạy học Địa lí

1.5. Bộ môn phụ trách: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tú Linh	0946655536	nguyenlinh.geo@gmail.com
2	Đoàn Thị Thanh Phương	0983313297	thanhphuong77@gmail.com
3	Nguyễn Thị Phương Thảo	0862872126	thaohnue@gmail.com
4	Đặng Tiên Dung	0393800130	tiendung@hnue.edu.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Dực, Nguyễn Trọng Phúc, Đặng Văn Đức (1991), *Lí luận dạy học Địa lí*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thị Thu Hằng (1999), *Kỹ thuật dạy học Địa lí ở trường THCS*, Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.2.3. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng (2013), *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.4. Mai Xuân San (2001), *Rèn luyện kỹ năng địa lí cho học sinh phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.5. Lambert, D. Balderstone (2009), *Learning to teach Geography in the Secondary School*, Routledge Taylor & Francis Group.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Nguyễn Trọng Phúc (1997), *Phương pháp sử dụng số liệu thống kê trong dạy học Địa lí kinh tế – xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.2. Nguyễn Trọng Phúc (2001), *Phương tiện, thiết bị kỹ thuật trong dạy học Địa lí*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.3. Lâm Quang Dốc (2007), *Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong sách giáo khoa Địa lí 10*, NXB Giáo dục Việt Nam

2.3.4. Tô Xuân Giáp (1997), *Phương tiện dạy học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Xây dựng được kế hoạch bài học trong môi trường giáo dục nhà trường.

MT 2: Tổ chức được giờ học và thực hiện thuần thục các hoạt động dạy học Địa lí ở trường trung học nhằm phát triển năng lực của học sinh.

MT 3: Vận dụng được các hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học; sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học trong tổ chức dạy học Địa lí.

MT 4: Có trách nhiệm và tình yêu đối với nghề dạy học; phát hiện và giải quyết được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học Địa lí; tự đánh giá năng lực sư phạm để lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Sinh viên đáp ứng được CDR của Chương trình liên quan đến phẩm chất là: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh, Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học, Trách nhiệm và tận tâm, Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời

CDR 2: Sinh viên hình thành được các năng lực sư phạm: Năng lực dạy học, Năng lực giáo dục, Năng lực phát triển nghề nghiệp

CDR 3: Sinh viên hình thành năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông,

CDR 4: Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn

CDR 5: Sử dụng được CNTT và truyền thông để thiết kế bài giảng dạy học trên lớp, dạy học kết hợp, trực tuyến.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước					
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x	x	x	x	x
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x	x	x	x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác				x	
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo			x	x	
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện					
3.1. Năng lực dạy học	x	x	x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục	x	x	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	x	x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí					

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông		X	X	X	X
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	X	X	X	X	X
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	X	X	X	X	X
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn			X		X
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn		X	X	X	X

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1		X	X	X	X
MT 2	X	X	X	X	X
MT 3				X	X
MT 4	X	X		X	

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Nội dung	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chủ đề 1: Thiết kế kế hoạch dạy học	1	0.3		3	15
Chủ đề 2: Tổ chức hoạt động khởi động	2	0.3		3	10
Chủ đề 3: Thực hành sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học Địa lí	3 – 10	1.2		21	30
Chủ đề 4: Thực hành một số phương pháp dạy học Địa lí	10 – 15	1.2		18	35
Tổng cộng (tiết)	15	3	0	45	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chủ đề 1: Thiết kế kế hoạch dạy học							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.1	Phân tích Chương trình	1		1	Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về thiết kế kế hoạch dạy học vào bài học cụ thể.	Học tập cá nhân, tự thực hành	Tài liệu 2.2.1. Độc Chương trình giáo dục PT môn Địa lí – 2018
1.2	Xác định mục tiêu bài học	1		1			Tài liệu 2.2.1. Độc Chương trình giáo dục PT môn Địa lí – 2018
1.3	Viết kế hoạch dạy học	1		1			
Chủ đề 2: Tổ chức hoạt động khởi động							
2.1	Sưu tầm các kỹ thuật khởi động bài học	1		1	– GV giảng mẫu – Tổ chức các hoạt động tập giảng, nhận xét, góp ý	SV tập giảng. Nhận xét, góp ý	Tài liệu 2.2.1.
2.2	Tập giảng khởi động bài học	2	0	2			
Chủ đề 3: Thực hành sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học địa lí							
3.1	Sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí	9		9	– Dạy học theo tình huống, dạy học vi mô, giải quyết vấn đề,... – Tổ chức cho HS tự quay video clip phần tập giảng và nhận xét, góp ý	– Học tập cá nhân. SV tập giảng., tự quay video clip và nhận xét, góp ý	Tài liệu 2.2.1. Tài liệu 2.3.1, Tài liệu 2.3.2, Tài liệu 2.3.3. Tài liệu 2.3.4.
3.2	Sử dụng biểu đồ trong dạy học Địa lí	3		3			
3.3	Sử dụng sơ đồ trong dạy học Địa lí	6		6			
3.4	Sử dụng tranh ảnh, video clip trong dạy học Địa lí	3		3			
Chủ đề 4: Thực hành một số phương pháp dạy học địa lí							
4.1	Thực hành PP giảng giải	3		3	– Dạy học theo tình huống, dạy học vi mô, giải quyết vấn đề,...	– Học tập cá nhân. SV tập giảng., tự quay video	Tài liệu 2.2.1. Tài liệu 2.2.2, Tài liệu 2.2.3.
4.2	Thực hành PP đàm thoại	3		3			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
4.3	Thực hành PP làm việc nhóm	6		6	– Tổ chức cho HS tự quay video clip phần tập giảng và nhận xét, góp ý	clip và nhận xét, góp ý	Tài liệu 2.2.4. Tài liệu 2.2.5.
4.4	Thực hành PP nêu và giải quyết vấn đề	6		6			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chủ đề	Mục					
1	1.1	3	4	5	4	1
	1.2	3	4	5	4	1
	1.3	3	4	5	4	1
2	2.1	5	4	1	4	2
	2.2	5	4	1	4	2
3	3.1	3	5	2	4	5
	3.2	3	5	2	4	5
	3.3	3	5	2	4	5
	3.4	3	5	2	4	5
4	4.1	4	5	2	5	4
	4.2	4	5	2	5	4
	4.3	4	5	2	5	4
	4.4	4	5	2	5	4

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Dạy học theo tình huống, dạy học vi mô, giải quyết vấn đề,... – Tổ chức cho HS tự quay video clip phần tập giảng và nhận xét, góp ý	– Học tập cá nhân, sinh viên tập giảng, tự quay video clip và nhận xét, góp ý
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi thực hành
- Nội dung: Các vấn đề đã được thực hành.

– Tiêu chí đánh giá: Kế hoạch dạy học rõ ràng, đúng, đầy đủ kiến thức và PPDH. Bài giảng đạt mục tiêu dạy học đã đề ra, vận dụng phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện dạy học linh hoạt, hợp lí.

d. Thi kết thúc học phần

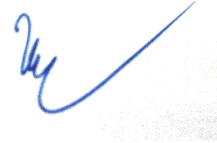
– Hình thức: Thi thực hành

– Nội dung: Các vấn đề đã được thực hành.

– Tiêu chí đánh giá: Kế hoạch dạy học rõ ràng, đúng, đầy đủ kiến thức và PPDH. Bài giảng đạt mục tiêu dạy học đã đề ra, vận dụng phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện dạy học linh hoạt, hợp lí.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

2.14. TRẢI NGHIỆM HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Trải nghiệm hoạt động dạy học

1.2. Mã học phần: GEOG 106G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Tổ chức dạy học Địa lí

1.5. Bộ môn phụ trách: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tú Linh	0946655536	nguyenlinh.geo@gmail.com
2	Đoàn Thị Thanh Phương	0983313297	thanhphuong77@gmail.com
3	Nguyễn Thị Phương Thảo	0862872126	thaohnue@gmail.com
4	Đặng Tiên Dung	0393800130	tiendung@hnue.edu.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc, Đặng Văn Đức (1991), Lí luận dạy học Địa lí, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thị Thu Hằng (1999), Kỹ thuật dạy học Địa lí ở trường THCS, Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.2.3. Đặng Văn Đức, Nguyễn Thu Hằng (2013), Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.4. Nguyễn Công Khanh (Chủ biên), Đào Thị Oanh, giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục, NXB Đại học sư phạm, 2015.

2.2.5. Mai Xuân San (2001), Rèn luyện kỹ năng địa lí cho học sinh phổ thông, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.6. Lambert, D. Balderstone (2009), Learning to teach Geography in the Secondary School, Routledge Taylor & Francis Group.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Nguyễn Trọng Phúc (1997), Phương pháp sử dụng số liệu thống kê trong dạy học Địa lí kinh tế – xã hội, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.2. Nguyễn Trọng Phúc (2001), Phương tiện, thiết bị kỹ thuật trong dạy học Địa lí, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.3. Lâm Quang Dốc (2007), Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong sách giáo khoa Địa lí 10, NXB Giáo dục Việt Nam

2.3.4. Tô Xuân Giáp (1997), Phương tiện dạy học, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Triển khai được kế hoạch bài học trong môi trường giáo dục nhà trường

MT 2: Tổ chức được giờ học và thực hiện thuần thục các hoạt động dạy học Địa lí ở trường trung học nhằm phát triển năng lực của học sinh.

MT 3: Vận dụng được các hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học; sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học trong tổ chức dạy học Địa lí.

MT 4: Tổ chức và quản lí được lớp học, tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, hiệu quả.

MT 5: Xây dựng và quản lí được hồ sơ dạy học.

MT 6: Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu môn học.

MT 7: Có trách nhiệm và tình yêu đối với nghề dạy học; phát hiện và giải quyết được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học Địa lí; tự đánh giá năng lực sư phạm để lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được đặc điểm cơ bản và quy trình thiết kế và tổ chức thực hiện các kế hoạch bài dạy hay chủ đề dạy học phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong môn Địa lí.

CDR 2: Vận dụng được các hình thức, phương pháp, kĩ thuật dạy học; sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học trong thiết kế và tổ chức dạy học các bài học/chủ đề trong môn Địa lí.

CDR 3: Vận dụng được các kĩ năng trong tổ chức và quản lí lớp học để thực hành ở các lớp học mô phỏng hoặc thực tế.

CDR 4: Vận dụng kiến thức lí thuyết về các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá để xây dựng các công cụ kiểm tra đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh trong môn Địa lí.

CDR 5: Thực hành tổ chức các hoạt động học tập và kiểm tra đánh giá trong các lớp học mô phỏng hoặc thực tiễn.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước					
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh			x		x
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x	x	x	x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi		x	x	x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					x
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học	x	x	x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục	x	x	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh		x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông					
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x	x	x
MT 2		x	x	x	x
MT 3		x			
MT 4			x	x	x
MT 5				x	x
MT 6				x	x
MT 7	x	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Trải nghiệm quy trình thiết kế kế hoạch bài học	1	0.17	3	0	5
Chương 2: Trải nghiệm quy trình tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp	1	0.17	0	3	5
Chương 3: Trải nghiệm thiết kế và tổ chức các bài học Địa lí	13	2.66	0	39	80
Tổng cộng (tiết)	15	3	03	42	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Trải nghiệm quy trình thiết kế kế hoạch bài học							
1.1	Tìm hiểu giáo án và xác định các nội dung cần quan sát trong giờ dạy minh họa giáo án.	0.5	0.5	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực: phương pháp đặt và giải quyết vấn đề, phương pháp sử dụng phương tiện trực quan, phương pháp đàm thoại gợi mở,...	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3,4,5,6,7). – Thực hiện bài tập cá nhân và bài tập nhóm được giao.
1.2	Trải nghiệm cách phân tích sâu chương trình phổ thông để xác định mục tiêu và nội dung bài học;	1	1	0			
1.3	Trải nghiệm cách soạn giáo án;	1	1	0			
1.4	Trải nghiệm phân tích những ưu, nhược điểm của giờ lên lớp để rút kinh nghiệm.	0.5	0.5	0			
Chương 2: Trải nghiệm quy trình tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp							
2.1	Phân tích trước giáo án của bài dạy	0.5	0	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực: Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, PP hoạt động nhóm, PP đàm thoại gợi mở,... – Tổ chức các hoạt động đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghiên cứu, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3,4,5,6,7) và công văn 5555. – Thực hiện bài tập cá nhân và bài tập nhóm được giao.
2.2	Quan sát giờ dạy truyền hình trực tuyến hoặc video bài dạy và ghi chép diễn biến lớp học	1	0	1			
2.3	Phân tích và thảo luận giờ dạy theo quy trình sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học.	1.5	0	1			
Chương 3: Trải nghiệm thiết kế và tổ chức các bài học Địa lí							
3.1	Trải nghiệm soạn giáo án	6	0	6	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3,
3.2	Trải nghiệm hoạt động khởi động, củng cố bài học	6	0	6			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
3.3	Trải nghiệm sử dụng các phương tiện trực quan đặc trưng của bộ môn Địa lí	9	0	9	– Tổ chức các hoạt động dạy theo phương pháp dạy học vi mô	nhân (nghiên cứu, thực hành, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	2.2.4, 2.2.5 và 2.2.6. – Thực hiện bài tập cá nhân và bài tập nhóm được giao.
3.4	Trải nghiệm vận dụng một số phương pháp trong dạy học Địa lí theo hướng dạy học phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	12	0	12			
3.5	Trải nghiệm vận dụng các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng dạy học phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	6	0	6			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	2	2	2	3
	1.2	5	2	2	2	3
	1.3	5	2	2	2	3
	1.4	5	2	2	2	3
2	2.1	5	3	2	3	5
	2.2	5	3	3	3	5
	2.3	5	3	5	3	5
3	3.1	5	3	5	3	5
	3.2	5	3	5	3	5
	3.3	5	5	5	3	5
	3.4	5	5	5	3	5
	3.5	5	2	5	5	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
--------------------	--------------

<i>Đánh giá thường xuyên</i>	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
<i>Kiểm tra giữa kì</i>	20
<i>Kiểm tra cuối kì</i>	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực – Tổ chức các hoạt động dạy theo phương pháp dạy học vi mô	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghiên cứu, thực hành, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Thực hành	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho nội dung thực hành đó.

b. Yêu cầu chung đối với các nội dung thực hành

- Các hoạt động thực hành phải bao gồm cả phần thiết kế và thực hành tổ chức hoạt động.

- Thiết kế theo đúng quy trình và đảm bảo các yêu cầu của kế hoạch bài dạy .
- Sinh viên không có sản phẩm được tính 0 điểm cho nội dung thực hành đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thực hành thiết kế bài học
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí		Điểm
1. Mục tiêu dạy học (2 điểm)	– Đầy đủ mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ, định hướng phát triển năng lực	1 điểm
	– Đảm bảo đúng chuẩn kiến thức – kĩ năng, Bắt đầu bằng động từ hành động, đúng mức độ nhận thức	1 điểm
2. Hoạt động học tập (5 điểm)	– Đầy đủ các chuỗi hoạt động học tập: khởi động, hình thành kiến thức mới, củng cố/luyện tập, vận dụng/nối tiếp	1 điểm
	– Mỗi nhiệm vụ học tập thể hiện rõ ràng mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được	1 điểm
	– Các hoạt động học tập được tiến hành theo các bước tổ chức dạy học cụ thể và rõ ràng	1 điểm
	– Chuỗi hoạt động học phù hợp với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng	1 điểm
	– Phương pháp sử dụng trong các hoạt động học tập hợp lí, phát huy được tính tích cực, chủ động của người học	1 điểm
3. Thiết bị dạy học (2 điểm)	– Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng phù hợp với hoạt động học của học sinh.	1 điểm
	– Thiết bị dạy học đa dạng, phù hợp với nội dung địa lí	1 điểm
4. Kiểm tra, đánh giá (1 điểm)	– Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh hợp lí.	1 điểm
Tổng điểm		

d. Thi kết thúc học phần

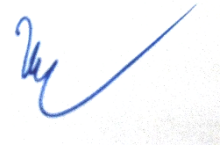
- Hình thức: Thực hành giảng dạy
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá:

Nội dung	Tiêu chí	Điểm tối đa
Tổ chức hoạt động học	1. <i>Phương pháp và hình thức chuyển giao nhiệm vụ học tập sinh động, hấp dẫn học sinh.</i>	1
	2. <i>Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh.</i>	1
	3. <i>Biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập phù hợp, hiệu quả.</i>	1.5
	4. <i>Việc tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của học sinh hiệu quả.</i>	1.5

Nội dung	Tiêu chí	Điểm tối đa
Hoạt động của người học	5. <i>Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp.	1
	6. <i>Học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.	1.5
	7. Học sinh tham gia tích cực trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.	1.5
	8. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> .	1
Tổng cộng		10

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

2.15. RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (Generic teaching skills)

1.2. Mã học phần: COMM 001

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: Trung tâm NC&PT Nghiệp vụ sư phạm

1.6. Giảng viên giảng dạy: Trường chọn cử giảng viên từ nguồn giảng viên trong toàn trường.

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thuý Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (2017), *Giáo trình Giáo dục học – Tập 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2.2.2. Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thuý Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (2017), *Giáo trình Giáo dục học – Tập 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Hình thành kỹ năng khai thác, lưu trữ, xử lý thông tin giáo dục.

MT 2: Hình thành kỹ năng sử dụng các ứng dụng CNTT thông dụng trong dạy học.

MT 3: Hình thành kỹ năng ngôn ngữ nói và thuyết trình.

MT 4: Hình thành kỹ năng viết và trình bày bảng.

MT 5: Hình thành kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 CDR của chương trình đào tạo liên quan đến phẩm chất là:

- Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước;
- Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh;
- Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học;
- Trung thực và đáng tin cậy;
- Trách nhiệm và tận tâm;
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Thực hiện được ở mức cơ bản việc khai thác, lưu trữ, xử lý thông tin giáo dục và sử dụng các ứng dụng CNTT trong dạy học.

CDR 3: Thực hiện được ở mức cơ bản việc thuyết trình và trình bày bảng trong hoạt động dạy học, giáo dục.

CDR 4: Sử dụng được ở mức cơ bản các phương tiện dạy học phổ biến trong lớp học.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR CTĐT

CDR CTĐT	CDR học phần			
	1	2	3	4
CDR 1	x			
CDR 2	x			

CĐR 3	x			
CĐR 4	x			
CĐR 5	x			
CĐR 6	x			
CĐR 7		x	x	x
CĐR 8		x	x	x
CĐR 9		x	x	x
CĐR 10		x	x	x
CĐR 11		x	x	x
CĐR 12		x	x	x
CĐR 13		x	x	x
CĐR 14		x	x	X
CĐR 15		x	x	X
CĐR 16		x	x	X
CĐR 17		x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR học phần

	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
MT 1	x	x		
MT 2	x	x		
MT 3	x		X	
MT 4	x		x	
MT 5	x			x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT	
Phần 1: Kỹ năng khai thác, lưu trữ, xử lý thông tin giáo dục và sử dụng các ứng dụng CNTT trong dạy học	5	1		30	45
Phần 1: Kỹ năng khai thác, lưu trữ, xử lý thông tin giáo dục và sử dụng các ứng dụng CNTT trong dạy học	5	1		30	45

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT	
Phần 1: Kỹ năng khai thác, lưu trữ, xử lý thông tin giáo dục và sử dụng các ứng dụng CNTT trong dạy học	5	1		30	45
Tổng cộng (tiết)		3.0		90	135

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Mục/ bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
			LT	BT			
Phần 1: Kỹ năng khai thác, lưu trữ, xử lý thông tin giáo dục và sử dụng các ứng dụng CNTT trong dạy học							
1.1	<i>Khai thác, lưu trữ, xử lý thông tin giáo dục:</i> – Tìm kiếm, xử lý, và chọn lọc thông tin giáo dục trên internet. – Lưu trữ, quản lý và chia sẻ thông tin, tài liệu trên máy tính và trên internet.	12		12	Hướng dẫn thực hành.	Tự rèn luyện, kết hợp với làm việc nhóm và tham vấn giảng viên, giáo viên phổ thông	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
1.2	<i>Sử dụng các ứng dụng CNTT trong dạy học:</i> – Soạn thảo kế hoạch dạy học trên máy tính và bài giảng trình chiếu đa phương tiện. – Tạo môi trường học tập tương tác trên lớp trên nền tảng CNTT. – Xây dựng và quản lý không gian học tập kết hợp giữa học trên lớp và tự học ở nhà. – Tạo và trộn đề thi trắc nghiệm khách quan.	18		18	Hướng dẫn thực hành.	Tự rèn luyện, kết hợp với làm việc nhóm và tham vấn giảng viên, giáo viên phổ thông	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.

Mục/ bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
			LT	BT			
	– Xây dựng và quản lí hồ sơ chuyên môn, hồ sơ dạy học dưới dạng sổ.						
Phần 2: Kỹ năng ngôn ngữ nói, thuyết trình và viết, trình bày bảng							
2.1	<i>Kỹ năng ngôn ngữ nói và thuyết trình:</i> – Phát âm tròn vành, rõ chữ; diễn đạt trôi chảy, lưu loát. Kiểm soát giọng nói; kiểm soát ngữ điệu (trầm, bổng) khi nói; phát hiện và khắc phục được những khuyết tật trong khi nói và thuyết trình (không nói ngọng, phát âm sai, giọng địa phương,...). – Xây dựng đề cương thuyết trình, thực hành thuyết trình theo đề cương đã xây dựng. – Rèn luyện một số kĩ thuật thuyết trình: mở đầu bài thuyết trình, Kết hợp được việc giao tiếp bằng mắt và một số ngôn ngữ cơ thể khi nói/thuyết trình; Rèn luyện sự tự tin của bản thân và thái độ thân thiện, cởi mở khi nói, thuyết trình.	12		12	Hướng dẫn thực hành.	Tự rèn luyện, kết hợp với làm việc nhóm và tham vấn giảng viên, giáo viên phổ thông	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
2.2	<i>Kỹ năng viết và trình bày bảng:</i> – Rèn luyện tư thế viết bảng (bảng dùng phấn, bảng dùng bút dạ): Kỹ năng cầm phấn/bút dạ, kĩ năng sử dụng giẻ lau bảng, các tư thế khi viết ở	18		18	Hướng dẫn thực hành.	Tự rèn luyện, kết hợp với làm việc nhóm và tham vấn giảng viên,	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.

Mục/ bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
			LT	BT			
	các phần khác nhau của bảng, kỹ năng kiểm soát lớp học khi viết bảng. – Rèn luyện kỹ năng viết bảng: Viết chữ thẳng hàng, đều, rõ ràng, sạch đẹp, đúng chính tả (không có lỗi viết hoa, lỗi chính tả,...); viết chữ hoa, chữ thường. – Rèn luyện kỹ năng trình bày bảng khoa học: Cách viết tên bài học, các đề mục; trình bày cấu trúc một mục của bài học theo chuyên môn; cách tạo điểm nhấn trong bài trình bày bảng.					giáo viên phổ thông	
Phần 3: Kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học							
3.1	<i>Hướng dẫn chung:</i> Vai trò, cấu tạo, chức năng cơ bản và phương thức kết nối của những phương tiện, thiết bị chủ yếu, dùng chung trong dạy học (máy vi tính, máy chiếu đa phương tiện, máy chiếu vật thể, ti vi, bảng tương tác, micro, loa và tăng âm, máy quay và máy ảnh,...)	6	6		Trình bày lý luận dễ hiểu, dễ vận dụng.	Quan sát, thảo luận.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
3.2	Thực hành sử dụng và bảo quản, sửa chữa phương tiện dạy học: – Kết nối hệ thống (có dây và không dây) giữa máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh với các	24		24	Hướng dẫn thực hành.	Tự rèn luyện, kết hợp với làm việc nhóm và tham vấn giảng viên,	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.

Mục/ bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị
			LT	BT			
	phương tiện, thiết bị dùng chung trong dạy học. Khắc phục những sự cố thường gặp trong quá trình kết nối và sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học. – Bảo quản, sửa chữa các phương tiện, thiết bị dùng chung trong dạy học.					giáo viên phổ thông	

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
Phần	Mục				
1	1.1	1	3	2	2
	1.2	1	3	2	2
2	2.1	1	2	3	2
	2.2	1	2	3	2
3	3.1	1	2	2	3
	3.2	1	2	2	3

Ba bậc đóng góp: nhiều (3), trung bình (2), ít (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	(%)		
CĐR 1	Đánh giá thường xuyên	100	Trao đổi, thảo luận	Nghiên cứu cá nhân và tự rèn luyện

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	(%)		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	30	Hướng dẫn thực hành.	Thực hành cá nhân, hợp tác nhóm, tham vấn giảng viên sư phạm và giáo viên phổ thông.
	Bài tập	40		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	40		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60		
CĐR 3	Đánh chuyên cần	30	Hướng dẫn thực hành.	Thực hành cá nhân, hợp tác nhóm, tham vấn giảng viên sư phạm và giáo viên phổ thông.
	Bài tập	40		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	40		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60		
CĐR 4	Đánh chuyên cần	30	Hướng dẫn thực hành.	Thực hành cá nhân, hợp tác nhóm, tham vấn giảng viên sư phạm và giáo viên phổ thông.
	Bài tập	40		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	40		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Đánh giá các sản phẩm thực hành.
- Nội dung: Các kĩ năng cần thực hành.
- Tiêu chí đánh giá: Các sản phẩm thực hành phản ánh kĩ năng cần đạt: 10 điểm.

c. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thực hành kết hợp với vấn đáp.
- Nội dung: Các kĩ năng đã thực hành.
- Tiêu chí đánh giá: Thực hành cơ bản, câu trả lời phản ánh sự hiểu quá trình thực hiện: 10 điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA

TS. Đỗ Văn Thanh

2.16. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên hoạt động: Thực tập sư phạm 1 (School practicum 1)

1.2. Mã học phần: COMM 013

1.3. Số tín chỉ: 03; **Thời lượng:** 5 tuần liên tục.

1.4. Học phần tiên quyết: Thực hành dạy học ở trường sư phạm

1.5. Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo, Trung tâm NC&PT Nghiệp vụ sư phạm

1.6. Giảng viên phụ trách: Nhà trường chọn cử giảng viên từ nguồn giảng viên trong toàn trường.

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Quy chế thực tập sư phạm.

2.2.2. Các quy định của Ngành và nội quy của trường thực tập liên quan đến vai trò, chức năng, nhiệm vụ của giáo viên, giáo sinh thực tập ở trường phổ thông.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức, kỹ năng thực hiện các nhiệm vụ cơ bản thuộc công tác dạy học môn học ở trường phổ thông.

MT 2: Có kiến thức, kỹ năng thực hiện các nhiệm vụ cơ bản thuộc công tác giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CĐR 1: Đáp ứng 6 CĐR của chương trình đào tạo liên quan đến phẩm chất là:

- Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước;
- Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh;
- Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học;
- Trung thực và đáng tin cậy;
- Trách nhiệm và tận tâm;
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CĐR 2: Xây dựng được kế hoạch bài học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục. Tổ chức dạy học bài học đáp ứng được yêu cầu môn học. Đánh giá kết quả dạy học đáp ứng được yêu cầu môn học.

CĐR 3: Tìm hiểu được đối tượng giáo dục. Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp.

Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR CTĐT

CĐR CTĐT	CĐR học phần		
	1	2	3
CĐR 1	x		
CĐR 2	x		
CĐR 3	x		
CĐR 4	x		
CĐR 5	x		

CĐR 6	x		
CĐR 7		x	x
CĐR 8		x	x
CĐR 9		x	x
CĐR 10		x	x
CĐR 11		x	x
CĐR 12		x	x
CĐR 13		x	
CĐR 14		x	x
CĐR 15		x	x
CĐR 16			x
CĐR 17		x	x
CĐR 18		x	
CĐR 19		x	
CĐR 20		x	
CĐR 21			
CĐR 22			
CĐR 23		x	

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR học phần

	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3
MT 1	x	x	
MT 2	x		x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung hoạt động thực tập sư phạm

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có hướng dẫn
			LT	BT	
Hoạt động thực tập dạy học	30%	1		30	45
Hoạt động thực tập giáo dục	70%	2		60	90
Tổng cộng (tiết)		3.0		90	135

5.2. Nội dung các nhiệm vụ thực tập

Nội dung các nhiệm vụ thực tập cụ thể được quy định trong quy chế thực tập sư phạm và có thể linh hoạt điều chỉnh trên thực tiễn ở trường thực tập. Dưới đây là đề xuất các nhiệm vụ thực tập cơ bản.

a) Hoạt động thực tập dạy học gồm các nhiệm vụ:

- Tìm hiểu về chương trình nhà trường.
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn; tìm hiểu các công việc của tổ, nhóm chuyên môn.
- Xây dựng kế hoạch thực tập dạy học hàng tuần và cả đợt.
- Quan sát và nhận xét 02 giờ dạy học mẫu;
- Soạn giáo án và thực hiện 03 giờ dạy.

b) Hoạt động thực tập giáo dục gồm các nhiệm vụ:

- Tìm hiểu thực tiễn giáo dục ở trường thực tập; các công việc, hồ sơ, sổ sách mà giáo viên THCS/THPT cần thực hiện.
- Khai thác hồ sơ học sinh, tìm hiểu đặc điểm học sinh lớp chủ nhiệm; Xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp hàng tuần và cả đợt.
- Tham gia quản lý nề nếp học tập của lớp chủ nhiệm; viết báo cáo tình hình lớp chủ nhiệm hàng tuần.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức 02 giờ sinh hoạt lớp.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Hoạt động	CDR 1	CDR 2	CDR 3
Thực tập dạy học	1	3	2
Thực tập giáo dục	1	2	3

Ba bậc đóng góp: nhiều (3), trung bình (2), ít (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Giáo viên phổ thông phối hợp với giảng viên sư phạm đánh giá thông qua quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thực tập. Quy chế thực tập sư phạm quy định rõ các tiêu chí đánh giá đối với từng nhiệm vụ.

$\text{Điểm TTSP 1} = (\text{Điểm thực tập giáo dục} \times 2 + \text{Điểm thực tập dạy học})/3$

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THỰC TẬP SƯ PHẠM: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

2.17. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên hoạt động: Thực tập sư phạm 2 (School practicum 2)

1.2. Mã học phần: COMM 014

1.3. Số tín chỉ: 03

Thời lượng: 5 tuần liên tục.

1.4. Học phần tiên quyết: Thực tập sư phạm I

1.5. Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo, Trung tâm NC&PT Nghiệp vụ sư phạm

1.6. Giảng viên phụ trách: Nhà trường chọn cử giảng viên từ nguồn giảng viên trong toàn trường.

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình: chưa biên soạn

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Quy chế thực tập sư phạm.

2.2.2. Các quy định của Ngành và nội quy của trường thực tập liên quan đến vai trò, chức năng, nhiệm vụ của giáo viên, giáo sinh thực tập ở trường phổ thông.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức, kỹ năng bước đầu thực hiện được công việc dạy học môn học ở trường phổ thông.

MT 2: Có kiến thức, kỹ năng bước đầu thực hiện được công việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CĐR 1: Đáp ứng 6 CĐR của chương trình đào tạo liên quan đến phẩm chất là:

- Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước;
- Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh;
- Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học;
- Trung thực và đáng tin cậy;
- Trách nhiệm và tận tâm;
- Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CĐR 2: Xây dựng được kế hoạch bài học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục. Tổ chức dạy học bài học đáp ứng được yêu cầu môn học. Đánh giá kết quả dạy học đáp ứng được yêu cầu môn học. Xây dựng và quản lý hồ sơ dạy học.

CĐR 3: Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp hiệu quả. Tham gia thực hiện các nhiệm vụ giáo dục đáp ứng các yêu cầu của nhà trường. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông. Tham gia các hoạt động cộng đồng gắn với giáo dục.

Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR CTĐT

CĐR CTĐT	CĐR học phần		
	1	2	3
CĐR 1	x		
CĐR 2	x		
CĐR 3	x		
CĐR 4	x		
CĐR 5	x		

CĐR CTĐT	CĐR học phần		
	1	2	3
CĐR 6	x		
CĐR 7		x	x
CĐR 8		x	x
CĐR 9		x	x
CĐR 10		x	x
CĐR 11		x	x
CĐR 12		x	x
CĐR 13		X	
CĐR 14		X	X
CĐR 15		X	X
CĐR 16			X
CĐR 17		x	X
CĐR 18		X	
CĐR 19		X	
CĐR 20		X	
CĐR 21			
CĐR 22			
CĐR 23		x	

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR học phần

Mục tiêu học phần	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3
MT 1	x	x	
MT 2	x		x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung hoạt động thực tập sư phạm

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có hướng dẫn
			LT	Bài tập	
Hoạt động thực tập dạy học	70%	2		60	90
Hoạt động thực tập giáo dục	30%	1		30	45
Tổng cộng (tiết)		3.0		90	135

5.2. Nội dung các nhiệm vụ thực tập

Nội dung các nhiệm vụ thực tập cụ thể được quy định trong quy chế thực tập sư phạm và có thể linh hoạt điều chỉnh trên thực tiễn ở trường thực tập. Dưới đây là đề xuất các nhiệm vụ thực tập cơ bản.

a) Hoạt động thực tập dạy học gồm các nhiệm vụ:

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn; tìm hiểu các công việc của tổ chuyên môn; Xây dựng kế hoạch thực tập dạy học hàng tuần và cả đợt.
- Quan sát và nhận xét 04 giờ dạy học mẫu.

– Soạn giáo án và thực hiện 05 giờ dạy.

Các nhiệm vụ thực tập dạy học *tự chọn*: phụ đạo học sinh có học lực trung bình; chế tạo đồ dùng dạy học tự làm; tổ chức hoạt động giáo dục STEM; tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học – kĩ thuật.

b) Hoạt động thực tập giáo dục gồm các nhiệm vụ:

– Tham gia các hoạt động của cộng đồng giáo viên, Đoàn thanh niên và các hoạt động cộng đồng gắn với giáo dục.

– Xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp hàng tuần và cả đợt.

– Quản lí nền nếp học tập; viết báo cáo tình hình lớp chủ nhiệm hàng tuần.

– Khuyến khích, hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động giáo dục trong nhà trường và các hoạt động cộng đồng gắn với giáo dục.

– Xây dựng kế hoạch và tổ chức 01 giờ sinh hoạt lớp và 01 hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Các nhiệm vụ thực tập giáo dục *tự chọn*: tham gia tư vấn, tham vấn, hỗ trợ tâm lí học đường; tham gia giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi; tham gia thúc đẩy phong trào, hoạt động Đoàn của lớp chủ nhiệm; hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ học sinh.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Hoạt động	CDR 1	CDR 2	CDR 3
Thực tập dạy học	1	3	2
Thực tập giáo dục	1	2	3

Ba bậc đóng góp: nhiều (3), trung bình (2), ít (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Giáo viên phổ thông phối hợp với giảng viên sư phạm đánh giá thông qua quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thực tập. Quy chế thực tập sư phạm quy định rõ các tiêu chí đánh giá đối với từng nhiệm vụ.

$\text{Điểm TTSP 1} = (\text{Điểm thực tập giáo dục} + \text{Điểm thực tập dạy học} \times 2) / 3$

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THỰC TẬP SƯ PHẠM: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3. Khối học văn chuyên ngành (66 tín chỉ)

3.1. BẢN ĐỒ HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Bản đồ học

1.2. Mã học phần: GEOG 121G

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Thanh Xuân	0988615133	xuannt.geo@gmail.com
2	Dương Thị Lợi	0357120145	duongloi1710@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.1.1. *Bản đồ học*, K.A. Xalisep (dịch) Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.1.2. *Bản đồ học Đại cương*, Lâm Quang Dốc, Phạm Ngọc Đĩnh (Chủ biên), NXB Đại học Sư phạm.

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Lê Huỳnh, Lâm Quang Dốc (1992), *Bản đồ địa hình và đo vẽ địa phương*.

2.2.2. Nhữ Thị Xuân (2006), *Bản đồ địa hình*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2.3. *Giáo trình “Bản đồ học”*, Đại học Mỏ – Địa chất, Hà Nội.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. A primer of GIS: Fundamental Geographic and Cartographic concepts, Francis Harvey.

2.3.2. Fundamentals of General Cartography, Rai Technology University, India.

2.3.4. Introduction to Cartography, Department of Geography, Hunter College, New York.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về Bản đồ học.

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về Bản đồ học trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn.

MT 3: Giải thích được các nội dung liên quan trong Chương trình môn Địa lí phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về Bản đồ học.

MT 4: Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi liên quan đến bản đồ và sử dụng bản đồ ở Chương trình môn Địa lí phổ thông (vị trí của Bản đồ học trong Chương trình môn Địa lí ở phổ thông và sự phát triển của Khoa học địa lí).

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về bản đồ (khái niệm chung về bản đồ địa lí, khái niệm bản đồ địa hình; lịch sử phát triển của Bản đồ học; cơ sở toán học của bản đồ; các phương pháp biểu hiện nội dung bản đồ).

CDR 2: Phân tích sự khác biệt của các phương pháp biểu hiện trên bản đồ, giải thích được vì sao phải tổng quát hoá.

CDR 3: Phân tích được nội dung các bản đồ minh họa, bài tập; kỹ năng khai thác và sử dụng bản đồ.

CDR 4: Vận dụng được những học vấn về bản đồ trong học tập và nghiên cứu ở những lĩnh vực chuyên ngành.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x				
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x				
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x				
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x				
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội		x	x	x	
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	
3.1. Năng lực dạy học	x	x	x	x	
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	
3.4. Năng lực hoạt động xã hội			x	x	
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x			
MT 2		x	x	x	
MT 3			x	x	
MT 4			x	x	

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi (3T/ buổi)	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Cơ sở Bản đồ học	1 – 6	1.2	12	6	30
Chương 2: Bản đồ địa hình	7 – 10	0.8	8	4	30
Tổng cộng (tiết)	10	2	20	10	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Mục/ Bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Cơ sở Bản đồ học							
1.1	Khái niệm chung	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về Bản đồ học vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 2.2.1 và 2.2.2.
1.2	Lịch sử phát triển của Bản đồ học	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về lịch sử phát triển Bản đồ học vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 2.2.1 và 2.2.2.

Mục/ Bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.3	Cơ sở toán học của bản đồ	6	3	3	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về cơ sở toán học của bản đồ vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2, 2.2.1 2.2.2 và làm các bài tập.
1.4	Kí hiệu bản đồ và các phương pháp biểu hiện nội dung bản đồ	6	3	3	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về kí hiệu, phương pháp thể hiện bản đồ vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2, 2.2.1 2.2.2 và làm các bài tập.
1.5	Tổng quát hoá bản đồ	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về tổng quát hoá bản đồ vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1 và 2.2.1.
1.6	Phân loại bản đồ	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về phân loại bản đồ vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1 và 2.2.1.

Chương 2: Bản đồ địa hình

Mục/ Bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.1	Khái niệm	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về cơ sở toán học của bản đồ địa hình vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 2.2.1 và 2.2.2.
2.2	Cơ sở toán học của bản đồ địa hình	2	1	1			– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 2.2.1 và 2.2.2.
2.3	Nội dung và phương pháp biểu hiện nội dung bản đồ địa hình	3	1	2	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về nội dung, phương pháp biểu hiện của bản đồ địa hình vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 2.2.1 và 2.2.2.
2.4	Sử dụng bản đồ địa hình	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về sử dụng bản đồ địa hình vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 2.2.1 và 2.2.2.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
Chương	Mục				
1	1.1	5	5	1	1
	1.2	1	1	1	1
	1.3	2	2	5	5
	1.4	2	2	5	5

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
Chương	Mục				
	1.5	3	3	3	3
	1.6	1	1	4	4
2	2.1	4	1	1	1
	2.2	2	2	4	5
	2.3	2	2	4	5
	2.4	3	3	5	5

Ghi chú: Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỜNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.2. CƠ SỞ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Cơ sở Địa lí tự nhiên 1

1.2. Mã học phần: GEOG 123G

1.3. Số tín chỉ: 04

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Quyết Chiến	0972632868	chienhnue@gmail.com
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	0979029269	hienntt@hnue.edu.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1 Nguyễn Trọng Hiếu, Phùng Ngọc Đĩnh (2015), *Địa lí tự nhiên đại cương 1, Trái Đất và Thạch quyển*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Đào Đình Bắc (2000), *Địa mạo đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2.2. Phùng Ngọc Đĩnh (2006), *Địa hình bề mặt Trái Đất*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Lưu Đức Hải, Trần Nghi (2012), *Giáo trình khoa học Trái Đất*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Darrel Hess (2011), *Physical geography: a landscape appreciation*, Pearson.

2.3.2. Nguyễn Vi Dân (Chủ biên) (2005), *Cơ sở địa lí tự nhiên*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.3. Phạm Ngọc Đĩnh, Nguyễn Văn Luyện (2015), *Địa lí thiên văn*, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

2.3.4. Phùng Ngọc Đĩnh và Lương Hồng Hược (1996), *Địa chất đại cương*, NXB Địa học Sư phạm.

2.3.5. Hoàng Ngọc Oanh (1998), *Đại cương khoa học Trái Đất*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.6. Frederick K. Lutgens, Edward J. Tarbuck, Dennis Tasa (2012), *Essentials of geology*, Pearson Education, Inc.

2.3.7. Robert E. Gabler James F. Petersen L. Michael Trapasso Dorothy Sackn (2009), *Physical Geography*, Canada.

2.3.8. S. Judson, M.E. Kauffman (2002), *Địa chất cơ sở*, Bản dịch của Huỳnh Thị Minh Hằng, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

2.3.9. Tống Duy Thanh (Chủ biên) (2004), *Giáo trình địa chất cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.10. Tống Duy Thanh (2005), *Lịch sử tiến hoá Trái Đất*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.11. Phạm Viết Trinh, Nguyễn Đình Noãn (2003), *Giáo trình thiên văn*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.4. Website

- 2.4.1. <http://www.earth.columbia.edu>
 2.4.2. www.physicalgeography.net
 2.4.3. www.earthobservatory.nasa.gov
 2.4.4. www.geography.about.com
 2.4.5. <https://thienvanvietnam.org>
 2.4.6. <https://wikipedia.org/wiki>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về Trái Đất và Thạch quyển.

MT 2: Vận dụng được những kiến thức/học vấn về Trái Đất – Thạch quyển trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về Trái Đất – Thạch quyển trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo bao gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được những nội dung cơ bản về Trái Đất, Thạch quyển, các quá trình hình thành và các kiểu địa hình chủ yếu trên bề mặt Trái Đất.

CDR 3: Vận dụng được kiến thức về Trái Đất, Thạch quyển và địa hình trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí tự nhiên nói riêng, Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về Trái Đất, Thạch quyển và địa hình trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng được kiến thức về Trái Đất, Thạch quyển và địa hình để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về Trái Đất, Thạch quyển và địa hình vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước					
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x		
MT 2	x	x	x		
MT 3	x			x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Phân bổ thời gian			
	Số tiết trên lớp			Tự học có HD
	Tổng	LT	BT/TL	
Chương 1: Nhập môn khoa học địa lí	3	3	0	6
Chương 2: Vũ trụ và các thiên thể	4	4	1	8
Chương 3: Lịch sử phát triển vỏ Trái Đất	4	4	0	8
Chương 4: Hình dạng, kích thước và cấu trúc của Trái Đất	5	3	1	10

Chương 5: Những vận động của Trái Đất và các hệ quả địa lí	15	9	6	30
Chương 6: Các khái niệm cơ bản về thạch quyển và địa hình	3	3	0	6
Chương 7: Vận động kiến tạo và các quá trình hình thành địa hình	8	6	2	16
Chương 8: Địa hình trên lục địa	12	9	3	24
Chương 9: Địa hình vùng cửa sông, bờ biển và đáy đại dương	7	5	2	14
Tổng cộng (tiết)	60	45	15	120

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
Chương 1: Nhập môn khoa học địa lí						
1.1. Vị trí của Địa lí học trong các khoa học Trái Đất và cấu trúc của Khoa học địa lí	1.5	1.5	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3, 2.3.2.
1.2. Đối tượng nghiên cứu và cấu trúc của Địa lí tự nhiên	1.5	1.5	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3, 2.3.2.
Chương 2: Vũ trụ và các thiên thể						
2.1. Khái niệm về Vũ trụ	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với	– Đọc tài liệu 2.2.2, 2.2.3, 2.2.4.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				học Trái Đất thạch quyển vào thực tiễn.	phương pháp học theo nhóm.	
2.2. Hệ Mặt Trời	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3, 2.3.3.
Chương 3: Lịch sử phát triển vỏ Trái Đất						
3.1. Thời kì Tiền Cambri	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.4, 2.3.6, 2.3.10.
3.2. Thời kì Paleozoi	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.4, 2.3.6, 2.3.10.
3.3. Thời kì Mesozoi	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất,	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.4, 2.3.6, 2.3.10.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				Thạch quyền vào thực tiễn.		
3.4. Thời kì Kainozoi	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.4, 2.3.6, 2.3.10.
Chương 4: Hình dạng, kích thước và cấu trúc của Trái Đất						
4.1. Hình dạng của Trái Đất	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3, 2.3.1, 2.3.3, 2.3.5.
4.2. Kích thước của Trái Đất	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3, 2.3.1, 2.3.3, 2.3.5.
4.3. Các hệ quả địa lí của hình dạng và kích thước Trái Đất	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất,	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3, 2.3.1, 2.3.3, 2.3.5.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				Thạch quyền vào thực tiễn.		
4.4. Cấu trúc của Trái Đất	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3, 2.3.1, 2.3.3, 2.3.5.
Chương 5: Những vận động của Trái Đất và các hệ quả địa lí						
5.1. Vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả địa lí	5	3	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.5, 2.3.7, 2.3.11.
5.2. Vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các hệ quả địa lí	5	3	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.5, 2.3.7, 2.3.11.
5.3. Vận động của hệ thống Trái Đất – Mặt Trăng và các hệ quả địa lí	5	3	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất,	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.5, 2.3.7, 2.3.11.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				Thạch quyền vào thực tiễn.		
Chương 6: Các khái niệm cơ bản về thạch quyền và địa hình						
6.1. Khái niệm và ranh giới Thạch quyền	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.2.
6.2. Địa hình và các khái niệm liên quan	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.2.
6.3. Nguồn gốc và phân loại địa hình	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2, 2.2.3, 2.2.4.
Chương 7: Vận động kiến tạo và các quá trình hình thành địa hình						
7.1. Vận động kiến tạo của vỏ Trái Đất	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất,	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2, 2.3.4, 2.3.6, 2.3.8, 2.3.9.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				Thạch quyền vào thực tiễn.		
7.2. Các quá trình hình thành địa hình nội sinh	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2, 2.3.4, 2.3.6, 2.3.8, 2.3.9.
7.3. Các quá trình hình thành địa hình ngoại sinh	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2, 2.3.4, 2.3.6, 2.3.8, 2.3.9.
7.4. Quan hệ giữa các quá trình hình thành địa hình	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.4.
7.5. Khoáng sản và nguồn gốc hình thành khoáng sản	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyền vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.4, 2.3.8, 2.3.9.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
Chương 8: Địa hình trên lục địa						
8.1. Miền núi và miền đồng bằng	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2.
8.2. Địa hình do quá trình sườn	2	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2.
8.3. Địa hình do dòng nước tạo thành	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2.
8.4. Địa hình karst	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
8.5. Địa hình do gió và băng hà tạo thành	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2.
Chương 9: Địa hình vùng cửa sông, bờ biển và đáy đại dương						
9.1. Địa hình vùng cửa sông	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2.
9.2. Địa hình miền bờ biển	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2.
9.3. Địa hình đáy đại dương	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Trái Đất, Thạch quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.2.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	3
	1.2	5	5	3	3	3
2	2.1	5	5	3	3	3
	2.2	5	5	3	3	3
3	3.1	5	5	3	3	3
	3.2	5	5	3	3	3
	3.3	5	5	3	3	3
	3.4	5	5	3	3	3
4	4.1	5	5	3	3	3
	4.2	5	5	3	3	3
	4.3	5	5	3	3	3
	4.4	5	5	3	3	3
5	5.1	5	5	3	3	3
	5.2	5	5	3	3	3
	5.3	5	5	3	3	3
	5.4	5	5	3	3	3
6	6.1	5	5	3	3	3
	6.2	5	5	3	3	3
	6.3	5	5	3	3	3
7	7.1	5	5	3	3	3
	7.2	5	5	3	3	3
	7.3	5	5	3	3	3
	7.4	5	5	3	3	3
	7.5	5	5	3	3	3
8	8.1	5	5	3	3	3
	8.2	5	5	3	3	3
	8.3	5	5	3	3	3
	8.4	5	5	3	3	3
	8.5	5	5	3	3	3
9	9.1	5	5	3	3	3
	9.2	5	5	3	3	3
	9.3	5	5	3	3	3

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.3. CƠ SỞ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 2

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Cơ sở Địa lí tự nhiên 2

1.2. Mã học phần: GEOG 127G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Đào Ngọc Hùng	0915541169	daongochung69@gmail.com
2	Vũ Thị Thu Hằng	0916055402	hangvuth76@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Lê Văn Nghinh (2001), *Giáo trình Nguyên lí thuỷ văn*, NXB Nông nghiệp.

2.2.2. Hoàng Ngọc Oanh, Nguyễn Văn Âu (2004), *Địa lí tự nhiên đại cương 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2.2.3. Nguyễn Văn Thắng (2013), *Giáo trình khí hậu đại cương*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Darrel Hess (2011), *Physical geography: a landscape appreciation*, Pearson.

2.3.2. Nguyễn Vi Dân (Chủ biên, 2005), *Cơ sở địa lí tự nhiên*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.3. Robert E. Gabler James F. Petersen L. Michael Trapasso Dorothy Sackn (2009). *Physical Geography*. Canada.

2.2.4. Ernst. W.G., et al (2000), *Earth Systems, Processes and Issues*, Cambridge University Press. UK.

2.2.5 Gabler. E.R. et al (2000), *Essentials of Physical Geography*, Saunders College Publishing, New York.

2.4. Website

2.4.1. <http://www.earth.columbia.edu>

2.4.2. www.physicalgeography.net

2.4.3. www.earthobservatory.nasa.gov

2.4.4. www.geography.about.com

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về khí quyển, thuỷ quyển và mối quan hệ giữa khí quyển, thuỷ quyển với các thành phần tự nhiên trong lớp vỏ địa lí.

MT 2: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về khí quyển và thuỷ quyển trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về khí quyển và thuỷ quyển trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo bao gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được nội dung cơ bản về khí quyển, thủy quyển và mối quan hệ giữa khí quyển, thủy quyển với các thành phần tự nhiên trong lớp vỏ địa lí.

CDR 3: Vận dụng được kiến thức về khí quyển, thủy quyển trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí tự nhiên nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về khí quyển, thủy quyển trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng kiến thức về khí quyển, thủy quyển để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về khí quyển, thủy quyển vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x				
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x				
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x				
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x				
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x				
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x				
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi		x	x		
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác			x		
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo			x		
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội		x		x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện			x		
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp			x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí		x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được			x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông					
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn			X	X	X
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí		X	X	X	X
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn		X			
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn		X	X		X

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	X	X	X		
MT 2	X		X		
MT 3	X		X	X	X

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Phân bổ thời gian			
	Số tiết trên lớp			Tự học có HD
	Tổng	LT	BT/TL	
Chương 1: Mở đầu	6	5	1	12
Chương 2: Bức xạ và nhiệt độ	6	5	1	12
Chương 3: Nước trong khí quyển	7	5	2	14
Chương 4: Khí áp, gió và hoàn lưu khí quyển	7	5	2	14
Chương 5: Phân vùng khí hậu	6	5	1	12
Chương 6: Nước trên lục địa	7	5	2	12
Chương 7: Nước đại dương thế giới	6	5	1	14
Tổng cộng (tiết)	45	35	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
Chương 1: Mở đầu						

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
3.1. Các đại lượng đặc trưng cho hơi nước trong khí quyển	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
3.2. Các sản phẩm ngưng kết của hơi nước	3	3	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
3.3. Mưa và sự phân bố mưa trên bề mặt Trái Đất	3	2	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
Chương 4: Khí áp và gió, hoàn lưu khí quyển						
4.1. Khí áp và bậc thang khí áp	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
4.2. Gió, các lực hình thành và ảnh hưởng đến gió	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
4.3. Hoàn lưu chung của khí quyển	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
4.4. Hoàn lưu địa phương	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
Chương 5: Phân vùng khí hậu						
5.1. Các nhân tố hình thành khí hậu.	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
5.2. Phân loại khí hậu của Alixốp	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
5.3. Phân loại khí hậu của Côpen	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
Chương 6: Nước trên lục địa						
6.1. Sông ngòi	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
6.2. Hồ và đầm lầy	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
6.3. Nước dưới đất	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
6.4. Các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt trên Trái Đất	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
Chương 7: Nước đại dương thế giới						
7.1. Tính chất lí hoá của nước biển	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
7.2. Sóng biển	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
7.3. Dòng biển	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.
7.4. Thủy triều	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về khí quyển và thủy quyển vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	4	5	3	2	1
	1.2	4	5	3	2	1
	1.3	4	5	3	2	1
	1.4	4	5	3	2	1
2	2.1	5	5	5	3	2
	2.2	5	5	5	3	2
	2.3	5	5	5	3	2
	2.4	5	5	5	3	2
3	3.1	5	5	5	3	3
	3.2	5	5	5	3	3
	3.3	5	5	5	3	3
4	4.1	5	5	3	4	4
	4.2	5	5	3	4	4
	4.3	5	5	5	4	4

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
	4.4	5	5	5	4	4
5	5.1	5	5	3	5	5
	5.2	5	5	3	5	5
	5.3	5	5	3	5	5
6	6.1	5	5	3	5	5
	6.2	5	5	3	5	5
	6.3	5	5	3	5	5
	6.4	5	5	3	5	5
7	7.1	5	5	3	5	5
	7.2	5	5	3	5	5
	7.3	5	5	3	5	5
	7.4	5	5	3	5	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
			Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức kỹ năng và thủy quyền vào thực tiễn.	
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10		Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức kỹ năng và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức kỹ năng và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức kỹ năng và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức kỹ năng và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỜNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.4. CƠ SỞ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 3

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Cơ sở Địa lí tự nhiên 3

1.2. Mã học phần: GEOG 04

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Vũ Thị Hằng	0916055402	Hangvuth76@gmail.com
2	Đặng Thị Huệ	0988907197	huedialy@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Kim Chương và nnk (2004), *Địa lí tự nhiên đại cương 3*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Lê Bá Thảo (1987), *Cơ sở địa lí tự nhiên, tập 3*, NXB Giáo dục.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Trần Kông Tấu (1986), *Thổ nhưỡng học*, tập 1, 2, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

2.3.2. Trần Kông Tấu (2002), *Tài nguyên đất*, NXB ĐHQG Hà Nội.

2.3.3. Kalexnik (Đào Trọng Năng dịch, 1978), *Những quy luật Địa lí chung của Trái đất*, NXB Khoa học và kĩ thuật.

2.3.4. Trần Văn Chính (2010), *Giáo trình thổ nhưỡng học*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

2.3.5. Tom L. Mcknight (2000), *Physical geography*, University of California, Los Angeles.

2.3.6. Robert E. Gabler James F. Petersen L. Michael Trapasso Dorothy Sackn (2009). *Physical Geography*. Canada.

2.4. Website

2.4.1. www.physicalgeography.net

2.4.2. www.soils.usda.gov

2.4.3. www.nationalgeographic.org

2.4.4. www.mabvietnam.net

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức, kĩ năng cơ bản về thổ nhưỡng, sinh quyển và các quy luật địa lí chung của Trái Đất.

MT 2: Vận dụng được kiến thức/học vấn về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo bao gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được nội dung cơ bản về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung.

CDR 3: Vận dụng được kiến thức về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí tự nhiên nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng kiến thức về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về thổ nhưỡng, sinh quyển, các quy luật địa lí chung vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần					
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh						
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học						
1.4. Trung thực và đáng tin cậy						
1.5. Trách nhiệm và tận tâm						
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi						
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo						
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội						
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội						

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6
MT 1	X	X	X	X		
MT 2	X	X	X	X		
MT 3	X				X	X

5.1. Nội dung học phần

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
Chương 1: Thổ nhưỡng						

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
1.1. Khái niệm về thổ nhưỡng và lớp vỏ thổ nhưỡng	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tự học, tương tác với giảng viên).	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.4, 2.4.1.
1.2. Cơ sở lý thuyết của sự hình thành đất	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tự học, tương tác với giảng viên).	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.4.
1.3. Thành phần và các đặc tính lý hoá chính của đất	6	6	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên).	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.4, 2.4.1.
1.4. Các nhân tố hình thành đất	4	2	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.4, 2.4.1.
1.5. Sự phân bố đất trên thế giới	5	3	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm, có khả năng thuyết trình các vấn đề nghiên cứu.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.4.1, 2.4.2.
Chương 2: Sinh quyển						
2.1. Khái niệm, phạm vi, đặc tính	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
và vai trò của sinh quyển				các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	
2.2. Khu dự trữ sinh quyển	3	1	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.4.4.
2.3. Nhân tố sinh thái và sự thích nghi của sinh vật	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học thông qua hình ảnh, video.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.5, 2.3.6, 2.4.3.
2.4. Khu phân bố và động lực học khu phân bố	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
2.5. Quần thể, quần xã, hệ sinh thái	4	4	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên).	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.4.3.
2.6. Đa dạng sinh học	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm	– Đọc tài liệu 2.2.1.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				thuật dạy học truyền thống.	bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	
2.7. Các quy luật và sự phân bố sinh vật trên Trái Đất	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng Bản đồ học vào thực tiễn	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm, có khả năng thuyết trình các vấn đề nghiên cứu.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
Chương 3: Các quy luật địa lý chung của Trái Đất						
3.1. Quy luật về tính thống nhất và hoàn chỉnh	3	3	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
3.2. Sự tuần hoàn vật chất và năng lượng	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên).	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
3.3. Tính nhịp điệu	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên).	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
3.4. Quy luật địa đới	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên)	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
					với phương pháp học theo nhóm.	
3.5. Quy luật phi địa đới	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6
Chương	Mục						
1	1.1	5	5	3	3	2	2
	1.2	5	5	3	3	2	2
	1.3	5	5	3	3	2	2
	1.4	5	5	3	3	2	2
	1.5	5	5	3	3	2	2
2	2.1	5	5	3	3	2	2
	2.2	5	5	3	3	2	2
	2.3	5	5	3	3	2	2
	2.4	5	5	3	3	2	2
	2.5	5	5	3	3	2	2
	2.6	5	5	3	3	2	2
	2.7						
3	3.1	5	5	3	3	2	2
	3.2	5	5	3	3	2	2
	3.3	5	5	3	3	2	2
	3.4	5	5	3	3	2	2
	3.5	5	5	3	3	2	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20

Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập phương pháp học theo nhóm.
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết, bài tập dự án.
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp án đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi.; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.5. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM 1

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lí tự nhiên Việt Nam 1

1.2. Mã học phần: GEOG 240G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Quyết Chiến	0972632868	chienhnue@gmail.com
2	Bùi Thị Thanh Dung	0942976888	buithanhdung83@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Vũ Tự Lập (1999), *Địa lí tự nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục.

2.2.2. Đặng Duy Lợi (Chủ biên, 2015), *Địa lí tự nhiên Việt Nam 1* (phần đại cương), NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu (2004), *Khí hậu và tài nguyên khí hậu Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.

2.2.4. Lê Bá Thảo (2001), *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Lê Đức An, Uông Đình Khanh (2012), *Địa mạo Việt Nam: Cấu trúc – Tài nguyên – Môi trường*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

2.3.2. Lê Huy Bá (2009), *Tài nguyên môi trường đất Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Atlas địa lí Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.4. Trương Quang Học (2012), *Việt Nam: Thiên nhiên, môi trường và Phát triển bền vững*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.5. Nguyễn Viết Phở (2003), *Tài nguyên nước Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.

2.3.6. Trần Thanh Xuân (2007), *Đặc điểm thủy văn và nguồn nước sông Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về tự nhiên Việt Nam trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn.

MT 3: Xác định được vai trò của kiến thức về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

MT 4: Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam trong Chương trình môn Địa lí phổ thông. Giải thích được các nội dung trong Chương trình môn Địa lí phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được những nội dung cơ bản về các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.

CDR 2: Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam trong học tập, nghiên cứu Địa lí tự nhiên nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 3: Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam vào dạy học Địa lí ở các cấp học và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

CDR 4: Xác định được vị trí của đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học.

CDR 5: Vận dụng kiến thức về đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	X	X	X		
MT 2	X	X	X		
MT 3				X	X
MT 4				X	X

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Phân bổ thời gian			
	Số tiết trên lớp			Tự học có HD
	Tổng	LT	BT/TL	
Chương 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và vai trò đối với tự nhiên Việt Nam	5	4	1	10
Chương 2: Lịch sử phát triển của lãnh thổ Việt Nam	5	4	1	20
Chương 3: Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	5	5	0	10
Chương 4: Địa hình Việt Nam	7	5	2	20
Chương 5: Khí hậu Việt Nam	10	7	3	20
Chương 6: Thủy văn Việt Nam	5	4	1	10
Chương 7: Thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam	6	4	2	20
Chương 8: Khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường tự nhiên Việt Nam	2	2	0	10
Tổng cộng (tiết)	45	35	10	120

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
Chương 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và vai trò đối với tự nhiên Việt Nam						

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
1.1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
1.2. Vai trò của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên Việt Nam	3	3	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
Chương 2: Lịch sử phát triển của lãnh thổ Việt Nam						
2.1. Khái quát về lịch sử hình thành, phát triển lãnh thổ Việt Nam	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
2.2. Các giai đoạn phát triển của lãnh thổ Việt Nam	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
2.3. Nguồn gốc và đặc điểm khoáng sản ở Việt Nam	2	1	1	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	
Chương 3: Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam						
3.1. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên Việt Nam	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
3.2. Tính bán đảo (tính biển) của tự nhiên Việt Nam	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
3.3. Tính chất nhiều đồi núi của tự nhiên Việt Nam	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
3.4. Tự nhiên Việt Nam có sự phân hoá không gian đa dạng	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
3.5. Tự nhiên Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của con người	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
Chương 4: Địa hình Việt Nam						
4.1. Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam	3	3	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
4.2. Sự phân hoá địa hình Việt Nam	4	2	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
Chương 5: Khí hậu Việt Nam						
5.1. Các nhân tố hình thành khí hậu Việt Nam	3	3	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
5.2. Đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam	4	3	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	
5.3. Các yếu tố khí hậu và loại hình thời tiết chủ yếu	2	0	2	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
5.4. Phân vùng khí hậu Việt Nam	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
Chương 6: Thủy văn Việt Nam						
6.1. Đặc điểm chung của thủy văn Việt Nam	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
6.2. Phân vùng thủy văn và các hệ thống sông chính ở Việt Nam	1	0	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
6.3. Hồ và nước ngầm Việt Nam	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
6.4. Đặc điểm tài nguyên nước Việt Nam	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
Chương 7: Thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam						
7.1. Đặc điểm chung của thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
7.2. Các nhóm đất và hệ sinh thái chính ở Việt Nam	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
Chương 8: Khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường tự nhiên Việt Nam						
8.1. Cơ sở khoa học của việc khai thác	0.5	0.5	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
TNTN và bảo vệ MTNT Việt Nam				thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	
8.2. Hiện trạng TNTN và MTNT Việt Nam	0.5	0.5	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.
8.3. Định hướng và các giải pháp khai thác TNTN, bảo vệ MTNT Việt Nam	1	1	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 đến 2.2.4.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
	2.3	5	5	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
	3.3	5	5	3	3	2
	3.4	5	5	3	3	2
	3.5	5	5	3	3	2
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
5	5.1	5	5	3	3	2
	5.2	5	5	3	3	2
	5.3	5	5	3	3	2
	5.4	5	5	3	3	2
6	6.1	5	5	3	3	2
	6.2	5	5	3	3	2
	6.3	5	5	3	3	2
	6.4	5	5	3	3	2
7	7.1	5	5	3	3	2
	7.2	5	5	3	3	2
8	8.1	5	5	3	3	2
	8.2	5	5	3	3	2
	8.3	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

– Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

– Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.

– Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.

– Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

– Hình thức: Thi viết hoặc trắc nghiệm.

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá:

+ Đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi.

+ Đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi.

+ Bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

– Hình thức: Thi trắc nghiệm.

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá:

+ Đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi.

+ Bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.6. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM 2

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lí tự nhiên Việt Nam 2

1.2. Mã học phần: GEOG 241G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Quyết Chiến	0972632868	chienhnue@gmail.com
2	Bùi Thị Thanh Dung	0942976888	buithanhdung83@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1. Đặng Duy Lợi (Chủ biên, 2015), *Địa lí tự nhiên Việt Nam 2* (phần khu vực), NXB Đại học Sư phạm.

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Vũ Tự Lập (1999), *Địa lí tự nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục.

2.2.2. Lê Bá Thảo (2001), *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Thượng Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh (1997), *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam*, NXB Giáo dục.

2.3.2. Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu (2004), *Khí hậu và tài nguyên khí hậu Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.

2.3.3. Nguyễn Viết Phở và Vũ Văn Tuấn (1995), *Thiên nhiên Đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Nông nghiệp.

2.3.4. Phạm Văn Quang, Đỗ Hữu Hào, Lê Thành Hiên (1986), *Cấu trúc địa chất miền Bắc Việt Nam*, NXB Khoa học và kĩ thuật.

2.4.5. Lê Bá Thảo (1998), *Việt Nam: Lãnh thổ và các vùng địa lí*, NXB Thế giới.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kĩ năng cơ bản về Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 (đặc điểm các cấp phân vùng tự nhiên Việt Nam).

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn.

MT 3: Giải thích được các nội dung trong Chương trình môn Địa lí phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về Địa lí tự nhiên Việt Nam 2. Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi về Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 trong Chương trình môn Địa lí phổ thông.

MT 4: Xác định được vai trò của kiến thức về Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được nội dung cơ bản về đặc điểm các đơn vị phân vùng ĐLTN Việt Nam.

CDR 2: Vận dụng được những kiến thức về các đơn vị phân vùng tự nhiên Việt Nam trong học tập, nghiên cứu địa lí tự nhiên nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 3: Vận dụng được những kiến thức về đặc điểm các đơn vị phân vùng tự nhiên Việt Nam vào dạy học Địa lí ở các cấp học và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

CDR 4: Xác định được vị trí của những kiến thức về đặc điểm các đơn vị phân vùng tự nhiên Việt Nam trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học.

CDR 5: Vận dụng kiến thức về đặc điểm các đơn vị phân vùng tự nhiên Việt Nam để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x			
MT 2	x	x			
MT 3			x	x	x
MT 4			x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Phân bổ thời gian			
	Số tiết trên lớp			Tự học có HD
	Tổng	LT	BT/TL	
Chương 1: Cơ sở lí luận về phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam	5	4	1	20
Chương 2: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	15	12	3	25
Chương 3: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	15	12	3	25
Chương 4: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ	10	7	3	20
Tổng cộng (tiết)	45	35	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
Chương 1: Cơ sở lí luận về phân vùng địa lí tự nhiên Việt Nam						
1.1. Các quy luật phân hoá không gian địa lí tự nhiên Việt Nam	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
1.2. Chỉ tiêu cơ bản và phương pháp phân vùng địa lí tự nhiên	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.
Chương 2: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ						
2.1. Đặc điểm chung và đặc điểm các thành phần tự nhiên	5	5	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.
2.2. Sự phân hoá tự nhiên của miền	10	7	3	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.
Chương 3: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ						
3.1. Đặc điểm chung và đặc điểm các thành phần tự nhiên	5	5	0	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.
3.2. Sự phân hoá tự nhiên của miền	10	7	3	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	
Chương 4: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ						
4.1. Đặc điểm chung và đặc điểm các thành phần tự nhiên	5	5	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.
4.2. Sự phân hoá tự nhiên của miền	10	7	3	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn Bản đồ học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
--------------------	--------------

Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn toán học vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết hoặc trắc nghiệm.
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi.
 - + Đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi.
 - + Bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi trắc nghiệm.
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá:
 - + Đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi.
 - + Bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.7. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC LỤC ĐỊA

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lí tự nhiên các lục địa

1.2. Mã học phần: GEOG 242G

1.3. Số tín chỉ: 04

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1.	Đặng Thị Huệ	0962212899	huedialy@gmail.com
2.	Nguyễn Thị Thu Hiền	0979029269	hiennntt@hnue.edu.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Đình Giang (2003), *Giáo trình thực hành Địa lí tự nhiên các lục địa*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2.2.2. Nguyễn Phi Hạnh (2006), *Địa lí các lục địa, Tập 1*, NXB Giáo Dục Việt Nam.

2.2.3. Nguyễn Phi Hạnh (2006), *Địa lí các lục địa, Tập 2*, NXB Giáo Dục Việt Nam.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Vôrônôp (2001), *Địa lí sinh vật*, (bản dịch tiếng Việt, tái bản), NXB Giáo dục.

2.3.2. Trung tâm tranh ảnh và bản đồ, *Tập Atlas Địa lí thế giới và các châu lục*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.3. Nguyễn Thị Hải, *Địa lí tự nhiên các lục địa*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Phân tích được những nội dung cơ bản về đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên các lục địa trên thế giới. Xác định và phân tích được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên của lớp vỏ địa lí trong việc hình thành các đặc điểm địa lí tự nhiên các lục địa.

MT 2: Sử dụng được bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để phân tích các nhân tố hình thành, đặc điểm địa lí tự nhiên các lục địa.

MT 3: Xác định được vai trò của địa lí tự nhiên các lục địa trong sự phát triển KT – XH thế giới nói chung, các quốc gia và vùng lãnh thổ trên mỗi lục địa nói riêng. Vận dụng được kiến thức về địa lí tự nhiên các lục địa trong học tập và nghiên cứu địa lí Kinh tế – xã hội thế giới.

MT 4: Vận dụng được các kiến thức địa lí tự nhiên các lục địa vào dạy học Địa lí ở trường phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được nội dung cơ bản về các đặc điểm tự nhiên của các lục địa trên thế giới.

CDR 3: Vận dụng được các kiến thức về đặc điểm tự nhiên các lục địa trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí tự nhiên nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của địa lí tự nhiên các lục địa trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng các kiến thức địa lí tự nhiên các lục địa để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về địa lí tự nhiên các lục địa vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x				
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x				
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x			x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x				
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x	x	x	x
MT 2	x	x	x		
MT 3	x	x	x		
MT 4				x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Lục địa Phi	1-3	0.9	9	4	27
Chương 2: Lục địa Á – Âu	4-7	1.1	11	5	33
Chương 3: Lục địa Bắc Mỹ	8-10	0.8	8	4	24
Chương 4: Lục địa Nam Mỹ	11-12	0.5	5	3	15
Chương 5: Lục địa Ôxtrâyli và các đảo châu Đại Dương	13-14	0.5	5	3	15
Chương 6: Lục địa Nam Cực	15	0.2	2	1	6
Tổng cộng (tiết)	15	4	40	20	120

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Lục địa Phi							
1.1	Các nhân tố hình thành tự nhiên	3	2	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về VTĐL, PVLTC của lục địa Phi vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 (chương 1).
1.2	Đặc điểm tự nhiên	8	5	3			– Đọc tài liệu 2.2.1 (phần lục địa Phi), 2.2.2 (chương 2), 2.3.2.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
3.1	Các nhân tố hình thành tự nhiên	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về VTĐL, PVLТ của lục địa Bắc Mĩ vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3 (chương 1).
3.2	Đặc điểm tự nhiên	8	6	2			– Đọc tài liệu 2.2.1 (phần lục địa Bắc Mĩ), 2.2.3 (chương 2), 2.3.2.
3.3	Các khu vực địa lí tự nhiên	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – nắm được đặc điểm, quy luật phân hoá của các khu vực địa lí Tự nhiên lục địa Bắc Mĩ. Biết cách phân tích, so sánh các khu vực trong lục địa Bắc Mĩ	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3 (chương 2, 4), 2.3.3.
Chương 4: Lục địa Nam Mĩ							
4.1	Các nhân tố hình thành tự nhiên	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm chung của lục địa Nam Mĩ vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3 (chương 1 – phần lục địa Nam Mĩ).
4.2	Đặc điểm tự nhiên	6	4	2			– Đọc tài liệu 2.2.3 (chương 2 – phần lục địa Nam Mĩ) và 2.3.3.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
4.3	Các khu vực địa lí tự nhiên	1	0	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm, sự phân hoá của các khu vực địa lí tự nhiên lục địa Nam Mỹ vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3 (chương 3), 2.2.1 (phần lục địa Nam Mỹ), 2.3.3.
Chương 5: Lục địa Ôxtrâyliya và các đảo Châu Đại Dương							
5.1	Các nhân tố hình thành tự nhiên lục địa Ôxtrâyliya và các đảo châu Đại Dương	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm, sự phân hoá của lục địa Ôxtrâyliya vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (phần lục địa Ôxtrâyliya), 2.2.3 và 2.3.2.
5.2	Đặc điểm tự nhiên lục địa Ôxtrâyliya và các đảo châu Đại Dương	6	4	2			
Chương 6: Lục địa Nam Cực							
6.1	Khái quát lục địa Nam Cực	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm, sự phân hoá của lục địa Nam Cực	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với	– Đọc tài liệu 2.2.1 (phần lục địa Nam Cực), 2.2.3 và 2.3.2

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	học theo nhóm.	

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
	1.3	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
	2.3	5	5	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
	3.3	5	5	3	3	2
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2
	4.3	5	5	3	3	2
5	5.1	5	5	3	3	2
	5.2	5	5	3	3	2
6	6.1	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng			
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 20% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận). hoặc trắc nghiệm
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.8. CƠ SỞ ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI 1

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Cơ sở địa lý kinh tế – xã hội 1

1.2. Mã học phần: GEOG 311G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Cơ sở địa lý tự nhiên 3

1.5. Bộ môn phụ trách: Khoa Địa lý

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Vũ Thị Mai Hương	0977011976	huongvmh@gmail.com
2	Lê Mĩ Dung		dungle128@yahoo.com.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (2005), *Địa lý kinh tế – xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Phạm Hữu Khả (2002), *Địa lý kinh tế – xã hội đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

2.2.3. David Dorrell and Joseph P. Henderson (2018), *Introduction to Human Geography*, Produced by the University System of Georgia, ISBN 978-1-940771-60-1.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Lê Huy Bá (Chủ biên) (2006), *Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.2. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống kê.

2.3.3. Tống Văn Đường, Nguyễn Nam Phương (đồng Chủ biên) (2007), *Dân số và phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2.3.4. Z.E. Dzenis (1984), *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Địa lý kinh tế – xã hội*, NXB Giáo dục Việt Nam, Người dịch Lê Thông.

2.3.5. Nguyễn Đình Hòe (2001), *Dân số định cư môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.3.6. Nguyễn Đình Hoè (2007), *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.7. Lê Văn Khoa (Chủ biên) (2001), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.8. Vũ Tự Lập (2004), *Sự phát triển của Khoa học địa lý trong thế kỷ XX*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.9. Nguyễn Viết Thịnh (2007), *Lê Bá Thảo: Những công trình Khoa học địa lý tiêu biểu*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về cơ sở địa lý kinh tế – xã hội 1 (môi trường, tài nguyên thiên nhiên, quy mô dân số, gia tăng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, quần cư, đô thị hoá).

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về cơ sở địa lý kinh tế – xã hội 1 trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo bao gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được nội dung cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, quy mô dân số, gia tăng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, quần cư, đô thị hoá.

CDR 3: Vận dụng được các kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí kinh tế – xã hội nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng được các kiến thức của cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 để giải thích các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	X	X	X		
MT 2	X	X	X		
MT 3	X			X	X

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, quan điểm và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế – xã hội	1-2	0.33	5	0	10
Chương 2: Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và nền sản xuất xã hội	2-8	1.33	15	5	40
Chương 3: Địa lí dân cư	8-15	1.33	15	5	40
Tổng cộng (tiết)	15	3	35	10	90

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, quan điểm và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế – xã hội							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.1	Vị trí của địa lí kinh tế – xã hội trong hệ thống Khoa học địa lí	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về nhiệm vụ, quan điểm, phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế – xã hội vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1), 2.2.2 (chương 1) và 2.2.3 (chương 1).
1.2	Đối tượng nghiên cứu của địa lí kinh tế – xã hội	1	1	0			
1.3	Nhiệm vụ nghiên cứu của địa lí kinh tế – xã hội	1	1	0			
1.4	Quan điểm nghiên cứu địa lí kinh tế – xã hội	1	1	0			
1.5	Phương pháp nghiên cứu địa lí kinh tế – xã hội	1	1	0			
Chương 2: Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và nền sản xuất xã hội							
2.1	Môi trường địa lí	5	4	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 2), 2.2.2 (chương 2) và 2.2.3 (chương 13).
2.2	Tài nguyên thiên nhiên	3	3	0			
2.3	Vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên	9	5	4			
2.4	Vấn đề môi trường và phát triển bền vững	3	3	0			
Chương 3: Địa lí dân cư							
3.1	Quy mô dân số	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các	Kết hợp giữa	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3), 2.2.2
3.2	Gia tăng dân số	7	6	2			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thông. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về địa lí dân cư vào học tập và thực tiễn.	phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	(chương 3) và 2.2.3 (chương 2, 3).
3.3	Cơ cấu dân số	7	5	2			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3) và 2.2.2 (chương 3).
3.4	Phân bố dân cư	2	2	0			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3), 2.2.2 (chương 3) và 2.2.3 (chương 2, 3, 12).
3.5	Quần cư và đô thị hoá	3	2	1			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	1	5	5	3	3
	1.2	1	5	5	3	3
	1.3	1	5	5	3	3
	1.4	1	5	5	3	3
	1.5	1	5	5	3	3
2	2.1	1	5	5	3	3
	2.2	1	5	5	3	3
	2.3	1	5	5	3	3
	2.4	1	5	5	3	3
3	3.1	1	5	5	3	3
	3.2	1	5	5	3	3
	3.3	1	5	5	3	3
	3.4	1	5	5	3	3
	3.5	1	5	5	3	3

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
<i>Đánh giá thường xuyên</i>	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10

Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập trình bày được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

– Hình thức: Thi viết (tự luận).

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.9. CƠ SỞ ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI 2

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2

1.2. Mã học phần: GEOG 314G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1

1.5. Bộ môn phụ trách: Khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Vũ Thị Mai Hương	0977011976	huongvmh@gmail.com
2	Lê Mĩ Dung	0907681987	dungle128@yahoo.com.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (2005), *Địa lí kinh tế – xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Phạm Hữu Khá (2002), *Địa lí kinh tế – xã hội đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

2.2.3. David Dorrell and Joseph P. Henderson (2018), *Introduction to Human Geography*, Produced by the University System of Georgia, ISBN 978-1-940771-60-1.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hoà (đồng Chủ biên) (2007), *Phát triển khu vực dịch vụ*, NXB Thống kê.

2.3.2. Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân (đồng Chủ biên) (2008), *Giáo trình kinh tế thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2.3.3. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hoà (2008), *Giáo trình kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2.3.4. Phạm Văn Giáp (Chủ biên) (2002), *Biển và cảng biển thế giới*, NXB Xây dựng.

2.3.5. Nguyễn Phi Hạnh, Đặng Ngọc Lân (1980), *Địa lí cây trồng*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.6. Nguyễn Thế Nhã, Vũ Đình Thắng (2004), *Giáo trình kinh tế nông nghiệp*, NXB Thống kê.

2.3.7. Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), *Giáo trình kinh tế phát triển*, NXB Lao động Xã hội.

2.3.8. Vũ Đình Thắng, Nguyễn Viết Trung (2005), *Giáo trình kinh tế thủy sản*, NXB Lao động Xã hội.

2.3.9. Bùi Minh Vũ (2001), *Giáo trình kinh tế lâm nghiệp*, NXB Thống kê.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 (khái niệm, vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, tình hình phát triển, phân bố, tổ chức lãnh thổ các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trên thế giới).

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo bao gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được khái niệm, vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, tình hình phát triển, phân bố, tổ chức lãnh thổ các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trên thế giới.

CDR 3: Vận dụng được các kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí kinh tế – xã hội nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng được các kiến thức của cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 để giải thích các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	X	X	X		
MT 2	X	X	X		
MT 3	X			X	X

5.1. Nội dung học phần

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Một số vấn đề về nền kinh tế							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.1	Các nguồn lực phát triển kinh tế	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về các nguồn lực và một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chapter 6).
1.2	Cơ cấu nền kinh tế	1	1	0			
1.3	Các tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	1	1	0			
Chương 2: Địa lí nông nghiệp							
2.1	Những vấn đề lý luận chung	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về địa lí nông nghiệp vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chapter 7), 2.2.2 (chapter 5) và 2.2.3 (chapter 10).
2.2	Địa lí nông – lâm – ngư nghiệp	6	3	3			
2.3	Các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	2	2	0			
Chương 3: Địa lí công nghiệp							
3.1	Những vấn đề lý luận chung	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về địa lí công nghiệp vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chapter 3), 2.2.2 (chapter 6) và 2.2.3 (chapter 11).
3.2	Địa lí các ngành công nghiệp	6	3	3			
3.3	Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp	2	2	0			
Chương 4: Địa lí dịch vụ							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
4.1	Những vấn đề lí luận chung	3	3	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về địa lí dịch vụ vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 9) và 2.2.2 (chương 7).
4.2	Địa lí các ngành dịch vụ	12	8	4			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	1	5	5	3	3
	1.2	1	5	5	3	3
	1.3	1	5	5	3	3
2	2.1	1	5	5	3	3
	2.2	1	5	5	3	3
	2.3	1	5	5	3	3
3	3.1	1	5	5	3	3
	3.2	1	5	5	3	3
	3.3	1	5	5	3	3
4	4.1	1	5	5	3	3
	4.2	1	5	5	3	3

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2 vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập trình bày được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).

- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.10. ĐỊA LÝ KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM 1

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 1

1.2. Mã học phần: GEOG 330G

1.3. Số tín chỉ: 04

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lý

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Khắc Anh	0913088956	khacanhnhue@gmail.com
2	Ngô Thị Hải Yến	0912495111	ngothihaiyen1976@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1. *Giáo trình Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam*, Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức.

2.1.2. *Giáo trình địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam*, Lê Thông (Chủ biên).

2.2. Tài liệu tham khảo

2.2.1. *Địa lý nông – lâm – thủy sản Việt Nam*, Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông.

2.2.2. *Kinh tế nông nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2.2.3. *Kinh tế lâm nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2.2.4. *Kinh tế thủy sản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2.2.5. *Địa lý dịch vụ tập 1, tập 2*, Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; có kiến thức và kỹ năng cơ bản về vị trí địa lý; tài nguyên thiên nhiên; địa lý dân cư và quần cư; địa lý các ngành kinh tế của Việt Nam.

MT 2: Vận dụng được các kiến thức/học vấn về vị trí địa lý; tài nguyên thiên nhiên; địa lý dân cư và quần cư; địa lý các ngành kinh tế của Việt Nam trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn.

MT 3: Xác định được vai trò của kiến thức về vị trí địa lý; tài nguyên thiên nhiên; địa lý dân cư và quần cư; địa lý các ngành kinh tế của Việt Nam trong sự phát triển của Khoa học địa lý.

MT 4: Xác định được các đơn vị kiến thức cốt lõi về vị trí địa lý; tài nguyên thiên nhiên; địa lý dân cư và quần cư; địa lý các ngành kinh tế của Việt Nam trong Chương trình môn Địa lý phổ thông và giải thích được nội dung Chương trình môn Địa lý phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống kinh tế – xã hội ở quy mô lãnh thổ thông qua việc vận dụng được kiến thức cơ bản về khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, địa lý dân cư và quần cư, địa lý các ngành kinh tế của Việt Nam.

CDR 2: Nhận diện và giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế xã hội thông qua việc nhận biết được mối quan hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường ở nước ta.

CDR 3: Vận dụng được năng lực thực địa trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí thông qua việc quan sát, thu thập, phân tích và xử lí số liệu để trình bày, thuyết trình một bài nghiên cứu về vấn đề

CDR 4: Xác định được vị trí và đặc điểm chung của địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp.

CDR 5: Vận dụng kiến thức về đặc điểm chung của địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	X	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	X	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	X	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	X	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	X	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	X	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	X	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	X	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	X	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	X	x	X	x	x
MT 2	X	x	X		
MT 3	X	x	X		
MT 4				x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam	1 – 4	0.8	9	3	22
Chương 2: Địa lí dân cư Việt Nam	5 – 8	0.8	9	3	22
Chương 3: Địa lí ngành nông nghiệp	9 – 12	0.8	9	3	22
Chương 4: Địa lí ngành công nghiệp	13 – 16	0.8	9	3	22
Chương 5: Địa lí ngành dịch vụ	17 – 20	0.8	9	3	20
Tổng cộng (tiết)	20	4	45	15	110

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam							
1.1	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về VTĐL, ĐKTN và TNTN của Việt	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc giáo trình (chương 1) và các tài liệu tham khảo về vị trí địa chính trị.
1.2	Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	3	3	0			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					Nam vào học tập và thực tiễn.		
Chương 2: Địa lí dân cư Việt Nam							
2.1	Quy mô dân số và gia tăng dân số	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về dân cư, dân tộc, quần cư và nguồn lao động trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc giáo trình (chương 2) và tài liệu tham khảo về dân cư, lao động.
2.2	Cơ cấu dân số	2	2	0			
2.3	Phân bố dân cư	2	1	1			
2.4	Lao động và sử dụng lao động						
2.5	Quần cư và đô thị hoá						
2.6	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam						
Chương 3: Địa lí ngành nông nghiệp Việt Nam							
3.1	Đặc điểm và vai trò ngành nông nghiệp	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về phát triển và phân bố ngành nông nghiệp Việt Nam vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc giáo trình (chương 3) và tài liệu tham khảo (Kinh tế Nông – Lâm – Thủy sản; Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp).
3.2	Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp	1	1	0			
3.3	Hiện trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp	1	1	0			
Chương 4: Địa lí ngành công nghiệp Việt Nam							
4.1	Đặc điểm và vai trò ngành công nghiệp hình Việt Nam	3	3	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học,	– Đọc giáo trình (chương 4) và tài liệu tham khảo (Kinh tế Công nghiệp).
4.2	Các nhân tố ảnh hưởng đến	4	2	2			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
	phát triển công nghiệp				– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về phát triển và phân bố ngành công nghiệp Việt Nam vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	
4.3	Hiện trạng phát triển và phân bố ngành công nghiệp						
Chương 5: Địa lí ngành dịch vụ							
5.1	Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển ngành dịch vụ	3	3	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về phát triển và phân bố các ngành dịch vụ Việt Nam trọng vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	Đọc giáo trình (chương 5) và tài liệu tham khảo (Địa lí dịch vụ)
5.2	Hiện trạng phát triển và phân bố ngành dịch vụ	4	3	1			
5.3	Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển ngành dịch vụ	2	0	2			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
	2.3	5	5	3	3	2
	2.4	5	5	3	3	2
	2.5	5	5	3	3	2
	2.6	5	5	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
	3.3	5	5	3	3	2

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2
	4.3	5	5	3	3	2
5	5.1	5	5	3	3	2
	5.2	5	5	3	3	2
	5.3	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam N vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.11. ĐỊA LÍ KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM 2

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 2

1.2. Mã học phần: GEOG 451G

1.3. Số tín chỉ: 04

1.4. Học phần tiên quyết: Địa lí KTXH Việt Nam 1

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Khắc Anh	0913088956	khacanhnhue@gmail.com
2	Ngô Thị Hải Yến	0912495111	ngothihaiyen1976@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1. *Giáo trình Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam*, Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức.

2.1.2. *Giáo trình địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam*, Lê Thông (Chủ biên).

2.2. Tài liệu tham khảo:

2.2.1. *Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, Lê Thông, Nguyễn Quý Thao.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; có kiến thức và kỹ năng cơ bản về các vùng kinh tế – xã hội của Việt Nam với các đặc trưng về thế mạnh, hạn chế, hiện trạng phát triển và phân bố.

MT 2: Vận dụng được các kiến thức/học vấn về Địa lí các vùng kinh tế – xã hội của Việt Nam trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn.

MT 3: Xác định được vai trò của kiến thức Địa lí các vùng kinh tế – xã hội của Việt Nam trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

MT 4: Xác định được các đơn vị kiến thức cốt lõi về Địa lí các vùng kinh tế – xã hội của Việt Nam trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và giải thích được nội dung Chương trình môn Địa lí phổ thông bằng cách vận dụng học vấn về địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống kinh tế – xã hội ở quy mô lãnh thổ thông qua việc vận dụng được kiến thức cơ bản đã học để phân tích sự phân hoá lãnh thổ theo các vùng kinh tế ở Việt Nam.

CDR 2: Phân tích được các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế – xã hội trong từng vùng kinh tế

CDR 3: Phân tích được những đặc trưng của mỗi vùng về hiện trạng phát triển, phân bố và các giải pháp để phát triển kinh tế – xã hội.

CDR 4: Nhận diện và giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế xã hội thông qua việc giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế – xã hội.

CDR 5: Vận dụng được năng lực thực địa trong học tập, nghiên cứu và dạy học Địa lí thông qua việc quan sát, thu thập, phân tích và xử lý số liệu để trình bày, thuyết trình một bài nghiên cứu về một lãnh thổ địa lí hoặc một vấn đề trong một vùng kinh tế ở nước ta.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	X	X	X
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	X	X	X
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	X	X	X
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	X	X	X
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	X	X	X
3.1. Năng lực dạy học			X	X	X
3.2. Năng lực giáo dục			X	X	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			X	X	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	X	X	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	X	X	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	X	X	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	X	X	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	X	X	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	X	X	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	X	x	x	X	x
MT 2	X	x	x		
MT 3	X	x	x		
MT 4				X	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Tổng quan về vùng	1 – 2	0.5	5	1	10
Chương 2: Các vùng kinh tế – xã hội	3 – 12	2	20	7	60
Chương 3: Các vùng kinh tế trọng điểm	13 – 15	0.5	10	2	20
Tổng cộng (tiết)	15	3	35	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Tổng quan về vùng							
1.1	Quan niệm về vùng và sự phân vùng	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức, lí thuyết về phân vùng và các loại vùng tiêu biểu ở Việt Nam vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo.
1.2	Các loại vùng kinh tế tiêu biểu	3	3	0			
Chương 2: Các vùng kinh tế (7 vùng)							
2.1	TDMNBB	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo.
2.2	ĐB sông Hồng	2	2	0			
2.3	Bắc Trung Bộ	2	1	1			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.4	Duyên hải NTB				học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đánh giá các thế mạnh, hạn chế, hiện trạng phát triển và phân bố các ngành kinh tế theo ngành, theo lãnh thổ trong 7 vùng kinh tế– xã hội ở Việt Nam trong học tập và thực tiễn.	giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	tham khảo.
2.5	Tây Nguyên						
2.6	Đông Nam Bộ						
2.7	Đồng bằng sông Cửu Long						
Chương 3: Các vùng kinh tế trọng điểm							
3.1	Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bội	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức 4 vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc giáo trình và các tài liệu tham khảo.
3.2	Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	1	1	0			
3.3	Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	1	1	0			
3.4	Vùng kinh tế đồng bằng sông Cửu Long						

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
	2.3	5	5	3	3	2
	2.4	5	5	3	3	2
	2.5	5	5	3	3	2

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
	2.6	5	5	3	3	2
	2.7	5	5	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
	3.3	5	5	3	3	2
	3.4	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.12. ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI 1

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lí Kinh tế – Xã hội Thế giới 1

1.2. Mã học phần: GEOG 315G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 2

1.5. Bộ môn phụ trách: Địa lí Kinh tế – Xã hội, khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tường Huy	0948342482	tuonghuy@hnue.edu.vn
2	Nguyễn Đăng Chúng	0977867871	chungdiali@yahoo.com.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Boniface, P. (2012), *Hiểu thế giới các mối quan hệ quốc tế* (bản dịch của Ngô Hữu Long), NXB Thế giới (2013).

2.2.2. Nguyễn Phi Hạnh, Nguyễn Đình Giang, Ông Thị Đan Thanh (2006), *Địa lí các châu lục* Tập 1, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh (2008), *Địa lí các châu lục* Tập 2, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.4. Rowntree, L., Lewis, M., Price, M., and Wyckoff, W. (2017), *Globalization and Diversity: Geography of A Changing World* (5E), Pearson Education.

2.2.5. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Địa lí Kinh tế – Xã hội Thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.6. Bùi Thị Hải Yến (Chủ biên), Phạm Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Yến Ngọc (2013), *Địa lí Kinh tế – Xã hội Châu Á*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Ngân hàng Thế giới (2009), *Tái định dạng Địa lí Kinh tế*, NXB Văn hoá Thông tin.

2.3.2. Knox, P., Agnew, J., and McCarthy, L. (2014), *The Geography of the World Economy*, London and New York: Routledge

2.3.3. Marston, S.A., Knox, P.L., Liverman, D.M., Del Casino, V.J., and Robins, P.F. (2014), *World Regions in Global Context: Peoples, Places, and Environments* (5E), Pearson.

2.3.4. Stutz, F.P. and Warf, B. (2012), *The World Economy: Geography, Buisnees, Development* (6E), Pearson: Prentice Hall.

2.4. Các trang mạng sử dụng cho môn học

2.4.1. <https://www.britannica.com/>

2.4.2. <http://www.undp.org>

2.4.3. <http://www.worldbank.org>

2.4.4. <http://www.fao.org>

2.4.5. <http://www.imf.org>

2.4.6. <http://www.mofa.gov.vn/vi/>

2.4.7. <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức cốt lõi về địa lí kinh tế – xã hội thế giới và châu Á, bao gồm một số vấn đề kinh tế – xã hội của thế giới đương đại; đặc điểm địa lí tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế của châu Á, các khu vực và một số quốc gia lựa chọn ở châu Á.

MT 2: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn về kinh tế – xã hội và môi trường của thế giới, các khu vực và một số quốc gia ở châu Á.

MT 3: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng môn học để giảng dạy những nội dung về địa lí kinh tế – xã hội thế giới và địa lí kinh tế – xã hội châu Á, một số khu vực và quốc gia ở châu Á trong Chương trình giáo dục phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được những kiến thức cốt lõi về địa lí kinh tế – xã hội thế giới và châu Á, bao gồm một số vấn đề kinh tế – xã hội của thế giới đương đại; đặc điểm địa lí tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế của châu Á, các khu vực và một số quốc gia lựa chọn ở châu Á.

CDR 2: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn về kinh tế – xã hội và môi trường của thế giới, các khu vực và một số quốc gia ở châu Á.

CDR 3: Vận dụng được những kiến thức của môn học để xác định và giải thích những nội dung về địa lí kinh tế – xã hội thế giới, đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Á, một số khu vực và quốc gia ở châu Á, trong Chương trình giáo dục phổ thông.

CDR 4: Vận dụng được những kiến thức của môn học để giảng dạy những nội dung về địa lí kinh tế – xã hội thế giới, đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Á, một số khu vực và quốc gia ở châu Á trong Chương trình giáo dục phổ thông.

CDR 5: Sử dụng được các công cụ và kĩ năng của môn học để tìm kiếm, thu thập và khai thác có hiệu quả các dữ liệu cho học tập, nghiên cứu và giảng dạy các nội dung về địa lí kinh tế – xã hội thế giới, địa lí kinh tế – xã hội châu Á, địa lí kinh tế – xã hội các khu vực và quốc gia lựa chọn ở châu lục này.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x		x	x	x
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x		x	x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	x	x	x	x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo	x	x	x	x	x

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	x	x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	x	x	x	x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học	x		x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục	x	x	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	x	x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội	x	x	x	x	x
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x	x	x	x
MT 2	x	x	x	x	x
MT 3	x	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Khái quát địa lí kinh tế – xã hội thế giới đương đại	1 – 5	1	13	2	30
Chương 2: Địa lí kinh tế – xã hội châu Á	6 – 15	2	27	3	60

Tổng cộng (tiết)			15	3	40	5	90
5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy							
Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Khái quát địa lí kinh tế – xã hội thế giới đương đại							
1.1	Bản đồ chính trị thế giới	3	3	0	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội thế giới, một số vấn đề toàn cầu, các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.5 (Chương 1) và 2.2.4 (Chương 1).
1.2	Đặc điểm kinh tế – xã hội thế giới đương đại	6	6	0			– Đọc tài liệu 2.2.5 (Chương 1) và 2.2.4 (Chương 1). – Thu thập các dữ liệu để phân tích sự khác biệt về kinh tế, xã hội và môi trường của các nhóm nước phát triển và đang phát triển.
1.3	Một số vấn đề toàn cầu	6	4	2			– Đọc tài liệu 2.2.1 (Phần I và III), 2.2.2 (Chương 1) và 2.2.4 (Chương 1). – Thu thập các dữ liệu phù hợp để viết, trình bày và thảo luận một số vấn đề toàn cầu.
Chương 2: Địa lí kinh tế – xã hội châu Á							
2.1	Đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Á	6		0	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Á, các khu vực của châu Á, một số quốc gia ở châu Á,	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3. (Chương 7). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của châu Á từ các trang mạng đã cung cấp.
2.2	Địa lí kinh tế – xã hội các khu vực của châu Á	9		0			– Đọc tài liệu 2.2.3. (Chương 7), 2.2.6, 2.2.4 (Chương 7, 10, 11, 12 và 13) – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của các khu vực ở châu Á từ các trang mạng đã cung cấp.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.3	Địa lí kinh tế – xã hội một số quốc gia của châu Á	15	12	3	các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.		– Đọc tài liệu 2.2.5. (Chương 2) – Thu thập và cập nhật các dữ liệu để viết, trình bày và thảo luận một số vấn đề địa lí kinh tế – xã hội của các quốc gia ở châu Á từ các trang mạng đã cung cấp.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	5	5	5
	1.2	5	5	5	5	5
	1.3	5	5	5	5	5
2	2.1	5	5	5	5	5
	2.2	5	5	5	5	5
	2.3	5	5	5	5	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm kinh tế – xã hội thế giới, một số vấn đề toàn cầu; đặc điểm kinh tế – xã hội thế giới châu Á, các khu vực của châu Á, một số quốc gia của châu Á, các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	học tập theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Đảm bảo các yêu cầu về nội dung, trình bày và dung lượng.
- Nộp bài tập đúng hạn.
- Sinh viên nộp bài không đúng hạn sẽ bị tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Viết bài luận.
- Nội dung: Các kiến thức và kỹ năng đã được học.
- Tiêu chí đánh giá: nội dung (60%), tư duy sáng tạo và phân biện (20%), trình bày, tài liệu tham khảo và trích dẫn (20%); sao chép bài của người khác hoặc đạo văn: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các kiến thức và kỹ năng đã được học.
- Tiêu chí đánh giá: nội dung (70%), tư duy sáng tạo và phân biện (30%); bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.13. ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI 2

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lí Kinh tế - Xã hội Thế giới 2

1.2. Mã học phần: GEOG 323G

1.3. Số tín chỉ: 04

1.4. Học phần tiên quyết: Địa lí kinh tế xã hội thế giới 1.

1.5. Bộ môn phụ trách: Địa lí Kinh tế - Xã hội, khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tường Huy	0948342482	tuonghuy@hnue.edu.vn
2	Tô Thị Hồng Nhung	0989745675	tohongnhungtnt@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Boniface, P. (2012), *Hiểu thế giới các mối quan hệ quốc tế* (bản dịch của Ngô Hữu Long), NXB Thế giới (2013).

2.2.2. Nguyễn Phi Hạnh, Nguyễn Đình Giang, Ông Thị Đan Thanh (2006), *Địa lí các châu lục* Tập 1, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh (2008), *Địa lí các châu lục* Tập 2, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.4. Rowntree, L., Lewis, M., Price, M., and Wyckoff, W. (2017), *Globalization and Diversity: Geography of A Changing World* (5E), Pearson Education.

2.2.5. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Địa lí Kinh tế – Xã hội Thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.6. Bùi Thị Hải Yến (Chủ biên), Phạm Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Yến Ngọc (2013), *Địa lí Kinh tế – Xã hội Châu Âu*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.7. Bùi Thị Hải Yến (Chủ biên), Phạm Thị Ngọc Diệp, Nguyễn Yến Ngọc (2013), *Địa lí Kinh tế – Xã hội châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Ngân hàng Thế giới (2009), *Tái định dạng Địa lí Kinh tế*, NXB Văn hoá Thông tin.

2.3.2. Knox, P., Agnew, J., and McCarthy, L. (2014), *The Geography of the World Economy*, London and New York: Routledge

2.3.3. Marston, S.A., Knox, P.L., Liverman, D.M., Del Casino, V.J., and Robins, P.F. (2014), *World Regions in Global Context: Peoples, Places, and Environments* (5E), Pearson.

2.3.4. Stutz, F.P. and Warf, B. (2012), *The World Economy: Geography, Buisnees, Development* (6E), Pearson: Prentice Hall.

2.4. Các trang mạng sử dụng cho môn học

2.4.1. <https://www.britannica.com/>

2.4.2. <http://www.undp.org>

2.4.3. <http://www.worldbank.org>

2.4.4. <http://www.fao.org>

2.4.5. <http://www.imf.org>

2.4.6. <http://www.mofa.gov.vn/vi/>

2.4.7. <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức cốt lõi về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội (địa lí tự nhiên – tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế) của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội các khu vực và một số quốc gia lựa chọn của các châu lục này.

MT 2: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn về kinh tế – xã hội và môi trường của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; của các khu vực và một số quốc gia lựa chọn ở các châu lục này.

MT 3: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng môn học để giảng dạy những nội dung về địa lí kinh tế – xã hội châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, các khu vực và một số quốc gia lựa chọn ở các châu lục này trong Chương trình giáo dục phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được những kiến thức cốt lõi về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội (địa lí tự nhiên – tài nguyên thiên nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế) của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội các khu vực và một số quốc gia lựa chọn của các châu lục này.

CDR 2: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn về kinh tế – xã hội và môi trường của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, một số khu vực và một số quốc gia ở các châu lục này.

CDR 3: Vận dụng được những kiến thức của môn học để xác định và giải thích những nội dung về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội các khu vực và một số quốc gia lựa chọn ở các châu lục này trong Chương trình giáo dục phổ thông.

CDR 4: Vận dụng được những kiến thức của môn học để giảng dạy những nội dung về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội một số khu vực và quốc gia lựa chọn ở các châu lục này trong Chương trình giáo dục phổ thông.

CDR 5: Sử dụng được các công cụ và kĩ năng của môn học để tìm kiếm, thu thập và khai thác có hiệu quả các dữ liệu cho học tập, nghiên cứu và giảng dạy các nội dung về địa lí kinh tế – xã hội của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, địa lí kinh tế – xã hội các khu vực và quốc gia lựa chọn ở các châu lục này.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x		x	x	x
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x		x	x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	x	x	x	x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo	x	x	x	x	x
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	x	x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	x	x	x	x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học	x		x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục	x	x	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	x	x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội	x	x	x	x	x
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x	x	x
MT 2	x	x	x	x	x
MT 3	x	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	

Chương 1: Địa lí kinh tế – xã hội châu Âu	1 – 5	1.3	18	2	40
Chương 2: Địa lí kinh tế – xã hội châu Phi	6 – 8	0.8	11	1	24
Chương 3: Địa lí kinh tế – xã hội châu Mỹ	9 – 13	1.3	18	2	40
Chương 5: Địa lí kinh tế – xã hội châu Đại Dương	14 – 15	0.5	7	1	16
Tổng cộng (tiết)	15	4	54	6	120

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Địa lí kinh tế – xã hội châu Âu							
1.1	Đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Âu	4		0	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Âu, các khu vực của châu Âu, một số quốc gia ở châu Âu, các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 (Chương 3), 2.2.4 (Chương 8). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của châu Âu từ các trang mạng đã cung cấp.
1.2	Địa lí kinh tế – xã hội các khu vực của châu Âu	6	6	0			– Đọc tài liệu 2.2.2. (Chương 3), 2.2.6, 2.2.4 (Chương 8, 9). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của các khu vực ở châu Âu từ các trang mạng đã cung cấp.
1.3	Địa lí kinh tế – xã hội một số quốc gia của châu Âu	10	8	2			– Đọc tài liệu 2.2.5 (Chương 2) và 2.2.6. – Thu thập và cập nhật các dữ liệu để viết, trình bày và thảo luận một số vấn đề địa lí kinh tế – xã hội của các quốc gia ở châu Âu từ các trang mạng đã cung cấp.
Chương 2: Địa lí kinh tế – xã hội châu Phi							
2.1	Đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Phi	4	4	0	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy	Kết hợp phương pháp học	– Đọc tài liệu 2.2.2 (Chương 2), 2.2.7 (Chương 2).

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các	tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của châu Phi từ các trang mạng đã cung cấp.
2.2	Địa lí kinh tế – xã hội các khu vực của châu Phi	4	4	0	hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Phi, các khu vực của châu Phi, một số quốc gia ở châu Phi, các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.		– Đọc tài liệu 2.2.2 (Chương 2), 2.2.7 (Chương 2), 2.2.4 (Chương 6, 7). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của các khu vực ở châu Phi từ các trang mạng đã cung cấp.
2.3	Địa lí kinh tế – xã hội một số quốc gia của châu Phi	4	3	1			– Đọc tài liệu 2.2.2. (Chương 2), 2.2.7 (Chương 2). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu để viết, trình bày và thảo luận một số vấn đề địa lí kinh tế – xã hội của các quốc gia ở châu Phi từ các trang mạng đã cung cấp.
Chương 3: Địa lí kinh tế – xã hội châu Mỹ							
3.1	Đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Mỹ	4	4	0	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học	– Đọc tài liệu 2.2.2 (Chương 4), 2.2.7 (Chương 1). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của châu Mỹ từ các trang mạng đã cung cấp.
3.2	Địa lí kinh tế – xã hội các khu vực của châu Mỹ	6	6	0	hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Mỹ, các khu vực của châu		– Đọc tài liệu 2.2.2 (Chương 4), 2.2.7 (Chương 1), 2.2.4 (Chương 3, 4, 5). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					Mĩ, một số quốc gia ở châu Mỹ, các công cụ và kĩ năng trong học tập và thực tiễn.	tập theo nhóm.	các khu vực ở châu Mỹ từ các trang mạng đã cung cấp.
3.3	Địa lí kinh tế – xã hội một số quốc gia của châu Mỹ	10	8	2			– Đọc tài liệu 2.2.2 (Chương 4), 2.2.7 (Chương 1). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu để viết, trình bày và thảo luận một số vấn đề địa lí kinh tế – xã hội của các quốc gia ở châu Mỹ từ các trang mạng đã cung cấp.
Chương 4: Địa lí kinh tế – xã hội châu Đại Dương							
4.1	Đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Đại Dương	4	4	0	– Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội châu Đại Dương và Ô-xtrây-li-a, các công cụ và kĩ năng trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3 (Chương 6), 2.2.7 (Chương 3), 2.2.4 (Chương 14). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về địa lí kinh tế – xã hội của châu Đại Dương từ các trang mạng đã cung cấp.
4.2	Địa lí kinh tế – xã hội Ô-xtrây-li-a	4	3	1			– Đọc tài liệu 2.2.7 (Chương 3), 2.2.4 (Chương 14). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu để viết, trình bày và thảo luận một số vấn đề địa lí kinh tế – xã hội của Ô-xtrây-li-a từ các trang mạng đã cung cấp.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	5	5	5
	1.2	5	5	5	5	5

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
	1.3	5	5	5	5	5
2	2.1	5	5	5	5	5
	2.2	5	5	5	5	5
	2.3	5	5	5	5	5
3	3.1	5	5	5	5	5
	3.2	5	5	5	5	5
	3.3	5	5	5	5	5
4	4.1	5	5	5	5	5
	4.2	5	5	5	5	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về của châu Âu, châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương, đặc điểm địa lí kinh tế – xã hội các khu vực và một số quốc	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10	gia lựa chọn của các châu lục này, các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Đảm bảo các yêu cầu về nội dung, trình bày và dung lượng.
- Nộp bài tập đúng hạn.
- Sinh viên nộp bài không đúng hạn sẽ bị tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Viết bài luận.
- Nội dung: Các kiến thức và kỹ năng đã được học.
- Tiêu chí đánh giá: nội dung (60%), tư duy sáng tạo và phản biện (20%), trình bày, tài liệu tham khảo và trích dẫn (20%); sao chép bài của người khác hoặc đạo văn: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các kiến thức và kỹ năng đã được học.
- Tiêu chí đánh giá: nội dung (70%), tư duy sáng tạo và phản biện (30%); bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.14. CƠ SỞ HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ VÀ CƠ SỞ VIỄN THÁM

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Cơ sở hệ thống thông tin địa lý và Cơ sở viễn thám

1.2. Mã học phần: GEOG 318G

1.3. Số tín chỉ: 04

1.4. Học phân tiên quyết: Bản đồ học.

1.5. Bộ môn phụ trách:

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Đặng Vũ Khắc	0916461970	khacdv@hnue.edu.vn
2	Đỗ Văn Thanh	0912880905	thanhcfic@gmail.com
3	Dương Thị Lợi	0387148118	duongloi1710@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Ngọc Thạch (2005), *Cơ sở viễn thám*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội,.

2.2.2. Phạm Vọng Thành (2000), *Bài giảng cơ sở hệ thống thông tin địa lý*, Trường Đại học Mỏ – Địa Chất, Hà Nội.

2.2.3. Nguyễn Thế Thận, Trần Công Yên (2001), *Mapinfo*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.2.4. Lê Văn Trung (2005), *Viễn thám*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Đặng Văn Đức, *Hệ thống thông tin địa lý*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.2. Nguyễn Đình Dương (1998), *Kỹ thuật và các phương pháp viễn thám*, Hà Nội.

2.3.3. Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành (1999), *Cơ sở Hệ thống thông tin địa lý trong quy hoạch và quản lý đô thị*, NXB Xây dựng. Hà Nội.

2.3.4. Đặng Vũ Khắc, Đỗ Văn Thanh, Kiều Văn Hoan, *Hướng dẫn sử dụng ArcGIS 9.2*, Trung tâm Địa lý ứng dụng, khoa Địa lý, Đại học Sư phạm Hà Nội, 2005.

2.3.5. Nguyễn Ngọc Thạch (1997), *Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.6. Đỗ Văn Thanh, Kiều Văn Hoan (2007), *Giáo trình MapInfo*, Hà Nội.

2.3.7. Graeme F.Bonham Carter (2003), *Geographic Information System for Geoscientists: Modeling with GIS*.

2.3.8. Japan Association on Remote Sensing (1994), *Remote sensing note*.

2.3.9. Kaew Nuachawee and Tran Hung, AIT, *Fundamentals of Geographic Information Systems and Applications*.

2.3.10. Principles of Geographic Information Systems, ITC 2000.

2.3.11. Thomas M.Lillesand and Ralph W.Kiefer – University of Wisconsin – Madison. *Remote sensing and image interpretation*, New York, 1987.1990.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần giúp cho sinh viên nắm được các vấn đề cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của GIS, các vấn đề lý thuyết, quy trình công nghệ và ứng dụng GIS. Biết cách thiết kế một cơ sở dữ liệu địa lý bao gồm dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính. Hướng dẫn cách sử dụng những dữ liệu có sẵn cho mục đích cụ thể của từng dự án GIS. Hướng dẫn sinh viên tự thành lập được bản đồ bằng các công cụ của GIS. Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng nhằm hình thành năng lực thuộc tiêu chuẩn 4 (tiêu chí 1, 3, 6), đáp ứng chuẩn đầu ra chuyên ngành Địa lý.

MT 1: Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản, cơ sở lý thuyết về hệ thống thông tin địa lý.

MT 2: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng để thu thập và xử lý số liệu địa lý từ các nguồn dữ liệu sơ cấp và thứ cấp.

MT 3: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về cơ sở dữ liệu nói chung và cách thức xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý nói riêng.

MT 4: Giúp sinh viên nắm bắt các hướng tiếp cận mới trong phân tích và giải đoán số liệu địa lý.

MT 5: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về viễn thám, cơ sở vật lý của phương pháp viễn thám.

MT 6: Các ứng dụng của viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên, môi trường, trong nghiên cứu kinh tế xã hội, trong nghiên cứu xã hội học.

MT 7: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về kỹ thuật thu nhận các dạng tư liệu viễn thám và các phương pháp phân loại ảnh viễn thám.

MT 8: Giúp sinh viên ứng dụng được công nghệ viễn thám để phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Mô tả/trình bày được các kiến thức cơ bản về GIS như: GIS là gì, lịch sử ra đời, hình thành và phát triển của GIS, cấu trúc các loại dữ liệu được sử dụng trong GIS, phép chiếu và hệ tọa độ bản đồ, sự khác nhau giữa GIS và các hệ thống thông tin khác, nguồn dữ liệu địa lý

CDR 2: Giải thích/phân tích các mô hình dữ liệu thể hiện thế giới thực, các hợp phần của 1 hệ quy chiếu: hệ tọa độ bản đồ cho một nhiệm vụ cụ thể, quan hệ không gian giữa các thực thể địa lý.

CDR 3: Vận dụng các kiến thức để xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu không gian, số hoá các lớp dữ liệu, khai thác các cơ sở dữ liệu thuộc tính đơn giản và dữ liệu không gian, chuyển đổi các hệ thống tọa độ, chuyển đổi giữa các loại định dạng dữ liệu với các chức năng của GIS.

CDR 4: Thiết kế và thành lập bản đồ chuyên đề với các phần mềm GIS đã được thực hành.

CDR 5: Tổng quan về viễn thám, lịch sử phát triển và các ứng dụng của viễn thám.

CDR 6: Nguyên lý của viễn thám, Phân loại viễn thám

CDR 7: Các vệ tinh khí tượng, vệ tinh thám sát tài nguyên và hệ thống các ảnh vệ tinh độ phân giải cao.

CDR 8: Xử lý ảnh vệ tinh.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý**

CDR chương trình đào tạo Sur phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần							
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh								
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học								
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm			x	x			x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi			x	x			x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo								
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x		x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	x	x	x	x	x	x	x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học								
3.2. Năng lực giáo dục			x	x			x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh								
3.4. Năng lực hoạt động xã hội								
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông								
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x	x	x	x

CDR chương trình đào tạo Sur phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần							
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x	x	x	x
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8
MT 1	x	x						
MT 2	x	x	x					
MT 3	x	x	x					
MT 4	x			x				
MT 5					x	x		
MT 6					x	x	x	
MT 7					x	x	x	
MT 8					x			x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Phần 1. Cơ sở hệ thống thông tin địa lí

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Hệ thống thông tin Địa lí là gì	1	0.2	3	0	10
Chương 2: Mối liên quan giữa GIS và Bản đồ học	2	0.2	3	0	5
Chương 3: Cấu trúc dữ liệu	3	0.2	3	0	10
Chương 4: Nhập dữ liệu vào máy tính	4 – 5	0.4	0	6	10
Chương 5: Các chức năng của GIS	6	0.2	3	0	10
Chương 6: Xây dựng bản đồ bằng GIS	7 – 9	0.6	0	9	10
Chương 7: Lựa chọn phần mềm GIS	10	0.2	3	0	5
Tổng cộng (tiết)	10	2	15	15	60

Phần 2. Cơ sở viễn thám

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 8: Tổng quan về viễn thám	1 – 2	0.3	5	0	10

Chương 9: Cơ sở viễn thám	3 – 5	0.7	10	0	20
Chương 10: Các vệ tinh viễn thám	5 – 6	0.3	5	0	10
Chương 11: Xử lý ảnh vệ tinh	6 – 10	0.7	5	5	20
Tổng cộng (tiết)	10	2	25	5	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Phần 1. Cơ sở hệ thống thông tin địa lí

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Hệ thống thông tin Địa lí là gì							
1.1	Một số định nghĩa về Hệ thống thông tin Địa lí – GIS	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (chương 1).
1.2	Lịch sử phát triển của GIS	1	1	0			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (§1, chương 1).
1.3	Nguồn thông tin về GIS	1	1	0			
Chương 2: Mối liên quan giữa GIS và Bản đồ học							
2.1	Bản đồ và thông tin thuộc tính	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc các tài liệu 2.2.1 (chương 2) và 2.2.2 (§2, chương 1).
2.2	Tỉ lệ bản đồ và phép chiếu	0.5	0.5	0			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 2) và 2.2.2 (§3, chương 1).
2.3	Hệ thống toạ độ	0.5	0.5	0			
2.4	Thông tin địa lí	1	1	0			
Chương 3: Cấu trúc dữ liệu							
3.1	Thẻ hiện bản đồ bằng các con số	0.5	0.5	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học,	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1), 2.2.2 (chương 7) và 2.3.4 (chương 1 – 2).
3.2	Dữ liệu thuộc tính	0.5	0.5	0			
3.3	Dữ liệu không gian	0.5	0.5	0			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
3.4	Vấn đề topology	0.5	0.5	0	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức.	tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (chương 7).
3.5	Các định dạng của dữ liệu GIS	0.5	0.5	0			
3.6	Trao đổi dữ liệu GIS	0.5	0.5	0			
Chương 4: Nhập dữ liệu vào máy tính							
4.1	Từ bản đồ giấy đến bản đồ số	1	0	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3), 2.2.2 (chương 2) và 2.3.1.
4.2	Tìm kiếm dữ liệu bản đồ hiện có	1	0	1			
4.3	Số hoá và quét bản đồ	1	0	1			
4.4	Dữ liệu thực địa và dữ liệu ảnh vệ tinh	1	0	1			
4.5	Nhập dữ liệu địa lí	1	0	1			
4.6	Chỉnh sửa và kiểm chứng	1	0	1			
Chương 5: Các chức năng của GIS							
5.1	Quản trị cơ sở dữ liệu	0.125	0.125	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 4), 2.2.2 (chương 3) và 2.2.3.
5.2	Truy vấn theo thuộc tính	0.125	0.125	0			
5.3	Truy vấn theo không gian	0.125	0.125	0			
5.4	Giao diện truy vấn	0.125	0.125	0			
5.5	Mô tả thuộc tính	0.125	0.125	0			
5.6	Phân tích thống kê	0.125	0.125	0			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
5.7	Mô tả không gian	0.125	0.125	0			
5.8	Phân tích không gian	0.125	0.125	0			
Chương 6: Xây dựng bản đồ bằng GIS							
6.1	Các hợp phần của bản đồ	2	0	2	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 5); 2.2.2 (chương 4) và 2.3.6.
6.2	Lựa chọn loại bản đồ	2	0	2			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 5) và 2.2.2 (chương 4).
6.3	Thiết kế bản đồ	2	0	2			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 5), 2.2.2 (chương 4) và 2.3.5 (chương 1 – 2).
6.4	Xây dựng trang in bản đồ	3	0	3			
Chương 7: Lựa chọn phần mềm GIS							
7.1	Sự phát triển của phần mềm GIS	0.125	0.125	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 6 và 7), 2.2.2 (chương 5 và 6) và 2.3.4 (chương 3).
7.2	GIS và các hệ điều hành	0.125	0.125	0			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 6 – 7), 2.2.2 (chương 5 và 6), 2.3.4 (chương 3) và 2.3.2.
7.3	Khả năng của các phần mềm GIS	0.25	0.25	0			
7.4	Phần mềm GIS và cấu trúc dữ liệu	0.25	0.25	0			
7.5	Lựa chọn phần mềm GIS tối ưu	0.25	0.25	0			

Phần 2. Cơ sở viễn thám

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 8: Tổng quan về viễn thám							
8.1	Giới thiệu về viễn thám	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.5, 2.3.8, 2.3.10.
8.2	Lịch sử phát triển của viễn thám	1	1	0			– Đọc tài liệu 2.3.5, 2.3.8, 2.3.10.
8.3	Ứng dụng của viễn thám	2	2	0			
Chương 9: Cơ sở viễn thám							
9.1	Nguyên lí của viễn thám	3	3	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.5, 2.3.8, 2.3.10.
9.2	Phân loại viễn thám	2	2	0			
9.3	Tổng quan về vật mang và quỹ đạo bay	2	2	0			– Đọc tài liệu 2.3.5, 2.3.8, 2.3.10.
9.4	Tổng quan về bộ cảm biến	3	3	0			
Chương 10: Các vệ tinh viễn thám							
10.1	Các vệ tinh khí tượng	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.5, 2.3.8, 2.3.10.
10.2	Vệ tinh thám sát tài nguyên	1	1	0			
10.3	Các ảnh vệ tinh độ phân giải cao	1	1	0			
10.4	Viễn thám RADA	1	1	0			
Chương 11. Xử lí ảnh vệ tinh							
11.1	Nhập dữ liệu	1	1				

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
11.2	Tiền xử lí ảnh	1	1		– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức. – Thực hành trên phần mềm ENVI.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.5, 2.3.8, 2.3.10.
11.3	Biến đổi ảnh	1	1				
11.4	Giải đoán ảnh bằng mắt thường	3	1	2			
11.5	Phương pháp xử lí ảnh số	4	1	3			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8
Chương	Mục								
1	1.1	5	5	3	3				
	1.2	5	5	3	3				
	1.3	5	5	3	3				
2	2.1	5	5	3	3				
	2.2	5	5	3	3				
	2.3	5	5	3	3				
	2.4	5	5	3	3				
3	3.1	3	3	5	5				
	3.2	3	3	5	5				
	3.3	3	3	5	5				
	3.4	3	3	5	5				
	3.5	3	3	5	5				
	3.6	3	3	5	5				
4	4.1	3	3	5	5				
	4.2	3	3	5	5				
	4.3	3	3	5	5				
	4.4	3	3	5	5				
	4.5	3	3	5	5				
	4.6	3	3	5	5				
5	5.1	3	3	5	5				
	5.2	3	3	5	5				

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8
Chương	Mục								
	5.3	3	3	5	5				
	5.4	3	3	5	5				
	5.5	3	3	5	5				
	5.6	3	3	5	5				
	5.7	3	3	5	5				
	5.8	3	3	5	5				
6	6.1	3	3	5	5				
	6.2	3	3	5	5				
	6.3	3	3	5	5				
	6.4	3	3	5	5				
7	7.1	5	5	3	3				
	7.2	5	5	3	3				
	7.3	5	5	3	3				
	7.4	5	5	3	3				
	7.5	5	5	3	3				
8	8.1					5	5	3	3
	8.2					5	5	3	3
	8.3					5	5	3	3
9	9.1					5	5	3	3
	9.2					5	5	3	3
	9.3					5	5	3	3
	9.4					5	5	3	3
10	10.1					3	3	5	5
	10.2					3	3	5	5
	10.3					3	3	5	5
	10.4					3	3	5	5
	10.5					3	3	5	5
	10.6					3	3	5	5
11	11.1					3	3	5	5
	11.2					3	3	5	5
	11.3					3	3	5	5
	11.4					3	3	5	5
	11.5					3	3	5	5
	11.6					3	3	5	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1, 5	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn bản đồ, GIS vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2, 6	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3, 7	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4, 8	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được viết tay hoặc đánh máy.

- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.15. BẢN ĐỒ GIÁO KHOA

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Bản đồ giáo khoa

1.2. Mã học phần: GEO

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Dương Thị Lợi	0387148188	duongloi1710@gmail.com
2	Nguyễn Thanh Xuân	0988615133	mrthanhxuan@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Lâm Quang Dốc (2009), *Bản đồ giáo khoa*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Ngô Đạt Tam (Chủ biên) (1986), *Bản đồ học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Lâm Quang Dốc (2008), *Thành lập bản đồ kinh tế – xã hội*, NXB Đại học Sư phạm.

2.3.2. Lê Huỳnh (2005), *Bản đồ chuyên đề*, NXB Đại học Sư phạm.

2.3.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Sách giáo khoa các lớp 10,11,12*.

2.3.4. Martin Hanus & Lenka Havelková (2018), *Teachers' Concepts of Map-Skill Development*, Journal of Geography, 1 – 17, Taylor and Francis Group.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Trang bị những kiến thức cơ bản về bản đồ giáo khoa, thành lập và sử dụng bản đồ giáo khoa.

MT 2: Sử dụng tốt bản đồ giáo khoa phục vụ giảng dạy ở phổ thông; biết thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ giáo khoa phục vụ giảng dạy Địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Hiểu được những đặc điểm cơ bản và tính chất của bản đồ giáo khoa.

CDR 2: Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thiết kế và biên tập bản đồ giáo khoa trong Chương trình Địa lí ở trường phổ thông.

CDR 3: Biết cách sử dụng bản đồ giáo khoa phục vụ cho việc dạy học Chương trình Địa lí ở trường phổ thông.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR 1	CDR 2	CDR 3
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh			

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR 1	CDR 2	CDR 3
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học			
1.4. Trung thực và đáng tin cậy			
1.5. Trách nhiệm và tận tâm			
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi			
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo			
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội			
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x
3.2. Năng lực giáo dục			x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội			
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn			
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3
MT 1	x	x	x
MT 2		x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian	
			Số tiết trên lớp	Tự học

			LT	BT/TH	có HD
Chương 1: Khái quát về bản đồ giáo khoa	1 – 3	0.53	6	2	10
Chương 2: Các loại hình bản đồ giáo khoa	4 – 7	0.87	9	4	10
Chương 3: Thành lập bản đồ giáo khoa	8 – 12	1.0	6	9	30
Chương 4: Sử dụng bản đồ giáo khoa trong dạy học Địa lí	13 – 15	0.53	4	5	10
Tổng cộng (tiết)	15	3	25	20	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Khái quát về bản đồ giáo khoa							
1.1	Định nghĩa bản đồ giáo khoa	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về bản đồ giáo khoa vào thực tiễn giảng dạy tại trường phổ thông.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (chương 1).
1.2	Tính chất của bản đồ giáo khoa	1	1	0			
1.3	Cơ sở toán học của bản đồ giáo khoa	2	1	1			
1.4	Ngôn ngữ bản đồ giáo khoa	2	2	0			
1.5	Phân loại bản đồ giáo khoa	2	1	1			
Chương 2: Các loại hình bản đồ giáo khoa							
2.1	Mô hình giáo khoa	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về loại hình bản đồ trong sách giáo	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên)	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 2) và 2.2.2 (chương 2). – Đọc tài liệu 2.3.3:
2.2	Bản đồ giáo khoa treo tường	3	2	1			
2.3	Atlas giáo khoa	3	2	1			
2.4	Bản đồ trong sách giáo khoa	3	2	1			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.5	Bản đồ giáo khoa điện tử	2	1	1	khoa và Atlat giáo khoa	với học theo nhóm.	sách giáo khoa địa lí trung học phổ thông.
2.6	Bản đồ câm	1	1	0			
Chương 3: Thành lập bản đồ giáo khoa							
3.1	Những vấn đề chính	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Hướng dẫn thực hành. thành lập bản đồ giáo khoa theo các nội dung chuyên đề trên phần mềm Mapinfo và ArcGIS.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3). – Đọc tài liệu 2.3.3: sách giáo khoa địa lí trung học phổ thông.
3.2	Bố cục, cơ sở toán học	3	1	2			
3.3	Nguồn tài liệu để xây dựng bản đồ	2	1	1			
3.4	Lựa chọn yếu tố nội dung	3	1	2			
3.5	Lựa chọn phương pháp biểu thị và thiết kế hệ thống kí hiệu	4	2	2			
3.6	Lập bảng chú giải	1	0	1			
3.7	Các sơ đồ bảng mẫu	1	0	1			
Chương 4: Sử dụng bản đồ giáo khoa trong dạy học Địa lí							
4.1	Khái niệm chung về phương pháp sử dụng bản đồ	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức và kĩ năng trong việc sử dụng bản đồ trong sách giáo khoa Địa lí trung học phổ thông và	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 4).
4.2	Sử dụng bản đồ trong giảng dạy	2	1	1			
4.3	Hướng dẫn sử dụng một số loại hình bản đồ giáo khoa (Cụ thể)	5	2	3			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					Atlas địa lí Việt Nam		

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3
Chương	Mục			
1	1.1	5	3	1
	1.2	5	3	1
	1.3	5	3	1
	1.4	5	3	1
	1.5	5	3	1
2	2.1	5	5	3
	2.2	5	5	3
	2.3	5	5	3
	2.4	5	5	3
	2.5	5	5	3
	2.6	5	5	3
3	3.1	5	5	3
	3.2	5	5	3
	3.3	5	5	3
	3.4	5	5	3
	3.5	5	5	3
	3.6	5	5	3
	3.7	5	5	3
4	4.1	5	1	5
	4.2	5	1	5
	4.3	5	1	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thực hành trên phần mềm biên tập bản đồ.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi thực hành
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.16. GIS ỨNG DỤNG

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: GIS ứng dụng

1.2. Mã học phần: GEO

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Dương Thị Lợi	0987148118	duongloi1710@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Viết Thịnh, Kiều Văn Hoan, Trần Xuân Duy, Đỗ Văn Thanh (2017), *Ứng dụng ArcGIS trong nghiên cứu và giảng dạy Địa lí*, NXB Đại học Sư phạm.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Phạm Vọng Thành (2000), *Bài giảng cơ sở hệ thống thông tin địa lí*, Trường Đại học Mỏ – Địa Chất, Hà Nội.

2.3.2. Graeme F. Bonham – Carter (2003), *Geographic Information System for Geoscientists: Modelling with GIS*.

2.3.3. Paul A Longley, Michael F Goodchild, David J Maguire and David W Rhind (2001), *Geographic Information Systems and Science*, John Wiley and Sons Ltd, England.

2.3.4. M.V.K. Sivakumar, P.S. Roy, K. Harmsen, S.K. Saha (2003), *Satellite Remote sensing and GIS application in Agricultural Meteorology* – Processing of Training Workshop in India.

2.3.5. U.S. Department of Transportation (2011), *Application of geographic Information Systems (GIS) for transportation and climate change*.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Hiểu được những kiến thức cơ bản nhất về GIS: cấu trúc, chức năng, tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu trong GIS và mối quan hệ giữa hệ thông tin Địa lí và các ngành khoa học khác.

MT 2: Phân tích được cơ sở dữ liệu không gian địa lí trong GIS và mối quan hệ giữa các lớp dữ liệu.

MT 3: Ứng dụng GIS trong giải quyết các bài toán của Địa lí (phân tích không gian, quản lý tài nguyên và môi trường, thiên tai,...).

MT 4: Kỹ năng phân tích không gian, kỹ năng giải quyết các bài toán ứng dụng trong Địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Biết và vận dụng các chức năng phân tích, xử lý dữ liệu của GIS trong đánh giá thích nghi sinh thái cảnh quan, đánh giá biến động các thành phần môi trường của một lãnh thổ Địa lí.

CDR 2: Hiểu và phân tích được mối quan hệ giữa các thành phần trong môi trường Địa lí.

CDR 3: Biết và vận dụng linh hoạt các kĩ năng phân tích và xử lí dữ liệu không gian bằng phần mềm GIS.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR 1	CDR 2	CDR 3
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh			
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học			
1.4. Trung thực và đáng tin cậy			
1.5. Trách nhiệm và tận tâm			
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi			
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo			
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội			
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x
3.2. Năng lực giáo dục			x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội			
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn			
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3
MT 1	x	x	
MT 2	x	x	x

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3
MT 3		x	x
MT 4		x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Phần mềm GIS và các ứng dụng	1 – 3	0.36	4	2	10
Chương 2: Phân tích và xử lý dữ liệu trong GIS	4 – 9	0.67	4	6	20
Chương 3: Một số bài toán ứng dụng GIS trong địa lí	10 – 15	0.98	2	12	30
Tổng cộng (tiết)	15	2	10	20	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Phần mềm GIS và các ứng dụng							
1.1	Giới thiệu phần mềm GIS	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức tìm hiểu các ứng dụng của hệ thông tin Địa lí.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.3.1
1.2	Quản lí và xây dựng cơ sở dữ liệu	2	1	1			
1.3	Các chức năng cơ bản trong phần mềm GIS	2	1	1			
1.4	Tổng quan các ứng dụng của hệ thông tin Địa lí	1	1	0			
Chương 2: Phân tích và xử lí dữ liệu trong GIS							
2.1	Khái niệm phân tích không gian	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân	– Đọc tài liệu 2.2.1

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.2	Lịch sử phân tích không gian	1	1	0	pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thực hành trên máy các chức năng phân tích và chồng xếp dữ liệu địa lí trong không gian.	(nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	
2.3	Truy vấn dữ liệu không gian	1	0	1			
2.4	Tính toán và phân loại dữ liệu không gian	2	1	1			
2.5	Chồng xếp dữ liệu không gian	2	1	1			
2.6	Phân tích tiệm cận và khoảng cách	2	0	2			
2.7	Phân tích mạng lưới	1	0	1			
Chương 3: Một số bài toán ứng dụng GIS trong Địa lí							
3.1	Ứng dụng GIS trong đánh giá biến động tự nhiên, kinh tế – xã hội và môi trường	4	1	3	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Hướng dẫn thực hành, giải quyết các bài toán ứng dụng GIS trong địa lí	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc chương 5 và chương 6 tài liệu 2.2.1
3.2	Ứng dụng GIS trong đánh giá thích nghi sinh thái	4	0.5	3.5			
3.3	Ứng dụng GIS trong nghiên cứu và phòng chống thiên tai	4	0.5	3.5			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3
Chương	Mục			
1	1.1	5	3	1
	1.2	5	3	1
	1.3	5	3	1
	1.4	5	3	1
2	2.1	5	5	3

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3
Chương	Mục			
	2.2	5	5	3
	2.3	5	5	3
	2.4	5	5	3
	2.5	5	5	3
	2.6	5	5	3
	2.7	5	5	3
3	3.1	3	3	5
	3.2	3	3	5
	3.3	3	3	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thực hành trên phần mềm biên tập bản đồ	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi thực hành
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi thực hành
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.17. GIS VÀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: GIS và hệ thống hỗ trợ quyết định

1.2. Mã học phần: GEO

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Dương Thị Lợi	0987148118	duongloi1710@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Chao-Hsien Yeh (2017), *Special Topics on Multiple Criteria Decision Making*, Feng Chia University.

2.2.2. Nguyễn Viết Thịnh, Kiều Văn Hoan, Trần Xuân Duy, Đỗ Văn Thanh (2017), *Ứng dụng ArcGIS trong nghiên cứu và giảng dạy địa lí*, Đại học Sư phạm Hà Nội.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Seo, F., M. Sakawa (1988), *Multiple Criteria Decision Analysis in Regional Planning– Concepts, Methods and Applications*, D. Reidel Publishing Co...

2.3.2. Tzeng, G.H. et. al. (1992), *Multiple Criteria Decision Making*, Springer-Verlag New York Inc..

2.3.3. El-Swaify, S.A., D.S. Yakowitz (1996), *Multiple Objective Decision Making for Land, Water, and Environmental Management*, Lewis Publishers.

2.3.4 Sen, P., J. B. Yang (1998), *Multiple Criteria Decision Support in Engineering Design*, Springer Publication.

2.3.5. Malczewski, J. (1999), *GIS and Multicriteria Decision Analysis*, John Wiley & Sons, Inc.

2.3.6. Tutorial on hierarchical decision models (AHP),
https://www.superdecisions.com/sd_resources/v28_man03.pdf

2.3.7. Tutorial on complex decision models (ANP),
https://www.superdecisions.com/sd_resources/v28_man04.pdf

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên về hỗ trợ ra quyết định trong nghiên cứu các vấn đề địa lí.

MT 2: Hiểu được nguyên lý xây dựng các tiêu chí nhằm đánh giá khách quan các thế mạnh trong nghiên cứu vùng và lãnh thổ.

MT 3: Hiểu được mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, môi trường và tác động của nó tới hoạt động sản xuất của con người cũng như bản chất, nguyên nhân của các hiện tượng.

MT 4: Vận dụng các phương pháp hỗ trợ ra quyết định trong các vấn đề địa lí.

MT 5: Sử dụng các công cụ và phần mềm nhằm phân tích hỗ trợ ra quyết định với các vấn đề địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Hiểu được nguyên lí và đặc điểm của phân tích quyết định đa tiêu chuẩn.

CDR 2: Hiểu được quy trình của phân tích quyết định đa tiêu chuẩn và thực hành trên phần mềm hỗ trợ ra quyết định.

CDR 3: Vận dụng phương pháp phân tích quyết định đa tiêu chuẩn trong việc giải quyết các bài toán Địa lí.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR 1	CDR 2	CDR 3
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh			
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học			
1.4. Trung thực và đáng tin cậy			
1.5. Trách nhiệm và tận tâm			
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi			
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo			
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội			
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x
3.2. Năng lực giáo dục			x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội			
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3
MT 1	x	x	
MT 2	x	x	
MT 3	x	x	
MT 4		x	x
MT 5		x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Giới thiệu về phân tích quyết định đa tiêu chuẩn	1 – 2	0.31	4	0	10
Chương 2: Quy trình phân tích quyết định đa tiêu chuẩn	3 – 6	0.62	2	6	20
Chương 3: Thực hành phần mềm hỗ trợ ra quyết định	7 – 12	0.71	2	10	20
Chương 4: Một số bài toán ứng dụng phân tích quyết định đa tiêu chuẩn (MCDM) trong Địa lí	13 – 15	0.36	2	4	10
Tổng cộng (tiết)	15	2	10	20	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Giới thiệu về phân tích quyết định đa tiêu chuẩn							
1.1	Lịch sử hình thành và phát triển về phân tích quyết định đa tiêu chuẩn	0.5	0.5	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức tìm hiểu về	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên)	– Đọc tài liệu 2.2.1 (lesion 1, 2, 3, 4, 5).
1.2	Nguyên lí cơ bản của phân tích quyết định đa tiêu chuẩn	1	1	0			
1.3	Phân loại các phương pháp phân tích quyết định đa tiêu chuẩn	1	1	0			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.4	So sánh các phương pháp phân tích đa tiêu chuẩn	1	1	0	phân tích quyết định đa chỉ tiêu trong các lĩnh vực	với học theo nhóm.	
1.5	Vai trò của GIS và phân tích quyết định đa tiêu chuẩn trong địa lí	0.5	0.5	0			
Chương 2: Quy trình phân tích quyết định đa tiêu chuẩn							
2.1	Khái quát quy trình chung	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1.
2.2	Xây dựng bộ tiêu chuẩn	2	1	1			
2.3	Đánh giá trọng số	2	0	2			
2.4	Xây dựng mô hình phân tích quyết định đa tiêu chuẩn	2	0	2			
Chương 3: Thực hành phần mềm hỗ trợ ra quyết định							
3.1	Giới thiệu phần mềm Super Decisions	2	1	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Hướng dẫn thực hành, giải quyết các bài toán phân tích đa chỉ tiêu bằng hai phương pháp AHP và ANP	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.3.6.
3.2	Các chức năng cơ bản của phần mềm Super Decisions	2	1	1			
3.3	Ứng dụng Super Decision xây dựng mô hình quyết định thứ bậc (AHP)	4	0	4			
3.4	Ứng dụng Super Decision xây dựng mô hình mạng phân tích (ANP)	4	0	4			– Đọc tài liệu 2.3.7.
Chương 4: Một số bài toán ứng dụng phân tích đa tiêu chuẩn trong Địa lí							
4.1	Ứng dụng MCDM trong quản lí tài nguyên thiên nhiên	2	0	2	Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 (chương 6).
4.2	Ứng dụng MCDM trong quy hoạch đô thị	2	0	2			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
4.3	Một số bài toán khác	2	2	0	cực và truyền thống. – Hướng dẫn thực hành. giải quyết các bài toán phân tích đa chỉ tiêu trong địa lí.	chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3
Chương	Mục			
1	1.1	5	3	1
	1.2	5	3	1
	1.3	5	3	1
	1.4	5	3	1
2	2.1	5	5	3
	2.2	5	5	3
	2.3	5	5	3
	2.4	5	5	3
	2.5	5	5	3
	2.6	5	5	3
	2.7	5	5	3
3	3.1	3	3	5
	3.2	3	3	5
	3.3	3	3	5
4	4.1	1	3	5
	4.2	1	3	5
	4.3	1	3	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thực hành trên phần mềm biên tập bản đồ	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi thực hành
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi thực hành
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA

TS. Đỗ Văn Thanh

3.18. ỨNG DỤNG VIỄN THÁM TRONG GIÁM SÁT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường

1.2. Mã học phần: GEOG 434G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Đặng Vũ Khắc	0916461970	dangvukhac@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1 Nguyễn Ngọc Thạch (2005), *Cơ sở viễn thám*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2.2 Shunlin Liang, Xiaowen Li and Jindi Wang (2012), *Advanced remote sensing: terrestrial information extraction and applications*, NXB Academic Press.

2.2.3 Guangxing Liang, Qihao Weng (2013), *Remote Sensing of Natural Resources*, NXB CRC Press.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1 John Jensen (2006), *Remote Sensing of the Environment: An Earth Resource Perspective*, NXB Pearson.

2.3.2 Floyd F. Sabins (2007), *Remote sensing principles and interpretation*, NXB Waveland Pr Inc.

2.3.3 Peter M. Atkinson, Nicholas Tate (1999), *Advances in Remote Sensing and GIS Analysis*, NXB_Wiley.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Môn học nhằm cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản của viễn thám trong triển khai mô hình nghiên cứu và các ứng dụng. Sinh viên sẽ hiểu rõ các dữ liệu cần thiết trong mô hình để từ đó thu thập các số liệu viễn thám phù hợp; cách tiền xử lý các dữ liệu viễn thám, cách vận dụng một số công cụ cơ bản khi phân tích dữ liệu viễn thám và tích hợp chúng trong triển khai mô hình, phân tích không gian với dữ liệu tổng hợp. Sinh viên sẽ biết kết xuất kết quả sau khi xử lý ra các hình thức khác nhau từ dạng file số, đến dạng in trên giấy (trưng tự) hay dạng hình ảnh đa phương tiện, biết đánh giá độ chính xác, độ tin cậy của kết quả thu được. Học phần trang bị các kiến thức, kỹ năng nhằm hình thành năng lực thuộc tiêu chuẩn 4 (tiêu chí 1, 3, 6), đáp ứng chuẩn đầu ra chuyên ngành Địa lí.

MT 1: Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò của viễn thám trong triển khai mô hình nghiên cứu và ứng dụng cụ thể liên quan tới các quyền của Trái Đất.

MT 2: Nhằm giúp sinh viên nắm vững về các dữ liệu cần thiết trong mô hình ứng dụng để từ đó thu thập các số liệu viễn thám phù hợp với từng loại ứng dụng giám sát tài nguyên và môi trường.

MT 3: Nhằm trang bị cho sinh viên các phương pháp tiền xử lý dữ liệu viễn thám, cách vận dụng một số công cụ cơ bản khi phân tích dữ liệu viễn thám và tích hợp chúng trong triển khai mô hình ứng dụng, phân tích không gian với dữ liệu tổng hợp.

MT 4: Nhằm hướng dẫn sinh viên biết đánh giá độ chính xác, độ tin cậy của kết quả thu được và kết xuất kết quả ra các hình thức khác nhau (từ dạng file số, đến dạng in trên giấy hay dạng hình ảnh đa phương tiện) thông qua các phần mềm chuyên ngành.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Mô tả/trình bày được mục tiêu, cách thức khai thác thông tin (giải đoán mắt thường, phân tích ảnh số) liên quan tới khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển từ tư liệu ảnh viễn thám nhằm tạo ra các lớp thông tin cơ bản phục vụ việc giám sát tài nguyên và môi trường.

CDR 2: Giải thích/phân tích được đặc điểm và cơ chế vật lý trong quá trình thu nhận các loại ảnh viễn thám, phân biệt được các phương pháp xử lý ảnh viễn thám khác nhau như SPOT, Landsat, Quycbird, Worldview,...

CDR 3: Vận dụng các phương pháp xử lý ảnh viễn thám khác nhau để tách ra thông tin chuyên đề cần thiết phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

CDR 4: Sử dụng các lớp dữ liệu chiết xuất ra từ tư liệu viễn thám và tích hợp chúng với hệ thống thông tin địa lý – GIS để qua đó áp dụng vào một số ứng dụng tiềm năng trong quản lý tài nguyên và môi trường.

CDR 5: Vận dụng kiến thức để đánh giá phần mềm chuyên ngành trong việc xử lý dữ liệu và điều chỉnh các bước xử lý nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần			
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước				
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh				
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học				
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	X	X	X	X
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	X	X	X	X
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	X	X	X	X
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	X	X	X	X
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác				
2.3. Năng lực lãnh đạo				
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		X	X	X
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	X	X	X	X
2.6. Năng lực tư duy phản biện	X	X	X	X
3.1. Năng lực dạy học	X	X	X	X
3.2. Năng lực giáo dục				
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			X	X
3.4. Năng lực hoạt động xã hội				
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	X	X	X	X
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	X	X	X	X

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần			
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông				
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x	x	x
MT 2	x	x	x		
MT 3			x	x	
MT 4				x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về viễn thám	1 – 2	0.15	2.25	0	5
Chương 2: Các phương pháp xử lý dữ liệu viễn thám trong nghiên cứu ứng dụng	3 – 4	0.15	2.25	0	10
Chương 3: Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên	5 – 6	0.54	2.1	6	10
Chương 4: Ứng dụng viễn thám trong nghiên cứu biến động	7 – 8	0.54	2.1	6	10
Chương 5: Ứng dụng viễn thám trong nghiên cứu đô thị	9 – 10	0.54	2.1	6	10
Chương 6: Ứng dụng viễn thám trong giám sát tai biến môi trường	11 – 12	0.54	2.1	6	10
Chương 7: Một số ứng dụng khác	13 – 15	0.54	2.1	6	5
Tổng cộng (tiết)	15	3	15	30	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Hệ thống hoá các kiến thức cơ bản về viễn thám							
1.1	Tổng quan các kiến thức chung về viễn thám	0.75	0.75	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (chương 1).
1.2	Các dạng tư liệu viễn thám	0.75	0.75	0			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (§1, chương 1).
1.3	Các phần mềm viễn thám, phần mềm GIS và sự tích hợp giữa chúng	0.75	0.75	0			
Chương 2: Các phương pháp xử lí dữ liệu viễn thám trong nghiên cứu ứng dụng							
2.1	Mô hình xử lí tích hợp thông tin	0.25	0.25	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 2) và 2.2.2 (§2, chương 1).
2.2	Cơ sở dữ liệu viễn thám	0.4	0.4	0			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 2) và 2.2.2 (§3, chương 1).
2.3	Các phương pháp xử lí dữ liệu viễn thám	0.4	0.4	0			
2.4	Phân loại tự động	0.4	0.4	0			
2.5	Giải đoán mắt thường	0.4	0.4	0			
2.6	Các kênh chỉ số	0.4	0.4	0			
Chương 3: Ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lí tài nguyên							
3.1	Ứng dụng nghiên cứu hiện trạng lớp phủ mặt đất và hiện trạng sử dụng đất	1.2	0.4	0.8	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1), 2.2.2 (chương 7) và 2.3.4 (chương 1 – 2).
3.2	Ứng dụng nghiên cứu tài nguyên đất	1.2	0.4	0.8			
3.3	Ứng dụng nghiên cứu cảnh quan	1.2	0.4	0.8			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
3.4	Ứng dụng nghiên cứu lớp phủ thực vật	1.2	0.4	0.8			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (chương 7).
3.5	Ứng dụng nghiên cứu tài nguyên nước	1.2	0.4	0.8			
Chương 4: Ứng dụng viễn thám trong nghiên cứu biến động							
4.1	Khái niệm về biến động	1.2	0.4	0.8	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3), 2.2.2 (chương 2) và 2.3.1.
4.2	Phương pháp nghiên cứu biến động	1.2	0.4	0.8			
4.3	Ứng dụng nghiên cứu biến động về chất	1.2	0.4	0.8			
4.4	Ứng dụng nghiên cứu biến động về lượng	1.2	0.4	0.8			
4.5	Ứng dụng nghiên cứu biến động	1.2	0.4	0.8			
Chương 5: Ứng dụng viễn thám trong nghiên cứu đô thị							
5.1	Ứng dụng nghiên cứu hiện trạng đô thị	1.5	0.5	1.0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 4), 2.2.2 (chương 3) và 2.2.3.
5.2	Ứng dụng nghiên cứu cảnh quan đô thị	1.5	0.5	1.0			
5.3	Ứng dụng nghiên cứu tai biến đô thị	1.5	0.5	1.0			
5.4	Ứng dụng nghiên cứu biến động đô thị	1.5	0.5	1.0			
Chương 6: Ứng dụng viễn thám trong giám sát tai biến môi trường							
6.1	Ứng dụng nghiên cứu lũ lụt	1.2	0.4	0.8	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 5), 2.2.2
6.2	Ứng dụng nghiên cứu trượt lở đất	1.2	0.4	0.8			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					thuật dạy học tích cực và truyền thống	chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	(chương 4) và 2.3.6.
6.3	Ứng dụng nghiên cứu cháy rừng	1.2	0.4	0.8			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 5) và 2.2.2 (chương 4).
6.4	Ứng dụng nghiên cứu sụt lún đất	1.2	0.4	0.8			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 5), 2.2.2 (chương 4) và 2.3.5 (chương 1 – 2).
6.5	Ứng dụng nghiên cứu xói lở bờ biển	1.2	0.4	0.8			
Chương 7: Một số ứng dụng khác							
7.1	Ứng dụng nghiên cứu địa hình	1.2	0.4	0.8	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 6 và 7), 2.2.2 (chương 5 và 6) và 2.3.4 (chương 3).
7.2	Ứng dụng nghiên cứu thủy văn (nước mặt: số lượng, chất lượng)	1.2	0.4	0.8			
7.3	Ứng dụng nghiên cứu môi trường biển	1.2	0.4	0.8			
7.4	Ứng dụng nghiên cứu địa chất: thạch học, kiến tạo	1.2	0.4	0.8			
7.5	Ứng dụng nghiên cứu giao thông vận tải	1.2	0.4	0.8			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 6 – 7), 2.2.2 (chương 5 và 6), 2.3.4 (chương 3) và 2.3.2.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
	1.3	2	3	3	5	5
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
	2.3	5	5	5	3	2
	2.4	3	5	5	5	2
	2.5	3	5	5	5	2
	2.6	3	5	5	5	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
	3.3	5	5	3	3	2
	3.4	5	5	3	3	2
	3.5	5	5	3	3	2
4	4.1	2	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2
	4.3	3	3	5	5	2
	4.4	3	3	5	5	2
	4.5	3	3	5	5	2
5	5.1	3	3	5	5	2
	5.2	3	3	5	5	2
	5.3	3	3	5	5	2
	5.4	3	3	5	5	2
6	6.1	3	3	5	5	2
	6.2	3	3	5	5	2
	6.3	3	3	5	5	2
	6.4	3	3	5	5	2
	6.5	3	3	5	5	2
	6.6	3	3	5	5	2
	6.7	3	3	5	5	2
7	7.1	3	3	5	5	2
	7.2	3	3	5	5	2
	7.3	3	3	5	5	2
	7.4	3	3	5	5	2
	7.5	3	3	5	5	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20

Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí TNVN vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.

– Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

– Hình thức: Thi viết (tự luận).

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

– Hình thức: Thi viết (tự luận).

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.19. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỊA LÍ

1. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung về môn học

1.1. Tên môn: Phương pháp nghiên cứu Khoa học địa lí

1.2. Mã môn học: GEOG 332G

1.3. Số tín chỉ: 3

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Kiều Văn Hoan	0912341464	kieuvanhoan@hnue.edu.vn
2	Đỗ Văn Thanh	0912880905	thanhcfig@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Vũ Cao Đàm (2008), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Thế Giới.

2.2.2. Bài giảng của giảng viên

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.2. David Lambert and David Balderstone (2010), *Learning to Teach Geography in the Secondary School*, London and New York.

2.3.3. Daniella Tilbury and Michanel williams (2003), *Teaching and learning Geography*, London and New York.

2.3.4. David Lambert and John Morgan (2010), *Teaching Geography 11 – 18*, The McGraw Hill Compaines.

2.3.5. Maggie Smith (2005), *Teaching Geography in Secondary Schools*, London and New York .

2.3.6. Patrich Wiegand (2006), *Learning and Teaching with Maps*, London and New York.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Trình bày và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực Địa lí học, Khoa học giáo dục.

MT 2: Lựa chọn và áp dụng được các phương pháp trong phân tích vấn đề nghiên cứu.

MT 3: Sinh viên biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.

MT 4: Phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu trong Địa lí học, Khoa học giáo dục.

MT 5: Biết thu thập, phân tích, xử lí được thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Xác định được vấn đề nghiên cứu phù hợp với điều kiện và năng lực của cá nhân.

CDR 2: Xây dựng được đề cương nghiên cứu và thực hiện nghiên cứu theo đề cương

CDR 3: Viết, chia sẻ và công bố được kết quả nghiên cứu khoa học một cách phù hợp với yêu cầu

CDR 4: Thể hiện được quan điểm cá nhân khi tiếp cận một công trình nghiên cứu Khoa học địa lí và giáo dục địa lí.

CDR 5: Thực hiện được nghiên cứu cứu độc lập và theo nhóm.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x	x	x	x

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 2	x	x	x		
MT 3	x	x	x	x	x
MT 4	x	x	x	x	x
MT 5	x	x	x	x	x
MT 2	x	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học.	1	0.33	4	1	10
Chương 2: Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu.	2	0.33	4	1	30
Chương 3: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết.	3 – 5	0.33	5	0	10
Chương 4: Phương pháp thu thập thông tin	6	0.47	5	2	10
Chương 5: Phương pháp xử lý thông tin	7	0.67	7	3	10
Chương 6: Trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học	8 – 9	0.33	4	1	30
Tổng cộng (tiết)	9	3	35	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học							
1.1	Các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học.	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân, làm việc theo nhóm.	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp.
1.2	Các loại hình nghiên cứu khoa học.	0.5	0.5	0			
1.3	Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực địa lí học, phương pháp giảng dạy Địa lí.	0.5	0.5	0			
1.4	Nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và phối hợp.	2.5	1.5	1			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.5	Các hình thức tổ chức nghiên cứu.	0.5	0.5	0	– Thuyết trình, đàm thoại.		
1.6	Quy trình nghiên cứu	0.5	0.5	0			
1.7	Trích dẫn tài liệu tham khảo	0.5	0.5	0			
Chương 2: Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu							
2.1.	2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân, làm việc theo nhóm.	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp.
2.2.	2.2. Xác định mục tiêu nghiên cứu	1	1	0			
2.3	2.3. Xác lập câu hỏi nghiên cứu	1	1	0			
2.4	2.4. Xác lập giả thuyết nghiên cứu	3	2	1			
2.5	2.5. Đặt tên đề tài nghiên cứu	1	1	0			
Chương 3: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và xây dựng khung lí thuyết							
3.1	3.1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	3	2	1	– Vận dụng các phương pháp tích cực và truyền thống – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân, làm việc theo nhóm.	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp.
3.2	3.2. Xây dựng khung lí thuyết, khung phân tích của đề tài	3	3	0			
Chương 4: Phương pháp thu thập thông tin							
4.1	4.1. Nguồn thông tin	1	1	0	– Vận dụng các phương pháp tích cực và truyền thống – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân, làm việc theo nhóm.	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớn.
4.2	4.2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp	2	2	0			
4.3	4.3. Phương pháp điều tra chọn mẫu	2	1	1			
4.4	4.4. Phương pháp xây dựng bảng câu hỏi	2	2	0			
Chương 5: Phương pháp xử lí thông tin							
5.1	5.1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra	2	2	0	– Vận dụng các phương pháp tích	Kết hợp giữa phương pháp học	Nghiên cứu tài liệu trước
5.2	5.2. Phương pháp phân tích thống kê mô tả	3	2	1			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
5.3	5.3. Phương pháp phân tích định tính	3	2	1	cực và truyền thống – Thuyết trình, đàm thoại.	tập cá nhân, làm việc theo nhóm.	khi đến lớn.
5.4	5.4. Phương pháp phân tích định lượng	3	2	1			
5.5	5.5. Kiểm định giả thuyết	2	2	0			
Chương 6: Trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học							
6.1	6.1. Cấu trúc một số báo cáo khoa học	2	2	0	– Vận dụng các phương pháp tích cực và truyền thống – Thuyết trình, đàm thoại.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân, làm việc theo nhóm.	Nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớn.
6.2	6.2. Cách viết nội dung	3	2	1			
6.3	6.3. Cách viết trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo	3	2	1			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
	1.3	5	5	3	3	2
	1.4	5	5	3	3	2
	1.5	5	5	3	3	2
	1.6	5	5	3	3	2
	1.7	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
	2.3	5	5	3	3	2
	2.4	5	4	3	3	2
	2.5	5	4	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2
	4.3	5	3	3	3	2
	4.4	5	4	3	3	2

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
5	5.1	5	5	3	3	2
	5.2	5	5	3	3	2
	5.3	5	5	3	3	2
	5.4	5	5	3	3	2
	5.5	5	5	3	3	2
6	6.1	5	5	3	3	2
	6.2	5	5	3	3	2
	6.3	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức cho sinh viên làm bài tập thiết kế kế hoạch dạy học, sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỜNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.20. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành

1.2. Mã học phần: ENGL 390

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Phương Thảo	0862872126	thaohnue@gmail.com
2	Dương Thị Lợi	0387148118	duongloi1710@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Lâm Thị Hoà Bình (2009), *Giáo trình GEOG 1, 2*, NXB Đại học Sư phạm.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Joseph Holden (2012), *An Introduction to Physical Geography and the Environment*. NXB Pearson.

2.3.2. Alan F. Arbogast (2017), *Discovering physical geography*, NXB Wiley.

2.3.3. Thao Phuong Nguyen (2019), *Education for Sustainable Development in Vietnam – Interpretation, Integration and Implementation*, Muenster University.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Người học biết và vận dụng được các thuật ngữ địa lí trong các kỹ năng nghe, viết, đọc, nói.

MT 2: Người học có thể phát triển kỹ năng tranh biện thông qua rèn luyện kỹ năng nói các chủ đề Địa lí (speaking).

MT 3: Người học có thể phát triển kỹ năng tư duy phản biện thông qua rèn luyện kỹ năng viết các chủ đề Địa lí (writing).

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CĐR 1: Đọc hiểu được ở mức độ đơn giản các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

CĐR 2: Dịch được các tài liệu chuyên ngành từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

CĐR 3: Trình bày được các nội dung chuyên môn bằng tiếng Anh.

CĐR 4: Xác định được nguồn tài nguyên thông tin tiếng Anh và phương pháp để tìm kiếm.

CĐR 5: Đánh giá được mức độ phù hợp, tin cậy của tài nguyên thông tin tiếng Anh.

CĐR 6: Khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin tiếng Anh.

**Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần
với CĐR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần					
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước						

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần					
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh						
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học						
1.4. Trung thực và đáng tin cậy						
1.5. Trách nhiệm và tận tâm						
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời						
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi						
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác			x	x		x
2.3. Năng lực lãnh đạo						
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo			x	x		x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội						
2.6. Năng lực tư duy phản biện			x	x		x
3.1. Năng lực dạy học						
3.2. Năng lực giáo dục						
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh						
3.4. Năng lực hoạt động xã hội						
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp						
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí			x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông						
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn						
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí						
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x	x
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn						

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6
MT 1	x	x	x	x	x	x
MT 2			x			
MT 3			x		x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Giới thiệu – Introduction to Geography	1 – 3	0.4	4	2	10
Chương 2: Địa lí tự nhiên – Physical geography	4 – 6	0.4	5	1	15
Chương 3: Địa lí nhân văn – Human geography	7 – 9	0.4	5	1	10
Chương 4: Phát triển bền vững – Sustainable development	10 – 12	0.4	4	2	10
Chương 5: Giáo dục Địa lí – Geography education	13 – 15	0.4	4	2	15
Tổng cộng (tiết)	15	2	22	8	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Giới thiệu – Introduction to Geography							
1.1	Từ vựng và đọc hiểu: Introduction to Geography	3	2	1	Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	Đọc mục A và B (chương 1).
1.2	Chủ điểm ngữ pháp + nghe (What is Geography?)	1	1	0			Bài tập mục D, E (chương 1).
1.3	Viết	2	1	1			Bài tập mục F (chương 1).
Chương 2: Địa lí tự nhiên – Physical Geography							
2.1	Đọc hiểu: The Earth’s Four Spheres, Emphasis on Human Interactions with the Environment, Physical Geography is Interesting, Exciting, and Very Relevant to Your Life	2	2	0	Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	Đọc mục A và B (chương 2).

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.2	Chủ điểm ngữ pháp + nghe (Physical Geography)	2	2	0			Bài tập mục D, E (chương 2).
2.3	Viết	2	1	1			Bài tập mục F (chương 2).
Chương 3: Địa lí nhân văn – Human Geography							
3.1	Đọc hiểu: What is Human Geography?	2	2	0	Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	Đọc mục A và B (chương 3).
3.2	Chủ điểm ngữ pháp + nghe (Five Themes of Geography)	2	2	0			Bài tập mục D, E (chương 3).
3.3	Viết	2	1	1			Bài tập mục F (chương 3).
Chương 4: Phát triển bền vững – Sustainable development							
4.1	Đọc hiểu: Ecological footprint, Sustainable development	1	1	0	Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên).	Đọc mục A và B (chương 4).
4.2	Viết	2	2	0			Bài tập mục D (chương 4).
4.3	Tranh biện chủ đề phát triển bền vững	3	1	2	Hướng dẫn sinh viên thực hiện phương pháp đóng vai (role-play).	Phương pháp đóng vai (role- play).	Đọc yêu cầu mục E (chương 4).
Chương 5: Giáo dục Địa lí – Geography education							
5.1	Đọc hiểu: Education for sustainable	3	3	0	Vận dụng kết hợp các	Phương pháp học tập cá nhân	Đọc mục A và B

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
	development, System thinking				phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	(nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên).	(chương 5).
5.2	Viết	1	0	1			Bài tập mục D (chương 5).
5.3	Tranh biện chủ đề phát triển bền vững	2	1	1	Hướng dẫn sinh viên thực hiện phương pháp đóng vai (role-play).	Phương pháp đóng vai (role-play).	Đọc yêu cầu mục E (chương 4).

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6
Chương	Mục						
1	1.1	5	5	3	2	2	2
	1.2	5	5	3	2	2	2
	1.3	5	5	5	2	2	2
2	2.1	5	5	3	2	2	2
	2.2	5	5	3	2	2	2
	2.3	5	5	5	2	2	2
3	3.1	5	5	3	2	2	2
	3.2	5	5	3	2	2	2
	3.3	5	5	5	2	2	2
4	4.1	5	5	3	2	2	2
	4.2	5	5	3	2	2	2
	4.3	5	5	5	2	2	2
5	5.1	5	5	3	2	2	2
	5.2	5	5	3	2	2	2
	5.3	5	5	5	2	2	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10

Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn địa lí TNVN vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 6	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỜNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.21. ĐỊA LÝ BIỂN ĐÔNG

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lý Biển Đông

1.2. Mã học phần: GEOG 432G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết/học trước/song song: Cơ sở địa lý kinh tế – xã hội 2.

1.5. Bộ môn phụ trách: Địa lý Kinh tế – Xã hội, khoa Địa lý

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tường Huy	0948342482	tuonghuy@hnue.edu.vn
2	Tô Thị Hồng Nhung	0989745675	tohongnhungtnt@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Văn Âu (1999), *Địa lý Tự nhiên Biển Đông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2.2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi – đáp về biển, đảo dành cho tuổi trẻ Việt Nam*, NXB Thông tin và Truyền thông.

2.2.3. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), *Luật biển Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

2.2.4. Lê Bá Thảo (2001), *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.5. Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2003), *Giáo trình Địa lý Kinh tế – Xã hội Việt Nam* (Tập 1), NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.5. Lê Đức Tổ (Chủ biên) (2004), *Quản lý biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2.6. Ủy ban Biên giới quốc gia – Bộ Ngoại giao (2010), *Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông*, Hà Nội.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Phạm Hoàng Hải (2011), *Những mô hình phát triển kinh tế hải đảo Việt Nam*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

2.3.2. Đặng Đình Quý (Chủ biên) (2010), *Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực* (Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế), NXB Thế giới.

2.3.3. Đặng Đình Quý (Chủ biên) (2012), *Tranh chấp Biển Đông: Luật pháp, địa chính trị và hợp tác quốc tế*, NXB Thế giới.

2.3.4. Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc (2013), *Biển Đông: Địa chính trị, Lợi ích, Chính sách và Hành động của các bên liên quan*, NXB Thế giới.

2.3.5. Trần Đức Thanh và nnk (2011), *Định hướng quản lý tổng hợp vùng bờ biển Bắc Bộ*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

2.4. Các trang mạng sử dụng cho môn học

2.4.1. Chương trình nghiên cứu Biển Đông: <http://nghiencuubiendong.vn>

2.4.2. Tổng cục biển và hải đảo Việt Nam: <http://vasi.gov.vn>

2.4.3. Ủy ban Biên giới quốc gia – Bộ Ngoại giao: <http://biengioilanhtho.gov.vn>

2.4.4. Bộ Tài Nguyên và Môi trường: <http://www.monre.gov.vn>

2.4.5. Tổng cục Thống kê: <http://www.gso.gov.vn>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức cốt lõi về vị trí địa lý và phạm vi của Biển Đông, chủ quyền biển – đảo của Việt Nam trên Biển Đông, vai trò của Biển Đông đối với các nước trong và ngoài khu vực; điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên biển và hải đảo; đặc điểm dân cư – xã hội – văn hoá và phát triển kinh tế biển – đảo; một số vấn đề và chiến lược biển – đảo của Việt Nam.

MT 2: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa lý biển – đảo Việt Nam.

MT 3: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng môn học để giảng dạy những nội dung về địa lý biển – đảo Việt Nam trong Chương trình giáo dục phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được những kiến thức cốt lõi về vị trí địa lý và phạm vi của Biển Đông, chủ quyền biển – đảo của Việt Nam trên Biển Đông, vai trò của Biển Đông đối với các nước trong và ngoài khu vực; điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên biển và hải đảo; đặc điểm dân cư – xã hội – văn hoá và phát triển kinh tế biển – đảo; một số vấn đề và chiến lược biển – đảo của Việt Nam.

CDR 2: Vận dụng được những kiến thức và kỹ năng của môn học để nhận diện, phân tích và định hướng giải quyết những vấn đề thực tiễn về địa lý biển đảo của Việt Nam.

CDR 3: Vận dụng được những kiến thức của môn học để xác định và giải thích những nội dung về địa lý biển – đảo của Việt Nam trong Chương trình giáo dục phổ thông.

CDR 4: Vận dụng được những kiến thức của môn học để giảng dạy những nội dung về địa lý biển – đảo của Việt Nam trong Chương trình giáo dục phổ thông.

CDR 5: Sử dụng được các công cụ và kỹ năng của môn học để tìm kiếm, thu thập và khai thác có hiệu quả các dữ liệu cho học tập, nghiên cứu và giảng dạy các nội dung về địa lý biển – đảo của Việt Nam trong Chương trình giáo dục phổ thông.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lý	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x		x	x	x
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x		x	x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	x	x	x	x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo	x	x	x	x	x
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	x	x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	x	x	x	x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
3.1. Năng lực dạy học	x		x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục	x	x	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	x	x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội	x	x	x	x	x
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x	x	x	x
MT 2	x	x	x	x	x
MT 3	x	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Biển Đông và chủ quyền biển – đảo Việt Nam	1 – 3	0.6	6	3	18
Chương 2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên Biển Đông	4 – 7	0.8	9	3	24
Chương 3: Kinh tế – xã hội vùng ven biển và hải đảo của Việt Nam	8 – 12	1.0	9	6	30
Chương 4: Một số vấn đề và chiến lược biển – đảo của Việt Nam	13 – 15	0.6	6	3	18

Tổng cộng (tiết)			15	3	30	15	90
5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy							
Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Biển Đông và chủ quyền biển – đảo Việt Nam							
1.1	Vị trí địa lí và phạm vi của Biển Đông	3	2	1	– Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 (Phần 1). – Thu thập bản đồ vị trí địa lí và phạm vi của Đông từ các nguồn đã cung cấp.
1.2	Chủ quyền biển – đảo của Việt Nam trên Biển Đông	3	2	1	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về vị trí địa lí và phạm vi của Biển Đông, chủ quyền biển – đảo của Việt Nam trên Biển Đông, vai trò của Biển Đông đối với các nước trong và ngoài khu vực, các công cụ và kĩ năng trong học tập và thực tiễn.		– Đọc tài liệu 2.2.2 (Phần 2), 2.2.3 và 2.2.6 – Thu thập các dữ liệu về căn cứ xác lập chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông.
1.3	Vai trò của Biển Đông	3	2	1			– Đọc tài liệu 2.2.2 (Phần 1) và 2.2.6. – Thu thập các dữ liệu phù hợp để viết báo cáo và thảo luận về vai trò của Biển Đông.
Chương 2: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên biển Đông							
2.1	Điều kiện tự nhiên vùng biển và hải đảo	6	5	1	– Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm điều kiện tự nhiên và	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 (Phần 1). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về điều kiện tự nhiên vùng biển và hải đảo từ các trang mạng đã cung cấp.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.2	Tài nguyên thiên nhiên vùng biển và hải đảo	6		2	tài nguyên thiên nhiên biển và hải đảo, các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 (Phần 1 – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về tài nguyên thiên nhiên vùng biển và hải đảo từ các trang mạng đã cung cấp.
Chương 3: Kinh tế – xã hội vùng ven biển và hải đảo của Việt Nam							
3.1	Đặc điểm dân cư và xã hội vùng ven biển và hải đảo	6	4	2	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đặc điểm dân cư, xã hội và văn hoá vùng ven biển và hải đảo Việt Nam, các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.5 (Chương 2). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về đặc điểm dân cư, xã hội vùng ven biển và hải đảo Việt Nam từ các tài liệu tham khảo và các trang mạng đã cung cấp. – Viết báo cáo và thảo luận về một số vấn đề xã hội vùng ven biển và hải đảo.
3.2	Phát triển kinh tế biển	9	6	3	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về vị thế và vai trò của kinh tế biển,	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương	– Đọc tài liệu 2.2.2 (Phần 3). – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về kinh tế biển, các ngành kinh tế biển và khu kinh biển ven biển từ các trang mạng đã cung cấp.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					đặc điểm các ngành kinh tế biển và các khu kinh tế ven biển; các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	pháp học tập theo nhóm.	– Viết báo cáo và thảo luận về phát triển các ngành kinh tế biển và các khu kinh tế ven biển.
Chương 4: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ CHIẾN LƯỢC BIỂN – ĐẢO VIỆT NAM							
4.1	Một số vấn đề biển và hải đảo Việt Nam	6	4	2	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về căng thẳng và tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên biển Đông, khai thác và quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển – đảo; các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 (Phần 2), 2.2.6, 2.2.5 – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về căng thẳng và tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên biển Đông, khai thác và quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển – đảo từ tài liệu tham khảo và trang mạng đã cung cấp. – Viết báo cáo và thảo luận về tranh chấp chủ quyền biển – đảo trên biển Đông, khai thác và quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường biển – đảo.
4.2	Chiến lược biển – đảo của Việt Nam	3	2	1	Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống.		– Đọc tài liệu 2.2.2 (Phần 3), 2.2.3 – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về chiến

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về chiến lược biển – đảo của Việt Nam; các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.		lược biển – đảo của Việt Nam từ các tài liệu tham khảo và trang mạng đã cung cấp. – Viết báo cáo và thảo luận về chiến lược biển – đảo của Việt Nam

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	5	5	5
	1.2	5	5	5	5	5
	1.3	5	5	5	5	5
2	2.1	5	5	5	5	5
	2.2	5	5	5	5	5
3	3.1	5	5	5	5	5
	3.2	5	5	5	5	5
4	4.1	5	5	5	5	5
	4.2	5	5	5	5	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về vị trí địa lí, chủ quyền biển – đảo của Việt Nam, vai trò của Biển Đông; điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên biển và hải đảo; đặc điểm dân cư – xã hội – văn hoá và phát triển kinh tế biển – đảo; một số vấn đề và chiến lược biển – đảo của Việt Nam; các công cụ và kĩ năng trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Đảm bảo các yêu cầu về nội dung, trình bày và dung lượng.
- Nộp bài tập đúng hạn.
- Sinh viên nộp bài không đúng hạn sẽ bị tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Viết bài luận.
- Nội dung: Các kiến thức và kĩ năng đã được học.
- Tiêu chí đánh giá: nội dung (60%), tư duy sáng tạo và phản biện (20%), trình bày, tài liệu tham khảo và trích dẫn (20%); sao chép bài của người khác hoặc đạo văn: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các kiến thức và kỹ năng đã được học.
- Tiêu chí đánh giá: nội dung (70%), tư duy sáng tạo và phản biện (30%); bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.22. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Biến đổi khí hậu (Climate change)

1.2. Mã học phần: GEOG 453

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Đào Ngọc Hùng	0915541169	daongochung69@gmail.com
2	Vũ Thị Hằng	0916055402	hangvuth76@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1. Đặng Duy Lợi, Đào Ngọc Hùng (2014), *Giáo trình biến đổi khí hậu*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Văn Thắng và NNK (2010), *Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam*, Nhà Xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2.2.2. Đặng Duy Lợi, Đào Ngọc Hùng (2014), *Giáo trình biến đổi khí hậu*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu (2004), *Khí hậu và tài nguyên khí hậu Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.

2.2.2. Đặng Duy Lợi (Chủ biên, 2015), *Địa lí tự nhiên đại cương 2 (phần khu vực)*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Lê Bá Thảo (2001), *Thiên nhiên Việt Nam*, NXB Giáo dục.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về biến đổi khí hậu.

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về biến đổi khí hậu trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các kiến thức về biến đổi khí hậu trong sự phát triển của Khoa học địa lí và nội dung Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được nội dung cơ bản về biểu hiện, nguyên nhân, tác động của biến đổi khí hậu.

CDR 3: Vận dụng được kiến thức về biến đổi khí hậu để đưa ra các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu tại địa phương.

CDR 4: Xác định được vị trí của những kiến thức về biến đổi khí hậu trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng kiến thức về biến đổi khí hậu để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được những kiến thức về biến đổi khí hậu để dạy học Địa lí ở các cấp học.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x	x		
MT 2	x	x	x		
MT 3	x			x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian			
			Số tiết trên lớp			Tự học có HD
			Tổng	LT	BT/TL	
Chương 1: Những kiến thức cơ bản liên quan với biến đổi khí hậu	1 – 2	0.33	5	4	1	20
Chương 2: Biểu hiện của biến đổi khí hậu	3 – 7	1	15	12	3	25
Chương 3: Nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu	8 – 12	1	15	12	3	25
Chương 4: Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu	13 – 15	0.67	10	7	3	20
Tổng cộng (tiết)	15	3	45	35	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
Chương 1: Những kiến thức cơ bản liên quan với biến đổi khí hậu						
1.1. Một số thuật ngữ cơ bản về biến đổi khí hậu	3	2	1	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống. vận dụng hiểu biết về biến đổi khí hậu vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
1.2. Một số phương pháp nghiên cứu về biến đổi khí hậu	2	2	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn về phương pháp nghiên cứu biến	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
				đổi khí hậu vào thực tiễn.		
Chương 2: Biểu hiện của biến đổi khí hậu						
2.1. Biểu hiện biến đổi các yếu tố khí hậu	5	5	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống. vận dụng hiểu biết về biến đổi khí hậu vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2.
2.2. Biểu hiện của nước biển dâng	10	7	3	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống. vận dụng hiểu biết về biến đổi khí hậu vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.3.1.
Chương 3: Nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu						
3.1. Nguyên nhân của biến đổi khí hậu	5	5	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống. vận dụng hiểu biết về biến đổi khí hậu vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.3.2.
3.2. Tác động của biến đổi khí hậu	10	7	3	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống. vận dụng hiểu biết về biến đổi khí hậu vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.
Chương 4: Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu						
4.1. Các giải pháp công trình trong ứng	5	5	0	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.

Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
		LT	BT/TH			
phó với biến đổi khí hậu				thuật dạy học truyền thống. vận dụng hiểu biết về biến đổi khí hậu vào thực tiễn.	học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	
4.2. Các giải pháp phi công trình trong ứng phó với biến đổi khí hậu	10	7	3	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống. vận dụng hiểu biết về biến đổi khí hậu vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kết hợp với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống. vận dụng hiểu biết về biến đổi khí hậu vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.23. THỰC ĐỊA ĐO VẼ ĐỊA HÌNH VÀ GPS

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Thực địa đo vẽ địa hình và GPS

1.2. Mã học phần: GEOG 124G

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Thanh Xuân	0988615133	xuannt.geo@gmail.com
2	Dương Thị Lợi	0357120145	duongloi1710@gmail.com
3	Đặng Vũ Khắc	0916461970	dangvukhac@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1. Lê Huỳnh, Lâm Quang Dốc (2002), *Bản đồ địa hình và đo vẽ địa phương*, NXB Đại học Sư phạm.

2.1.2. Nhữ Thị Xuân (2003), *Bản đồ địa hình*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Phạm Ngọc Đĩnh (Chủ biên) (1995), *Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Trần Bạch Giang, Phan Ngọc Mai (2007), *Ứng dụng công nghệ định vị toàn cầu (GPS) trong đo đạc – Bản đồ*.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Trần Văn Quảng (2001), *Trắc địa đại cương*, NXB Đại học Xây dựng.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về thực địa đo vẽ địa hình và GPS.

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về thực địa đo vẽ địa hình và GPS trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và thực tiễn.

MT 3: Xác định được vai trò của thực địa đo vẽ địa hình và GPS trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

MT 4: Xác định được mối quan hệ giữa môn học với bản đồ và sử dụng bản đồ ở Chương trình môn Địa lí phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về thực địa đo vẽ địa hình và GPS (nguyên tắc và phương pháp đo vẽ địa hình, thành lập bản đồ địa hình tỉ lệ lớn; cấu trúc và nguyên lí hoạt động của hệ thống định vị toàn cầu).

CDR 2: Giải thích được lí do áp dụng kĩ thuật đo vẽ nào trong hoàn cảnh thực tế tương ứng.

CDR 3: Áp dụng các kĩ thuật đo vẽ vào thực địa và thành lập bản đồ địa hình tỉ lệ lớn.

CDR 4: Vận dụng được những học vấn về thực địa đo vẽ địa hình và GPS trong học tập và nghiên cứu ở những lĩnh vực chuyên ngành.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần

với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x				
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	x				
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	x				
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x				
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội		x	x	x	
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	
3.1. Năng lực dạy học	x	x	x	x	
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	
3.4. Năng lực hoạt động xã hội			x	x	
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x			
MT 2		x	x	x	

MT 3			X	X	
MT 4			X	X	

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Đo vẽ địa hình	1 – 3	0.3	9		30
Chương 2: Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)	4 – 5	0.2	6		30
Thực hành đo vẽ thực địa	6 – 10	0.5		15	30
Tổng cộng (tiết)	10	2	15	15	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Mục/ Bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Đo vẽ địa hình							
1.1	Những khái niệm cơ bản trong đo vẽ địa hình	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đo vẽ địa hình vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 và 2.2.1.
1.2	Dụng cụ đo và kĩ thuật đo vẽ	3	3	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đo vẽ địa hình vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 và 2.2.1.
1.3	Đo vẽ bản đồ địa hình tỉ lệ lớn	3	3	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực với truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 và 2.2.1.

Mục/ Bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đo vẽ địa hình vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn	giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	
1.4	Sai số và bình sai	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đo vẽ địa hình vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.1.2 và 2.2.1.
Chương 2: Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)							
2.1	Giới thiệu hệ thống định vị toàn cầu	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về GPS vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2.
2.2	Cấu trúc cơ bản của hệ thống định vị toàn cầu	2	2	0			– Đọc tài liệu 2.2.2.
2.3	Nguyên lý định vị của GPS	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về GPS vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2.
2.4	Thành lập bản đồ bằng công nghệ GPS	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với	– Đọc tài liệu 2.2.2.

Mục/ Bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					GPS vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	phương pháp học theo nhóm.	
Thực hành đo vẽ thực địa							
3.1	Thực hành đo vẽ và GPS tại trường	5	0	5	– Thực địa – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức, kỹ năng về đo vẽ địa hình vào thành lập bản đồ địa hình tỉ lệ lớn	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, thực địa, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đo vẽ, xử lý số liệu, biên vẽ bản đồ theo hướng dẫn
3.2	Thực hành đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình và GPS tại địa điểm thực địa	10	0	10	– Thực địa – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức, kỹ năng về đo vẽ địa hình vào thành lập bản đồ địa hình tỉ lệ lớn	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, thực địa, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.	– Đo vẽ, xử lý số liệu, biên vẽ bản đồ theo hướng dẫn.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4
Chương	Mục				
1	1.1	5	5	1	1
	1.2	1	1	5	1
	1.3	2	2	5	1
	1.4	2	2	5	1
2	2.1	4	1	1	1
	2.2	2	2	4	1
	2.3	2	2	4	1
	2.4	3	3	5	1
3	3.1	1	3	5	5
	3.2	1	3	5	5

Ghi chú: Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
<i>Đánh giá thường xuyên</i>	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
<i>Kiểm tra giữa kì</i>	20
<i>Kiểm tra cuối kì</i>	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với truyền thống. Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về đo vẽ địa hình và GPS vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, thực địa, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.24. THỰC ĐỊA ĐO PHỔ BẰNG MÁY CẦM TAY TỰ CHỌN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Thực địa đo phổ bằng máy đo cầm tay

1.2. Mã học phần: GEOG 130G

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Cơ sở viễn thám

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Dương Thị Lợi	0387148188	duongloi1710@gmail.com
2	Nguyễn Thanh Xuân	0988615133	mtthanhxuan@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1 Nguyễn Ngọc Thạch (2011), *Địa thông tin – Những nguyên lí cơ bản về viễn thám, hệ thống tin địa lí và hệ định vị toàn cầu*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2.2. Freek D. van der Meer, S.M. de Jong (2013), *Imaging Spectrometry – Basic Principles and Prospective Applications*, NXB Springer.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1 Joachim Hill, Jacques Mégier (2011), *Imaging Spectrometry-a Tool for Environmental Observations*, NXB Springer.

2.3.2 F. Toselli, J. Bodechtel (1991), *Imaging spectroscopy fundamentals and prospective applications*, NXB Springer.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Môn học đóng góp những kiến thức cơ bản về cơ sở vật lí của ảnh viễn thám, phương thức thu nhận và phân tích dữ liệu viễn thám. Giới thiệu về các vấn đề về bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ, sự thay đổi của năng lượng bức xạ trong khí quyển. Đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng trong tự nhiên như đất, nước, thực vật và các yếu tố ảnh hưởng tới đặc trưng phổ của chúng. Từ đó sinh viên biết được cách thức sử dụng máy đo phổ cầm tay để tiến hành đo đạc số liệu ngoài thực địa. Sử dụng các số liệu đo được để xây dựng đường cong phổ phản xạ cho từng loại đối tượng và vận dụng chúng khi nhận dạng các đối tượng cụ thể trong các ứng dụng viễn thám đa phổ. Học phần nhằm hình thành năng lực thuộc tiêu chuẩn 4 (tiêu chí 1 và 3), đáp ứng chuẩn đầu ra chuyên ngành Địa lí

MT 1: Trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở vật lí của ảnh viễn thám, phương thức thu nhận và phân tích dữ liệu viễn thám

MT 2: Trang bị các kiến thức liên quan tới bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ, sự thay đổi của năng lượng bức xạ trong khí quyển. Đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng trong tự nhiên như đất, nước, thực vật, không khí và các yếu tố ảnh hưởng tới đặc trưng phổ của chúng.

MT 3: Trang bị kĩ năng vận hành máy đo phổ cầm tay để tiến hành đo đạc số liệu ngoài thực địa.

MT 4: Hướng dẫn sinh viên khai thác các số liệu đo được để xây dựng đường cong phổ phản xạ cho từng loại đối tượng và vận dụng chúng để nhận dạng các đối tượng cụ thể trong các ứng dụng viễn thám đa phổ

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Mô tả/trình bày được: các kiến thức về cơ sở vật lí của viễn thám, đặc trưng phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thực vật. Đặc tính hấp thụ, phát xạ, tán xạ ánh sáng của các đối tượng trên các dải bước sóng khác nhau.

CDR 2: Giải thích/phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng trong tự nhiên. Vai trò của chụp ảnh đa phổ trong khai thác thông tin chuyên đề về tài nguyên và môi trường.

CDR 3: Áp dụng vào việc xây dựng thư viện phổ của các đối tượng tự nhiên trong khu vực nghiên cứu cụ thể và kết hợp các thư viện phổ đo được vào các phần mềm xử lí ảnh thông dụng.

CDR 4: Khai thác thư viện phổ để điều chỉnh các bước xử lí ảnh nhằm phân loại được các đối tượng một cách tốt nhất và phù hợp với thực tế.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần			
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước				
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh				
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học				
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	x	x	x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo				
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội				
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học				
3.2. Năng lực giáo dục				
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh				
3.4. Năng lực hoạt động xã hội				
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông				

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
MT 1	X	X	X	X
MT 2	X	X		
MT 3			X	X
MT 4	X	X	X	X

5.1. Nội dung học phần

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Tương tác của ánh sáng với môi trường							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.1	Tương tác của ánh sáng với vật chất trong khí quyển	1.5	1.25	0.25	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (chương 1).
1.2	Tương tác của ánh sáng với vật chất trong thủy quyển	1.5	1.25	0.25			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1) và 2.2.2 (§1, chương 1).
1.3	Tương tác của ánh sáng với vật chất trong sinh quyển	1.5	1.25	0.25			
1.4	Tương tác của ánh sáng với vật chất trong thạch quyển	1.5	1.25	0.25			
Chương 2: Đặc trưng phổ phản xạ của các đối tượng tự nhiên							
2.1	Khái niệm về đặc trưng phản xạ phổ	1.5	1.25	0.25	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 2) và 2.2.2 (§2, chương 1).
2.2	Đặc trưng phản xạ phổ của thực vật	1.5	1.25	0.25			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 2) và 2.2.2 (§3, chương 1).
2.3	Đặc trưng phản xạ phổ của đất	1.5	1.25	0.25			
2.4	Đặc trưng phản xạ phổ của nước	1.5	1.25	0.25			
Chương 3: Một số yếu tố ảnh hưởng tới đặc trưng phổ phản xạ của các đối tượng tự nhiên							
3.1	Ảnh hưởng của yếu tố không gian – thời gian	2.4	2	0.4	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1), 2.2.2 (chương 7) và 2.3.4 (chương 1-2).
3.1.1	Yếu tố thời gian	1.2	1	0.2			
3.1.2	Yếu tố không gian	1.2	1	0.2			
3.2	Ảnh hưởng của khí quyển	3.6	3	0.6			– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 1)
3.2.1	Hiện tượng tán xạ	1.2	1	0.2			
3.2.2	Hiện tượng hấp thụ	1.2	1	0.2			
3.2.3	Độ dài bước sóng	1.2	1	0.2			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
							và 2.2.2 (chương 7).
Chương 4: Xây dựng thư viện phổ của các đối tượng tự nhiên							
4.1	Thiết bị đo phổ phản xạ	3	3	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 3), 2.2.2 (chương 2) và 2.3.1.
4.1.1	Máy đo phổ cầm tay	1	1	0			
4.1.2	Máy đo phổ đặt trên UAV	1	1	0			
4.1.3	Phần mềm đọc phổ	1	1	0			
4.2	Cách đo phổ phản xạ	9	0	9			
4.2.1	Đo phổ của thực vật (đo cây thấp, đo cây cao, đo trong phòng thí nghiệm)	1.8	0	1.8			
4.2.2	Đo phổ của nước (đo nước trong, đo nước đục, đo theo độ sâu)	1.8	0	1.8			
4.2.3	Đo phổ của đất (chọn loại đất, chọn trạng thái của đất)	1.8	0	1.8			
4.2.4	Đo phổ của đá và khoáng vật (chọn loại đá, chọn loại khoáng vật, chọn trạng thái đá, đo trong phòng thí nghiệm)	1.8	0	1.8			
4.2.5	Xây dựng thư viện phổ (vẽ đường cong phổ, so sánh với mẫu trên ảnh vệ tinh)	1.8	0	1.8			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
Chương	Mục				
1	1.1	5	5	3	3
	1.2	5	5	3	3
	1.3	5	5	3	3
	1.4	5	5	3	3
2	2.1	5	5	3	3
	2.2	5	5	3	3

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
Chương	Mục				
	2.3	5	5	3	3
	2.4	5	5	3	3
3	3.1	3	3	5	5
	3.2	5	3	5	5
4	4.1	3	3	5	5
	4.2	3	3	5	5

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.25. THỰC ĐỊA CƠ SỞ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Thực địa Cơ sở địa lí tự nhiên

1.2. Mã học phần: GEOG 133G

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Cơ sở Địa lí tự nhiên 1, 2, 3.

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Quyết Chiến	0972632868	chienhnue@gmail.com
2	Bùi Thị Thanh Dung	0942976888	buithanhdung83@gmail.com
3	Vũ Thị Hằng	0916055402	hangvuth76@gmail.com
4	Nguyễn Thị Thu Hiền	0979029269	ng.hiensp@gmail.com
5	Đặng Thị Huệ	0962212899	huedialy@gmail.com
6	Đào Ngọc Hùng	0915541169	daongochung69@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Kim Chương và nnk (2004), *Địa lí tự nhiên đại cương 3: Thổ nhưỡng – Sinh quyển và Cảnh quan*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Phùng Ngọc Đình (Chủ biên, 1998), *Thực hành ngoài trời các thành phần tự nhiên*, NXB Giáo dục.

2.2.3. Nguyễn Trọng Hiếu, Phùng Ngọc Đình (2004), *Địa lí tự nhiên đại cương 1: Trái Đất và Thạch quyển*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.4. Đào Ngọc Hùng (2012), *Các bản đồ của các thành phần tự nhiên tại thành phố Lạng Sơn*, Từ đề tài cấp trường “Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thực địa địa chất tại thành phố Lạng Sơn”, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu, khảo sát ngoài trời các thành phần tự nhiên của lớp vỏ địa lí.

MT 2: Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng về khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các kiến thức về khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được nội dung cơ bản về công tác khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên (kế hoạch, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp thu thập, xử lý thông tin, viết báo cáo thu hoạch và trình bày kết quả nghiên cứu,...).

CDR 3: Vận dụng được kiến thức về công tác khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của ĐLTN nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng kiến thức về công tác khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về công tác khảo sát, thực địa các thành phần tự nhiên vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo	x	x	x	x	x
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x	x		
MT 2	x	x	x		
MT 3	x			x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương/nội dung	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết ngoài thực địa		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Nội dung 1. Công tác chuẩn bị và nghiên cứu lí thuyết	1	0.13	2	0	20
Nội dung 2. Thực địa, khảo sát ngoài trời các thành phần tự nhiên	2-13	1.6	0	24	20
Nội dung 3. Hoàn thiện kết quả khảo sát thực địa và viết báo cáo tổng kết	14-15	0.27	0	4	20
Tổng	15	2	2	28	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Nội dung 1. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ VÀ NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT							
1.1	Chuẩn bị và kiểm tra các dụng cụ, thiết bị đo vẽ ngoài thực	0.5	0.5	0	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học	– Đọc tài liệu 2.2.2.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
	địa.					tập theo nhóm.	
1.2	Xác định mục đích, yêu cầu và nội dung đợt thực địa.	0.5	0.5	0	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2.
1.3	Giới thiệu chung về khu vực khảo sát, thực địa.	0.5	0.5	0	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.4.
1.4	Trình bày kế hoạch chi tiết, phương pháp và công tác tổ chức thực địa.	0.5	0.5	0	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 và 2.2.4.
1.5	Nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung khảo sát, thực địa.	1	1	0	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3 và 2.2.4.
Nội dung 2. THỰC ĐỊA, KHẢO SÁT NGOÀI TRỜI CÁC THÀNH PHẦN TỰ NHIÊN							
2.1	Khảo sát địa chất – địa hình	8	0	8	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về địa chất – địa hình nhằm tìm hiểu và thu thập thông tin ngoài thực địa. – Tổ chức vận dụng phương pháp nghiên cứu ngoài thực địa trong học tập.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2, 2.2.3 và 2.2.4.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.2	Khảo sát khí hậu – thủy văn	8	0	8	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về khí hậu – thủy văn nhằm tìm hiểu và thu thập thông tin ngoài thực địa. – Tổ chức vận dụng phương pháp nghiên cứu ngoài thực địa trong học tập.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 và, 2.2.3 và 2.2.4.
2.3	Khảo sát thổ nhưỡng – sinh vật	8	0	8	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về thổ nhưỡng – sinh vật nhằm tìm hiểu và thu thập thông tin ngoài thực địa. – Tổ chức vận dụng phương pháp nghiên cứu ngoài thực địa trong học tập.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 và, 2.2.3 và 2.2.4.
Nội dung 3. HOÀN THIẾT KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC ĐỊA VÀ VIẾT BÁO CÁO TỔNG KẾT							
3.1	Chỉnh lí và hoàn thiện các kết quả khảo sát, thực địa.	2	0	2	Kế hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3 và 2.2.4.
3.2	Lập đề cương báo cáo tổng kết	1	0	1			
3.3	Viết báo cáo tổng kết	1	0	1			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Nội dung	Mục					
1	1.1	2	5	5	4	4

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Nội dung	Mục					
	1.2	2	5	5	4	4
	1.3	2	5	5	4	4
	1.4	2	5	5	4	4
	1.5	2	5	5	4	4
2	2.1	2	5	5	4	4
	2.2	2	5	5	4	4
	2.3	2	5	5	4	4
3	3.1	2	5	5	4	4
	3.2	2	5	5	4	4
	3.3	2	5	5	4	4

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	30
Đánh giá chuyên cần	30
Bài tập, tiểu luận	0
Kiểm tra giữa kì	0
Kiểm tra cuối kì	70

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	30	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn cơ sở ĐLTN và PPNC Khoa học địa lí vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		
	Kiểm tra cuối kì	70		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	30		
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		
	Kiểm tra cuối kì	70		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	30		
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Kiểm tra cuối kì	70		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	30		
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		
	Kiểm tra cuối kì	70		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	30		
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		
	Kiểm tra cuối kì	70		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

– Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi và tích cực, chủ động hoàn thiện các nhiệm vụ học tập: 30 điểm (nếu không tích cực, không chủ động chỉ được 20 điểm).

– Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 15 điểm (nếu không tích cực, không chủ động chỉ được 10 điểm).

– Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được viết báo cáo thu hoạch).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập: không

c. Kiểm tra giữa kì: không

d. Thi kết thúc học phần

– Hình thức: Báo cáo thu hoạch (tự luận).

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: được 100% số điểm; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: được tối đa 50% số điểm; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA

TS. Đỗ Văn Thanh

3.26. THỰC ĐỊA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Thực địa Lịch sử và Địa lí

1.2. Mã học phần: HISGEO 318

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Không

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Lịch sử và khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1			
2			
3	Nguyễn Tường Huy	0948342482	huynguyen.hnue@gmail.com
4	Đào Ngọc Hùng	0915541169	daongochung69@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Phùng Ngọc Đĩnh (1998), *Thực hành ngoài trời các thành phần tự nhiên*, NXB Giáo dục.

2.2.2. Đặng Duy Lợi (Chủ biên, 2015), *Địa lí tự nhiên Việt Nam (phần khái quát)*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Nguyễn Viết Thịnh, Nguyễn Thị Kim Chương (2007), *Giáo trình khảo sát tổng hợp về tự nhiên và kinh tế – xã hội*, NXB Đại học Sư phạm.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên cứu, khảo sát ngoài thực địa về Lịch sử và Địa lí.

MT 2: Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng về khảo sát, thực địa Lịch sử và Địa lí trong học tập, nghiên cứu chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các kiến thức về khảo sát, thực địa Lịch sử - Địa lí trong Chương trình môn Lịch sử - Địa lí ở trường THCS và trong sự phát triển của khoa học Lịch sử, Địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được nội dung cơ bản về công tác khảo sát, thực địa Lịch sử và Địa lí (kế hoạch, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp thu thập, xử lý thông tin, viết báo cáo thu hoạch và trình bày kết quả nghiên cứu,...).

CDR 3: Vận dụng được kiến thức về công tác khảo sát, thực địa Lịch sử và Địa lí trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về khảo sát, thực địa Lịch sử và Địa lí trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông; vận dụng kiến thức về công

tác khảo sát, thực địa Lịch sử và Địa lí để giải thích được các nội dung địa lí trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về công tác khảo sát, thực địa vào dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường THCS.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo	x	x	x	x	x
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	X	X	X		
MT 2	X	X	X		
MT 3	X			X	X

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương/nội dung	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết ngoài thực địa		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Nội dung 1. Lập kế hoạch và nghiên cứu lí thuyết	1	0.13	2	0	20
Nội dung 2. Nghiên cứu, khảo sát trên địa bàn thực địa	2 – 13	1.6	0	24	20
Nội dung 3. Hoàn thiện kết quả nghiên cứu và viết báo cáo tổng kết	14 – 15	0.27	0	4	20
Tổng cộng (tiết)	15	2	2	28	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Nội dung 1. LẬP KẾ HOẠCH VÀ NGHIÊN CỨU LÝ THUYẾT							
1.1	Xây dựng kế hoạch thực địa	0.5	0.5	0	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân với học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.2.4.
1.2	Nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung, địa bàn khảo sát, thực địa	1	1	0	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân với học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 và 2.2.3.
1.3	Chuẩn bị và kiểm tra các dụng cụ, thiết bị đo vẽ, khảo sát ngoài thực địa	0.5	0.5	0	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân với học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.2.4.
Nội dung 2. NGHIÊN CỨU, KHẢO SÁT TRÊN ĐỊA BÀN THỰC ĐỊA							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.1	Xác định tuyến và điểm nghiên cứu, khảo sát	2	0	2	– Kết hợp phương pháp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm. – Phương pháp sử dụng bản đồ và GPS ngoài thực địa.	– Kết hợp phương pháp học tập cá nhân với học theo nhóm. – Sử dụng bản đồ và GPS ngoài thực địa.	– Đọc tài liệu 2.2.2 và 2.2.3. – Xác định các tuyến và điểm khảo sát thực địa trên bản đồ hành chính và bản đồ địa hình. – Tuyến thực địa dự kiến: Hà Nội – Quảng Bình – Đà Nẵng (thay đổi theo năm học).
2.2	Phân tích các quy luật phân hoá không gian của thành phần và cảnh quan tự nhiên	8	0	8			– Đọc tài liệu 2.2.2 và 2.2.3. – Quan sát, phân tích quy luật thay đổi các thành phần và cảnh quan tự nhiên (theo tuyến thực địa). – Phân tích nguyên nhân, biểu hiện của các quy luật phân hoá không gian. – Phân tích mối quan hệ giữa các quy luật phân hoá không gian của tự nhiên.
2.3	Vẽ và phân tích lát cắt cảnh quan tự nhiên trên địa bàn nghiên cứu	8	0	8			– Đọc tài liệu 2.2.2 và 2.2.3. – Vẽ và phân tích các lát cắt theo chiều bắc nam, đông tây và theo độ cao địa hình. – Xác định khái quát các kiểu cảnh quan của khu vực.
2.4	Xác định ranh giới và đơn vị phân vùng địa lý tự nhiên	4	0	4			– Đọc tài liệu 2.2.2 và 2.2.3. – Nhận biết và xác định ranh giới trong sự phân hoá tự nhiên khu vực.

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
							– Chỉ rõ các đơn vị phân vùng ĐLTN trên địa bàn nghiên cứu.
2.5	Những thuận lợi và khó khăn về ĐLTN và TNTN	2	0	2			– Đọc tài liệu 2.2.2 và 2.2.3. – Phân tích những thuận lợi và khó khăn về ĐKTN và TNTN đối với vấn đề khai thác, sử dụng tự nhiên khu vực. – Xác định những yêu cầu/giải pháp nhằm khai thác, SDHL lãnh thổ.
Nội dung 3. HOÀN THIỆN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO TỔNG KẾT							
3.1	Bổ sung và xử lý số liệu, tài liệu	2	0	2	Kết hợp thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm.	– Kết hợp phương pháp học tập cá nhân với học theo nhóm. – Vận dụng các PPNC của Khoa học địa lí.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3 và 2.2.4.
3.2	Xây dựng đề cương báo cáo	1	0	1			
3.3	Viết báo cáo thu hoạch	1	0	1			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Nội dung	Mục					
1	1.1	2	5	5	4	4
	1.2	2	5	5	4	4
	1.3	2	5	5	4	4
2	2.1	2	5	5	4	4
	2.2	2	5	5	4	4
	2.3	2	5	5	4	4
	2.4	2	5	5	4	4
	2.5	2	5	5	4	4
3	3.1	2	5	5	4	4

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Nội dung	Mục					
	3.2	2	5	5	4	4
	3.3	2	5	5	4	4

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	30
Đánh giá chuyên cần	30
Bài tập, tiểu luận	0
Kiểm tra giữa kì	0
Kiểm tra cuối kì	70

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	30	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn cơ sở ĐLTN và PPNC Khoa học địa lí vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		
	Kiểm tra cuối kì	70		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	30		
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		
	Kiểm tra cuối kì	70		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	30		
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		
	Kiểm tra cuối kì	70		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	30		
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		
	Kiểm tra cuối kì	70		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	30		
	Bài tập	0		
	Kiểm tra giữa kì	0		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
	Kiểm tra cuối kì	70		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

– Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi và tích cực, chủ động hoàn thiện các nhiệm vụ học tập: 30 điểm (nếu không tích cực, không chủ động chỉ được 20 điểm).

– Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 15 điểm (nếu không tích cực, không chủ động chỉ được 10 điểm).

– Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được viết báo cáo thu hoạch).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập: không

c. Kiểm tra giữa kì: không

d. Thi kết thúc học phần

– Hình thức: Báo cáo thu hoạch (tự luận).

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: được 100% số điểm; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: được tối đa 50% số điểm; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.27. THỰC ĐỊA ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI TỔNG HỢP

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Thực địa địa lý kinh tế – xã hội tổng hợp

1.2. Mã học phần: GEOG 429G

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam 2.

1.5. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Địa lý Kinh tế – Xã hội, Khoa Địa lý

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tường Huy	0948342482	tuonghuy@hnue.edu.vn
2	Nguyễn Đăng Chung	0977867871	chungdiali@yahoo.com.vn
3	Nguyễn Khắc Anh	0913088956	khacanhhnue@gmail.com
4	Vũ Thị Mai Hương	0977011976	huongvmh@gmail.com
5	Tô Thị Hồng Nhung	0989745675	tohongnhungnt@gmail.com
6	Ngô Thị Hải Yến	0912495111	ngothihaiyen1976@gmail.com
7	Lê Mỹ Dung	0907681987	dungle128@yahoo.com.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Bộ môn Địa lý Kinh tế – Xã hội, Khoa Địa lý – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, *Chương trình thực địa địa lý kinh tế – xã hội tổng hợp tại địa bàn Quảng Ninh – Hải Phòng.*

2.2.2. Nguyễn Viết Thịnh và Nguyễn Thị Kim Chương (2007), *Giáo trình khảo sát tổng hợp về tự nhiên và kinh tế – xã hội*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Nguyễn Viết Thịnh và Đỗ Thị Minh Đức (2003), *Giáo trình Địa lý Kinh tế – Xã hội Việt Nam Tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.4. Đỗ Thị Minh Đức (Chủ biên), Nguyễn Viết Thịnh, Vũ Như Vân (2012), *Giáo trình Địa lý Kinh tế – Xã hội Việt Nam Tập 2*, NXB Đại học Sư Phạm

2.2.5. Lê Thông – Nguyễn Quý Thao (đồng Chủ biên) và nnk (2013), *Việt Nam – Các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2.6. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (2005), *Địa lý kinh tế – xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh: <https://www.quangninh.gov.vn>

2.3.2. Cổng thông tin điện tử thành phố Móng Cái: <https://mongcai.gov.vn>

2.3.3. Cổng thông tin điện tử thành phố Hạ Long: www.halongcity.gov.vn

2.3.4. Cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng: www.haiphong.gov.vn

2.3.5. Du lịch đảo Cát Bà: <https://dulichdaocatba.com.vn>

2.3.6. Tập đoàn công nghiệp than và khoáng sản Việt Nam: www.vinacomin.vn

2.3.7. Vịnh Hạ Long: www.halongbay.com.vn

2.3.8. Vườn quốc gia Cát Bà: www.vuonquocgiacatba.com.vn

2.3.9. Tổng cụ Thống kê: <https://www.gso.gov.vn/>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Vận dụng được những kiến thức cốt lõi về địa lí kinh tế – xã hội để nhận diện và định hướng giải quyết các vấn đề của tổ chức lãnh thổ kinh tế – xã hội, bao gồm các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội, tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội, tài nguyên và môi trường của địa bàn thực địa.

MT 2: Vận dụng được các phương pháp, các kĩ năng sử dụng và các công cụ nghiên cứu để thu thập, xử lí và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày được kết quả nghiên cứu về tổ chức lãnh thổ kinh tế – xã hội của địa bàn thực địa.

MT 3: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng môn học để giảng dạy những nội dung về địa lí kinh tế – xã hội nói chung, địa lí địa phương và những chuyên đề liên quan nói riêng trong Chương trình giáo dục phổ thông.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Trình bày được những nhận thức chung về đợt thực địa bao gồm mục đích và yêu cầu, địa bàn thực địa và nội dung nghiên cứu, phương pháp và kĩ năng nghiên cứu, phương pháp và kĩ năng viết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu thực địa.

CDR 2: Vận dụng được những kiến thức cốt lõi về địa lí kinh tế – xã hội để nhận diện và định hướng giải quyết các vấn đề của tổ chức lãnh thổ kinh tế – xã hội, bao gồm các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội, tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với các vấn đề xã hội, tài nguyên và môi trường của địa bàn nghiên cứu.

CDR 3: Vận dụng được các phương pháp, các kĩ năng sử dụng và các công cụ nghiên cứu để thu thập, xử lí và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày được kết quả nghiên cứu về tổ chức lãnh thổ kinh tế – xã hội của địa bàn nghiên cứu.

CDR 4: Vận dụng được những kiến thức của môn học để xác định và giải thích những nội dung về tìm hiểu địa lí địa phương và những chuyên đề liên quan trong Chương trình giáo dục phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được những kiến thức và kĩ năng môn học để giảng dạy những nội dung về địa lí kinh tế – xã hội nói chung, địa lí địa phương và những chuyên đề liên quan nói riêng trong Chương trình giáo dục phổ thông.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh				x	x
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học				x	x
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	x	x	x	x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
2.3. Năng lực lãnh đạo	x	x	x	x	x
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	x	x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	x	x	x	x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	x	x	x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội	x	x	x	x	x
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn		x	x		
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x		
MT 2	x	x	x	x	x
MT 3	x	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Nhận thức chung về thực địa địa lí kinh tế – xã hội tổng hợp (công việc chuẩn bị trước thực địa)	1	0.13	2	0	4

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 2: Những nội dung nghiên cứu về địa lí kinh tế – xã hội tổng hợp trên địa bàn thực địa (công việc trên địa bàn thực địa)	2 – 14	1.66	0	25	50
Chương 3: Báo cáo và đánh giá kết quả thực địa địa lí kinh tế – xã hội tổng hợp (công việc sau thực địa)	15	0.21	0	3	6
Tổng cộng (tiết)	15	2	2	28	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: NHẬN THỨC CHUNG VỀ THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI TỔNG HỢP							
1.1	Mục đích và yêu cầu của đợt thực địa	0.4	0.4	0	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức và kỹ năng thực địa địa lí kinh tế – xã hội tổng hợp trong học tập và thực tiễn.	Phương pháp học tập cá nhân: nghe giảng, ghi chép, tự học, tương tác với giảng viên.	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.2.6.
1.2	Khái quát về địa bàn thực địa và các nội dung của đợt thực địa	0.4	0.4	0			
1.3	Các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu được áp dụng ngoài thực địa	0.4	0.4	0			
1.4	Hướng dẫn cách viết báo cáo kết quả nghiên cứu thực địa	0.4	0.4	0			
1.5	Nội quy và công tác tổ chức thực địa	0.4	0.4	0			
Chương 2: NHỮNG NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI TỔNG HỢP TRÊN ĐỊA BÀN THỰC ĐỊA							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
2.1	Quan sát các đối tượng địa lí kinh tế – xã hội trên tuyến Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh	5	0	5	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Hướng dẫn sinh viên vận dụng kiến thức và kĩ năng địa lí kinh tế – xã hội để quan sát, phân tích và giải thích sự phân bố các đối tượng địa lí kinh tế – xã hội.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (tự học, quan sát, nghe giảng, tương tác với giảng viên, ghi chép) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.6, 2.2.5; thu thập các dữ liệu liên quan trên các trang mạng; quan sát, tương tác với giảng viên và ghi chép.
2.2	Nghiên cứu tổ chức lãnh thổ ngành than và các vấn đề kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường tại Cẩm Phả	5	0	5			
2.3	Nghiên cứu ý nghĩa của vị trí địa lí, vấn đề chủ quyền quốc gia, hoạt động nghề cá, thương mại, du lịch và giao thông và những vấn đề liên quan tại Móng Cái	5	0	5	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về địa lí kinh tế – xã hội vào từng địa bàn thực địa cụ thể.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (tự học, quan sát, nghe giảng, tương tác với giảng viên, báo cáo viên và người dân địa phương, ghi chép) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.6, 2.2.3, 2.2.4, 2.2.5; thu thập các dữ liệu liên quan trên các trang mạng; quan sát, tương tác với giảng viên, báo cáo viên và người dân; ghi chép.
2.4	Nghiên cứu cảng Cái Lân và vai trò của cảng, tổ chức lãnh thổ du lịch và các vấn đề đặt ra tại	5	0	5			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
	Hạ Long và vịnh Hạ Long.						
2.5	Nghiên cứu kinh tế đảo, phát triển kinh tế và bảo tồn đa dạng sinh học tại Cát Bà – Hải Phòng.	5	0	5			
Chương 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC ĐỊA ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI TỔNG HỢP							
3.1	Báo cáo kết quả thực địa	2	0	2	Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân với học theo nhóm.	– Hoàn thành báo cáo kết quả thực địa theo yêu cầu – Trình bày kết quả thực địa
3.2	Đánh giá kết quả thực địa	0.5	0	0.5			
3.3	Tổng kết, rút kinh nghiệm	0.5	0	0.5			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	1	5	5	3	3
	1.2	1	5	5	3	3
	1.3	1	5	5	3	3
	1.4	1	5	5	3	3
	1.5	1	5	5	3	3
2	2.1	1	5	5	3	3
	2.2	1	5	5	3	3
	2.3	1	5	5	3	3
	2.4	1	5	5	3	3
	2.5	1	5	5	3	3
	2.6	1	5	5	3	3
3	3.1	1	5	5	3	3
	3.2	1	5	5	3	3
	3.3	1	5	5	3	3

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Đánh giá tinh thần, thái độ	10
Kiểm tra cuối kì	80

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức và kỹ năng thực địa địa lý kinh tế – xã hội tổng hợp trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (tự học, quan sát, nghe giảng, tương tác với giảng viên, báo cáo viên và người dân địa phương, ghi chép) với học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi thực địa đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi thực địa: 0 điểm (phải đi thực địa lại).

b. Yêu cầu đối với báo cáo

– Về nội dung: Báo cáo phải có cấu trúc hợp lý, thể hiện được những nội dung nghiên cứu trong đợt thực địa, vận dụng được những kiến thức đã được học để phân tích và lý giải các vấn đề địa lý kinh tế – xã hội trên địa bàn thực địa.

– Về hình thức và dung lượng: Báo cáo được đánh máy với dung lượng từ 20 – 25 trang, khổ giấy A4, kiểu chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, dẫn dòng *Multiple* 1.3, có tài liệu tham khảo và trích dẫn đầy đủ.

– Chỉ nhận những báo cáo đảm bảo quy định về nội dung, hình thức và dung lượng.

– Sinh viên nộp báo cáo quá hạn dưới 3 ngày trừ 20% số điểm, quá hạn từ 3 – 5 ngày trừ 50% số điểm, quá hạn trên 5 ngày trừ 100% số điểm.

c. Đánh giá kết quả báo cáo thực địa

– Sản phẩm mỗi sinh viên phải nộp: Nhật ký thực địa và Báo cáo thực địa.

– Sản phẩm được đánh giá theo thang điểm 10 và dựa trên các tiêu chí: nội dung báo cáo (cơ sở lý luận, phương pháp và kết quả nghiên cứu) (50%), tính sáng tạo và phản biện (15%), cấu trúc, tài liệu tham khảo và trích dẫn (15%), văn phong và trình bày (10%), nội dung ghi chép nhật ký thực địa (10%). Báo cáo sao chép của người khác hoặc đạo văn sẽ không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.28. THỰC ĐỊA ĐỊA LÝ KINH TẾ – XÃ HỘI CHUYÊN ĐỀ

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Thực địa địa lý kinh tế – xã hội chuyên đề

1.2. Mã học phần: GEOG 499G

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Địa lý Kinh tế – Xã hội Việt Nam 1: Phần khái quát

1.5. Bộ môn phụ trách: Khoa Địa lý

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Tường Huy	0948342482	huynguyennhuc@gmail.com
2	Nguyễn Đăng Chung	0977867871	chungdiali@yahoo.com.vn
3	Nguyễn Khắc Anh	0913088956	khacanhnhuc@gmail.com
4	Vũ Thị Mai Hương	0977011976	huongvmh@gmail.com
5	Tô Thị Hồng Nhung	0989745675	tohongnhungnt@gmail.com
6	Ngô Thị Hải Yến	0912495111	ngothihaiyen1976@gmail.com
7	Lê Mỹ Dung	0907681987	dungle128@yahoo.com.vn

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Bộ môn Địa lý Kinh tế – Xã hội, *Chương trình thực địa địa lý kinh tế – xã hội chuyên đề tại địa bàn Hoà Bình – Sơn La*.

2.2.2. Nguyễn Viết Thịnh và Nguyễn Thị Kim Chương (2007), *Giáo trình khảo sát tổng hợp về tự nhiên và kinh tế – xã hội*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.3. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (2005), *Địa lý kinh tế – xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Báo Hoà Bình điện tử www.baohoabinh.com.vn

2.3.2. Báo Sơn La điện tử www.baosonla.org.vn

2.3.3. Cam Cao Phong <https://camcaophong.com>

2.3.4. Công ty thủy điện Hoà Bình www.thuydienhoabinh.vn

2.3.5. Cổng thông tin điện tử tỉnh Hoà Bình <https://www.hoabinh.gov.vn>

2.3.6. Cổng thông tin điện tử tỉnh Sơn La www.baosonla.org.vn

2.3.7. Du lịch Mai Châu www.maichautrip.com, www.maichautourist.com

2.3.8. Du lịch Mộc Châu <https://dulichmocchau.org>

2.3.9. UBND huyện Cao Phong www.caophong.hoabinh.gov.vn

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về địa lý kinh tế – xã hội (nhất là cơ sở địa lý kinh tế – xã hội và địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam).

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về địa lý kinh tế – xã hội đã học trong nhà trường để nhận diện và giải quyết các vấn đề của tổ chức lãnh thổ kinh tế – xã hội tổng hợp, tổ

chức lãnh thổ các ngành kinh tế, mối quan hệ giữa tài nguyên – môi trường, dân cư và sự phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn thực địa.

MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về địa lí kinh tế – xã hội trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo bao gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được những nhận thức chung về đợt thực địa (nhằm mục đích gì, hướng vào những nội dung nào, sử dụng phương pháp nào), tổng quan về địa bàn thực địa (gồm thành phố Hoà Bình, huyện Mai Châu, huyện Cao Phong, huyện Mộc Châu) và các nội dung thực địa chuyên đề (gồm sản xuất chè, sản xuất sữa, trồng hoa, trồng cam, phát triển thủy điện, phát triển du lịch).

CDR 3: Vận dụng được các kiến thức về địa lí kinh tế – xã hội trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí kinh tế – xã hội nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về địa lí kinh tế – xã hội trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng được các kiến thức của địa lí kinh tế – xã hội để giải thích các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về địa lí kinh tế – xã hội vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội		x	x		
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn		x	x		
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x		
MT 2	x	x	x		
MT 3	x			x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Nhận thức chung về thực địa địa lí kinh tế – xã hội chuyên đề (công việc chuẩn bị trước thực địa)	1	0.13	2	0	4
Chương 2: Những nội dung cần tìm hiểu trong đợt thực địa địa lí kinh tế – xã hội chuyên đề (công việc trên địa bàn thực địa)	2 – 14	1.66	0	25	50
Chương 3: Báo cáo và đánh giá kết quả thực địa địa lí kinh tế – xã hội chuyên đề (công việc sau thực địa)	15	0.21	0	3	6
Tổng cộng (tiết)	15	2	2	28	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: NHẬN THỨC CHUNG VỀ THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI CHUYÊN ĐỀ							
1.1	Giới thiệu mục đích và yêu cầu của đợt thực địa	0.4	0.4	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về thực địa địa lí kinh tế – xã hội chuyên đề vào thực tiễn.	Phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tự học, tương tác với GV)	– Đọc tài liệu 2.2.1 và 2.2.2
1.2	Giới thiệu khái quát về địa bàn thực địa và các nội dung của đợt thực địa	0.4	0.4	0			
1.3	Giới thiệu các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu được áp dụng ngoài thực địa	0.4	0.4	0			
1.4	Hướng dẫn cách xây dựng đề cương và viết báo cáo thực địa	0.4	0.4	0			
1.5	Phổ biến nội quy và công tác tổ chức thực địa	0.4	0.4	0			
Chương 2: NHỮNG NỘI DUNG CẦN TÌM HIỂU TRONG ĐỢT THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI CHUYÊN ĐỀ							
2.1	Tìm hiểu những vấn đề liên quan đến nhà máy thủy điện Hoà Bình	5	0	5	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về địa lí kinh tế – xã hội vào từng địa bàn thực địa cụ thể.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với GV, báo cáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.3 và các tài liệu tham khảo tự chọn
2.2	Tìm hiểu việc tổ chức các hoạt động du lịch cộng đồng ở bản Lác	5	0	5			
2.3	Tìm hiểu việc tổ chức sản xuất, tiêu thụ cam ở Cao Phong	4	0	4			
2.4	Tìm hiểu việc trồng, chế biến và tiêu thụ chè ở Mộc Châu	4	0	4			
2.5	Tìm hiểu việc nuôi bò sữa và chế biến sữa ở Mộc Châu	4	0	4			
2.6	Tìm hiểu việc trồng hoa và tiêu thụ hoa ở Mộc Châu	3	0	3			
Chương 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC ĐỊA ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI CHUYÊN ĐỀ							
3.1	Báo cáo kết quả thực địa	2	0	2			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
3.2	Đánh giá kết quả thực địa	0.5	0	0.5	Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân với học theo nhóm.	
3.3	Tổng kết, rút kinh nghiệm	0.5	0	0.5			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	1	5	5	3	3
	1.2	1	5	5	3	3
	1.3	1	5	5	3	3
	1.4	1	5	5	3	3
	1.5	1	5	5	3	3
2	2.1	1	5	5	3	3
	2.2	1	5	5	3	3
	2.3	1	5	5	3	3
	2.4	1	5	5	3	3
	2.5	1	5	5	3	3
	2.6	1	5	5	3	3
3	3.1	1	5	5	3	3
	3.2	1	5	5	3	3
	3.3	1	5	5	3	3

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Đánh giá tinh thần, thái độ	10
Kiểm tra cuối kì	80

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn cơ sở địa lí kinh tế – xã hội 1 vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi thực địa đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi thực địa: 0 điểm (phải đi thực địa lại).

b. Yêu cầu đối với báo cáo

– Về hình thức: Báo cáo được viết tay hoặc đánh máy; dung lượng khoảng 10 – 15 trang, viết trên khổ giấy A4, font chữ Time New Roman, cỡ chữ 14, dẫn dòng *Multiple* 1.3 (bao gồm cả kênh chữ và kênh hình).

– Về nội dung: Báo cáo phải viết theo đúng cấu trúc đã quy định, phải thể hiện được đầy đủ những nội dung thu thập được trong đợt thực địa, đánh giá được các hiện tượng dựa vào lí thuyết đã học trong nhà trường.

– Chỉ nhận những báo cáo đúng dung lượng và đúng cấu trúc đã quy định.

– Sinh viên nộp quá hạn dưới 3 ngày trừ 20% số điểm, quá hạn từ 3 – 5 ngày trừ 50% số điểm, quá hạn trên 5 ngày trừ 100% số điểm.

c. Đánh giá kết quả báo cáo

- Sản phẩm mỗi sinh viên phải nộp: Nhật kí thực địa và Báo cáo thực địa.
- Sản phẩm được đánh giá theo thang điểm 10 và dựa trên các tiêu chí:
 - + Nội dung báo cáo (cơ sở lí luận, phương pháp và kết quả nghiên cứu) (50%).
 - + Tính sáng tạo và phản biện (15%).
 - + Bố cục, tài liệu tham khảo và trích dẫn (15%).
 - + Văn phong và trình bày (10%).
 - + Nội dung ghi chép nhật kí thực địa (10%).

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.29. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Địa lí địa phương

1.2. Mã học phần: GEOG 434G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: Khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Đoàn Thị Thanh Phương	0983313297	thanhphuong77@gmail.com
2	Ngô Thị Hải Yến	0983733969	yenppdl@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Lê Huỳnh, Nguyễn Minh Tuệ (1999), *Địa lí địa phương*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Nguyễn Quang Ân (2010), *Địa chí Thái Bình*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

2.3.2. Lê Bá Thảo (1968), *Phương pháp nghiên cứu về giảng dạy Địa lí địa phương* (tập 1, 2), Hà Nội.

2.3.3. Nguyễn Viết Thịnh (2019), *Địa lí Hà Nội*, NXB Hà Nội, Hà Nội.

2.3.4. Lê Thông (Chủ biên), Lê Huỳnh, Nguyễn Minh Tuệ (2002), *Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

2.4. Website

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Xác định được phương pháp khảo sát và nghiên cứu Địa lí địa phương, dạy học Địa lí địa phương.

MT 2: Vận dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và khảo sát địa lí địa phương để biên soạn tài liệu địa lí địa phương cấp tỉnh.

MT 3: Rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý tài liệu địa lí địa phương và phương pháp dạy học Địa lí địa phương theo chương trình quy định ở trường phổ thông.

MT 4: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc, cần cù ham học, tự rèn luyện.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CĐR 1: Trình bày được những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu Địa lí địa phương.

CĐR 2: Vận dụng hiệu quả kiến thức đã học để biên soạn tài liệu địa lí địa phương cấp tỉnh.

CĐR 3: Lựa chọn được những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả trong dạy học Địa lí địa phương.

**Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần
với CĐR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần		
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước		x	
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh			
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học			
1.4. Trung thực và đáng tin cậy			x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm			x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	x	x	
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác		x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo			
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	x	x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x
3.2. Năng lực giáo dục	x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội		x	
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp		x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông		x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí		x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn			
4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn			

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3
MT 1	x		
MT 2		x	x
MT 3	x	x	x
MT 4		x	

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, GIẢNG DẠY, VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Quan niệm, mục đích nghiên cứu, nội dung nghiên cứu Địa lí địa phương	1 – 2	0.28	4	0	15
Chương 2: Quan điểm nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu Địa lí địa phương	2 – 5	0.6	6	3	15
Chương 3: Biên soạn địa lí Địa phương cấp tỉnh	5 – 10	1.06	10	6	30
Chương 4: Phương pháp dạy học Địa lí địa phương	10 – 15	1.06	10	6	30
Tổng số		3	30	15	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Mục/bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: QUAN NIỆM, MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG							
1.1.	Quan niệm và mục đích nghiên cứu địa lí địa phương	2	2	0	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tài liệu	Học tập cá nhân: nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.3.2.
1.2.	Nội dung nghiên cứu địa lí địa phương	2	2	0	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tài liệu	Học tập cá nhân: nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.3.2.
Chương 2: QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG							
2.1.	Quan điểm nghiên cứu địa lí địa phương	3	2	1	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm	Kết hợp giữa học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên) và học	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.3.2.

[illegible]

Mục/bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
4.1.	Mục tiêu của việc dạy học Địa lí địa phương	2	2	0	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu tài liệu	Kết hợp giữa học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học) và học theo nhóm	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4, 2.4.
4.2.	Chương trình và nội dung phần Địa lí địa phương ở trường phổ thông	5	3	2	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu tài liệu	Kết hợp giữa học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học) và học theo nhóm	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4, 2.4.
4.3.	Một số quan niệm về dạy học Địa lí địa phương	4	3	1	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu tài liệu	Kết hợp giữa học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học) và học theo nhóm	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4, 2.4.
4.4.	Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Địa lí địa phương ở trường phổ thông	5	2	3	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, thực hành	Kết hợp giữa học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học) và học theo nhóm	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4, 2.4.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3
Chương	Mục			
1	1.1.	2	4	4
	1.2.	2	4	4
2	2.1.	2	4	4
	2.2.	2	4	4
	2.3.	2	4	4
3	3.1.	2	4	4
	3.2.	2	4	4
4	4.1.	2	4	4
	4.2.	2	4	4
	4.3.	2	4	4
	4.4.	2	4	4

Năm bậc đóng góp: nhiều (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá thường xuyên	100%	Thuyết trình, đàm thoại	Học tập cá nhân: nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	30	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu tài liệu, thực hành	Kết hợp giữa học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học) và học theo nhóm, thực hành
	Bài tập	20		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	30		

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	30	Vận dụng kết hợp các phương pháp như: thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, nghiên cứu tài liệu, thực hành	Kết hợp giữa học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, tương tác với giảng viên, tự học) và học theo nhóm, thực hành
	Bài tập	20		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	30		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Sinh viên đi học đầy đủ, nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp bài đúng hạn tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập viết tay hoặc đánh máy
- Chỉ nhận bài tập nộp đúng hạn, sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó

c. Kiểm tra giữa kì/ Thi kết thúc học phần

- Hình thức: thi viết (tự luận)
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp án đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi.; bài có dấu hiệu quay cóp: được không điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.30. HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GIỚI CỦA VIỆT NAM

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam

1.2. Mã học phần: GEOG 431G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: Khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Vũ Thị Mai Hương	0977011976	huongvmh@gmail.com
2	Tô Thị Hồng Nhung	0989745675	tohongnhungtnt@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo

2.2.1. Ban Kinh tế Trung ương Đảng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (2017), Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “*Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam và vai trò của nhà nước kiến tạo trong hoàn thiện thể chế và môi trường kinh doanh*”, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2.2.2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê (2016), Báo cáo “*Năng suất lao động của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*”.

2.2.3. Bộ Ngoại giao (2002), *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hoá: Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

2.2.4. Phạm Đỗ Chí (2011), *Khi rồng muốn thức dậy loay hoay với mô hình kinh tế sau Đổi mới*, NXB Lao động – Xã hội.

2.2.5. Thomas L.Friedman (2005), *Chiếc Lexus và cây ô liu – Tìm hiểu kĩ nguyên toàn cầu hoá*, NXB Khoa học Xã hội.

2.2.6. Thomas L.Friedman (2006), *Thế giới phẳng – Tóm lược lịch sử thế giới thế kỉ 21*, NXB Trẻ.

2.2.7. Ngân hàng Thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016), *Việt Nam 2035 hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, NXB Hồng Đức.

2.2.8. Porter Michael E. Porter (tác giả) (2009), *Lợi thế cạnh tranh quốc gia*, NXB Trẻ, Nhóm dịch giả Nguyễn Ngọc Toàn, Lương Ngọc Hà, Nguyễn Quế Nga, Lê Thanh Hải.

2.2.9. Tổng cục Thống kê (2019), *Xuất nhập khẩu hàng hoá Việt Nam năm 2018*, NXB Thống kê.

2.2.10. Tổng cục Thống kê (2020), *Động thái và thực trạng kinh tế – xã hội Việt Nam năm 2016 – 2018*, NXB Thống kê.

2.2.11. Tổng cục Thống kê (2020), *Niên giám thống kê Việt Nam 2019*, NXB Thống kê.

2.2.12. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Konrad Adenauer (CHLB Đức) (2016), Kết quả hội thảo quốc tế “*Việt Nam 30 năm Đổi mới: Thành tựu, bài học và triển vọng*”.

2.2.13. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội, Bộ ngoại giao và UNDP (2014), Kỷ yếu hội thảo quốc tế “*Cải cách kinh tế vì tăng trưởng bao trùm và bền vững kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*”, NXB Khoa học Xã hội.

2.2.14. Viện Nghiên cứu Thương mại (2016), Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “*Phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2016 – 2025*”, NXB Công thương.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế (lí thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế, các nguồn lực để Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam) và có kĩ năng phân tích các mối quan hệ kinh tế, đánh giá các hiện tượng kinh tế.

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo bao gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế, bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế, các mô hình hội nhập kinh tế quốc tế, các nhân tố thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế, các tác động của hội nhập kinh tế quốc tế, các nguồn lực để Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

CDR 3: Vận dụng được các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí kinh tế – xã hội nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng được các kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế để giải thích các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội					
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn		x	x		
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	x	x	x		
MT 2	x	x	x		
MT 3	x			x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Lí thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế	1 – 3	0.66	10	0	30

Chương 2: Các nguồn lực để Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế	4 – 8	1.00	10	5	30
Chương 3: Thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	9 – 15	1.33	15	5	30
Tổng cộng (tiết)	15	3	35	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: LÝ THUYẾT VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ							
1.1	Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3, 2.2.5 và 2.2.6.
1.2	Bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế	1	1	0			
1.3	Các mô hình hội nhập kinh tế quốc tế	2	2	0			
1.4	Các nhân tố thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế	3	3	0			
1.5	Các tác động của hội nhập kinh tế quốc tế	3	3	0			
Chương 2: CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ VIỆT NAM THAM GIA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ							
2.1	Vị trí địa lý (Tài nguyên vị thế)	2	2	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về các nguồn lực để Việt Nam tham gia hội nhập vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.2.4 và 2.2.8.
2.2	Nguồn lực tự nhiên	3	3	0			
2.3	Nguồn lực con người	8	3	5			
2.4	Cơ chế – Chính sách	2	2	0			
Chương 3: THỰC TRẠNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
3.1	Hoạt động thương mại quốc tế	11	8	3	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	Đọc tài liệu 2.2.9, 2.2.10, 2.2.11 và 2.2.14
3.2	Hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài	9	7	2			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
1	1.1	1	5	5	3	3
	1.2	1	5	5	3	3
	1.3	1	5	5	3	3
	1.4	1	5	5	3	3
	1.5	1	5	5	3	3
2	2.1	1	5	5	3	3
	2.2	1	5	5	3	3
	2.3	1	5	5	3	3
	2.4	1	5	5	3	3
3	3.1	1	5	5	3	3
	3.2	1	5	5	3	3

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn hội nhập kinh tế quốc tế vào thực tiễn Việt Nam.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập trình bày được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.31. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Môi trường và con người

1.2. Mã học phần: GEOG 456G

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Không có

1.5. Bộ môn phụ trách: khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Vũ Thị Hằng	0916055402	hangvuth76@gmail.com
2	Nguyễn Quyết Chiến	0972632868	chienhnue@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1. Lê Văn Khoa (Chủ biên, 2011), Giáo trình Con người và Môi trường, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Trần Văn Nhân (Chủ biên, 2006), Sinh thái học môi trường, NXB Bách khoa, Hà Nội.

2.2.2. Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết (2005), Sinh thái môi trường học cơ bản, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

2.2.3. Lê Huy Bá (Chủ biên, 2006), Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Lê Huy Bá (2009), Môi trường tài nguyên đất Việt Nam, NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3.2. Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết (2005), Sinh thái môi trường ứng dụng, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.3. Trần Đức Hạ (Chủ biên, 2009), Bảo vệ và quản lý tài nguyên nước, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.4. Trương Quang Học (2012), Việt Nam: Thiên nhiên, môi trường và Phát triển bền vững, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.5. Võ Quý (2018), Môi trường và đa dạng sinh học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; có kiến thức, kỹ năng cơ bản về môi trường và con người.

MT 2: Vận dụng được các kiến thức/học vấn về môi trường và con người trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định được vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về môi trường và con người trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh;

Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày và vận dụng được nội dung cơ bản về môi trường, con người trong học tập, nghiên cứu Khoa học địa lí.

CDR 3: Vận dụng được các kiến thức về môi trường và con người trong dạy học Địa lí ở các cấp học và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về môi trường và con người trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học;

CDR 5: Vận dụng kiến thức về môi trường và con người để giải thích được các nội dung trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy					
1.5. Trách nhiệm và tận tâm					
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi					
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo					
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội					
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x
3.4. Năng lực hoạt động xã hội	x	x	x	x	x
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR của học phần

MT/CĐR	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
MT 1	X	X	X	X	X
MT 2	X	X	X		
MT 3	X	X	X		
MT 4				X	X

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Những vấn đề cơ bản về môi trường và con người	1	0.2	3	0	10
Chương 2: Vai trò của các yếu tố môi trường đối với sinh vật	2 – 5	0.6	6	3	15
Chương 3: Hệ sinh thái và chuyển hoá vật chất trong hệ sinh thái	6 – 9	0.6	6	3	10
Chương 4: Tài nguyên môi trường tự nhiên	10 – 13	0.53	6	2	15
Chương 5: Các vấn đề môi trường toàn cầu và ở Việt Nam	14 – 15	0.4	4	2	20
Tổng cộng (tiết)	15	2	25	10	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.1	Môi trường, môi trường sinh thái	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1 và 2.2.2.
1.2	Mối quan hệ và vai trò của môi trường đối với con người	2	2	0	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về môi trường và con người vào học tập và thực tiễn.		– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1 và 2.2.2.
Chương 2: VAI TRÒ CỦA CÁC YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SINH VẬT							
2.1	Vai trò của nhiệt độ và ánh sáng đối với sinh vật	3	2	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1 và 2.2.2.
2.2	Vai trò của nước và độ ẩm đối với sinh vật	3	2	1	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về vai trò của các yếu tố sinh thái vào học tập và thực tiễn.		
2.3	Vai trò của môi trường đất đối với sinh vật	3	2	1			– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1 và 2.2.2.
Chương 3: HỆ SINH THÁI VÀ CHUYỂN HOÁ VẬT CHẤT TRONG HỆ SINH THÁI							
3.1	Khái niệm, cấu trúc, chức năng và tính chất của hệ sinh thái	3	2	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1 và 2.2.2.
3.2	Các quy luật và định luật cơ bản của hệ sinh thái	3	2	1	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về HST và chuyển hoá vật chất trong HST vào học tập và thực tiễn.		
3.3	Sự chuyển hoá vật chất trong hệ sinh thái	3	2	1			
Chương 4: TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN							
4.1	Tài nguyên môi trường đất và vai trò đối với tự nhiên, con người	3	3	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm	– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3 và 2.3.1.
4.2	Tài nguyên môi trường nước và	3	2	1	– Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến		– Đọc tài liệu 2.1.1,

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
	vai trò đối với tự nhiên, con người				thức về tài nguyên, môi trường tự nhiên vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	2.2.3 và 2.3.3.
4.3	Đa dạng sinh học, tài nguyên rừng và vai trò đối với tự nhiên, con người	2	1	1			– Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.3 và 2.3.1.

Chương 5: CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU VÀ Ở VIỆT NAM

5.1	Các vấn đề môi trường toàn cầu	3	2	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về các vấn đề môi trường hiện nay trong vào học tập, nghiên cứu và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 4), 2.2.2 (chương 3) và 2.2.5.
5.2	Các vấn đề môi trường và tai biến thiên nhiên ở Việt Nam	3	2	1			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
1	1.1	5	5	3	3	2
	1.2	5	5	3	3	2
2	2.1	5	5	3	3	2
	2.2	5	5	3	3	2
	2.3	5	5	3	3	2
3	3.1	5	5	3	3	2
	3.2	5	5	3	3	2
	3.3	5	5	3	3	2
4	4.1	5	5	3	3	2
	4.2	5	5	3	3	2
	4.3	5	5	3	3	2
5	5.1	5	5	3	3	2
	5.2	5	5	3	3	2

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
<i>Đánh giá thường xuyên</i>	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
<i>Kiểm tra giữa kì</i>	20
<i>Kiểm tra cuối kì</i>	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn môi trường và con người vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.32. NHỮNG CHỦ ĐỀ LỰA CHỌN VỀ ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Những chủ đề lựa chọn về Địa lí Kinh tế – Xã hội

1.2. Mã học phần:

1.3. Số tín chỉ: 02

1.4. Học phần tiên quyết: Địa lí kinh tế xã hội thế giới 2.

1.5. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Địa lí KTXH, Khoa Địa lí

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Đăng Chúng	0977867871	chungdiali@yahoo.com.vn
2	Nguyễn Khắc Anh	0913088956	khacanhnhue@gmail.com
3	Vũ Thị Mai Hương	0977011976	huongvmh@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (2005), *Địa lí kinh tế – xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

2.2.2. Boniface, P. (2012), *Hiểu thế giới các mối quan hệ quốc tế* (bản dịch của Ngô Hữu Long). NXB Thế giới (2013).

2.2.3. Đỗ Thị Minh Đức (Chủ biên) (2007), *Giáo trình địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam* (Tập 2). NXB Đại học Sư phạm.

2.2.4. Nguyễn Viết Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2005), *Giáo trình Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam* (Tập 1), NXB Giáo dục Việt Nam.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hoà (đồng Chủ biên) (2007), *Phát triển khu vực dịch vụ*, NXB Thống kê.

2.3.2. Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân (đồng Chủ biên) (2008), *Giáo trình kinh tế thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2.3.3. Nguyễn Văn Đình, Trần Thị Minh Hoà (2008), *Giáo trình kinh tế du lịch*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2.2.4. Lê Thông (Chủ biên), 2004. *Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm, 2004.

2.2.5. Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng Chủ biên, 2012), *Việt Nam – Các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội, bao gồm thông tin liên lạc, thương mại, du lịch, các vấn đề toàn cầu, các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam, biển đảo Việt Nam.

MT 2: Vận dụng được những học vấn cơ bản về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội trong học tập, nghiên cứu những lĩnh vực chuyên ngành và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

MT 3: Xác định rõ vai trò, vị trí của các đơn vị kiến thức về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội trong Chương trình môn Địa lí phổ thông và trong sự phát triển của Khoa học địa lí.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Đáp ứng 6 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 về phẩm chất trong chương trình đào tạo bao gồm: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

CDR 2: Trình bày được vấn đề lí luận và thực tiễn phát triển ngành thông tin liên lạc, thương mại, du lịch trên thế giới; vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, bất bình đẳng và nghèo đói toàn cầu, dân số và di dân toàn cầu, an ninh toàn cầu; vấn đề khai thác và quản lí các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam, biển đảo Việt Nam.

CDR 3: Vận dụng được các kiến thức về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội trong học tập, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa lí kinh tế – xã hội nói riêng và Khoa học địa lí nói chung.

CDR 4: Xác định được vị trí của các kiến thức về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội trong Chương trình giáo dục phổ thông các cấp học; vận dụng được các kiến thức của một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội để giải thích các nội dung địa lí trong chương trình môn học ở trường phổ thông.

CDR 5: Vận dụng được các kiến thức về một số chủ đề lựa chọn của địa lí kinh tế – xã hội vào dạy học Địa lí ở các cấp học.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh					
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học					
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm	x	x	x	x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	x	x	x	x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo	x	x	x	x	x
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	x	x	x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	x	x	x	x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học			x	x	x
3.2. Năng lực giáo dục			x	x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh			x	x	x

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần				
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
3.4. Năng lực hoạt động xã hội	x	x	x	x	x
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông	x	x	x	x	x
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x		
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
MT 1	x	x	x		
MT 2	x	x	x		
MT 3	x	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Địa lí một số ngành dịch vụ	1 – 5	0.7	7	3	20
Chương 2: Một số xu hướng và vấn đề toàn cầu	6 – 10	0.7	6	4	20
Chương 3: Khai thác và quản lí các nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam	11 – 13	0.4	4	2	12
Chương 4: Biển đảo Việt Nam	14 – 15	0.3	3	1	8
Tổng cộng (tiết)	15	3	20	10	60

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: ĐỊA LÍ MỘT SỐ NGÀNH DỊCH VỤ							
1.1	Địa lí ngành thông tin liên lạc	3	2	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về địa lí ngành thông tin liên lạc, thương mại, du lịch vào học tập và thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.1 (chương 9) và 2.3.1.
1.2	Địa lí ngành thương mại	3	2	1			
1.3	Địa lí ngành du lịch	4	3	1			
Chương 2: MỘT SỐ XU HƯỚNG VÀ VẤN ĐỀ TOÀN CẦU							
2.1	Toàn cầu hoá, khu vực hoá và hội nhập kinh tế	2	1	1	– Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về một số xu hướng và vấn đề toàn cầu; các công cụ và kĩ năng trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.2 (Phần III). – Thu thập các dữ liệu phù hợp để viết, trình bày và thảo luận một số vấn đề toàn cầu.
2.2	Biến đổi khí hậu toàn cầu	2	1	1			
2.3	Bất bình đẳng và nghèo đói toàn cầu	2	1	1			
2.4	Dân số và di dân toàn cầu	2	1	1			
2.5	An ninh toàn cầu	2	2	0			
Chương 3: KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI VIỆT NAM							
3.1	Tài nguyên và môi trường	2	1	1	– Kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về khai thác và	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương	– Đọc tài liệu 2.2.4. – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về khai thác và quản lí các nguồn lực. – Viết, trình bày và thảo
3.2	Dân cư và lao động	2	1	1			
3.3	Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật	2	2	2			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
					quản lý các nguồn lực; các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	pháp học tập theo nhóm.	luận một số vấn đề liên quan.
Chương 4: BIỂN ĐẢO VIỆT NAM							
4.1	Phát triển kinh tế biển	2	1	1	– Kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và các phương pháp dạy học truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về phát triển kinh tế biển, khai thác và quản lý tổng hợp tài nguyên – môi trường biển đảo và vấn đề chủ quyền biển – đảo của Việt Nam; các công cụ và kỹ năng trong học tập và thực tiễn.	Kết hợp phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học tập theo nhóm.	– Đọc tài liệu 2.2.3 và 2.2.4. – Thu thập và cập nhật các dữ liệu về biển – đảo Việt Nam. – Viết, trình bày và thảo luận một số vấn đề liên quan.
4.2	Khai thác tổng hợp và bảo vệ tài nguyên – môi trường biển đảo	1	1	0			
4.3	Chủ quyền biển đảo	1	1	0			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5
Chương	Mục					
1	1.1	3	5	5	3	3
	1.2	3	5	5	3	3
	1.3	3	5	5	3	3
2	2.1	3	5	5	3	3
	2.2	3	5	5	3	3
	2.3	3	5	5	3	3
	2.4	3	5	5	3	3
	2.5	3	5	5	3	3
3	3.1	3	5	5	3	3

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5
Chương	Mục					
	3.2	3	5	5	3	3
	3.3	3	5	5	3	3
4	4.1	3	5	5	3	3
	4.2	3	5	5	3	3
	4.3	3	5	5	3	3

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn một số chủ đề địa lí kinh tế – xã hội vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CDR 5	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập trình bày được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh

3.33. TƯ DUY KHÔNG GIAN: SỰ HỢP NHẤT GIS QUA CHƯƠNG TRÌNH PHỔ THÔNG

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Tư duy không gian: sự hợp nhất GIS qua chương trình phổ thông

1.2. Mã học phần: GEOG 458G

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phân tiên quyết: Cơ sở GIS và Cơ sở viễn thám.

1.5. Bộ môn phụ trách:

1.6. Giảng viên giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Đặng Vũ Khắc	0912880905	khacdv@hnue.edu.vn
2	Đỗ Văn Thanh	0916461970	thanhcfic@gmail.com
3	Dương Thị Lợi	0387148118	duongloi1710@gmail.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình:

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Roger M. Downs (2006), *Learning to think spatially*. NXB National Academies Press.

2.2.2. John Jensen (2006), *Remote Sensing of the Environment: An Earth Resource Perspective*. NXB Pearson.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Đặng Văn Đức (2001), *Hệ thống thông tin địa lí*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2.3.2. Nguyễn Đình Dương (1998), *Kỹ thuật và các phương pháp viễn thám*, Hà Nội.

2.3.3. Japan Association on Remote Sensing (1994), *Remote sensing note*.

2.3.4. Floyd F. Sabins (2007), *Remote sensing principles and interpretation*. NXB Waveland Pr Inc.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT 1: Giúp sinh viên hiểu được bản chất của tư duy không gian và vận dụng tư duy không gian trong cuộc sống, trong công việc và trong khoa học.

MT 2: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng dạy và học về tư duy không gian, đáp ứng nhu cầu của người học.

MT 3: Trang bị cho sinh viên các công cụ để tư duy: khái niệm về hệ thống hỗ trợ, hệ thống hỗ trợ công nghệ cao cho tư duy không gian

MT 4: Giúp sinh viên nắm bắt các cách thức đánh giá về GIS như hệ thống để hỗ trợ tư duy không gian trong giáo dục phổ thông, GIS như hệ thống cho tư duy không gian và Hỗ trợ tư duy không gian trong tương lai.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CDR 1: Phân tích được các cách tiếp cận tư duy không gian, các chức năng của tư duy không gian, quá trình của tư duy không gian. Vận dụng tư duy không gian trong cuộc sống, trong công việc và trong khoa học.

CDR 2: Giải thích/phân tích những khác biệt về tri thức trong tư duy không gian, sự chuyển đổi của tư duy không gian thành các chủ đề trong chương trình và việc bồi dưỡng tri

thức trong tư duy không gian. Cung cấp những người học có kỹ năng tư duy không gian, Tư duy không gian trong các chuẩn giáo dục quốc gia.

CDR 3: Trang bị các công cụ để tư duy không gian, Các chỉ tiêu chung để thiết kế hệ thống hỗ trợ trong bối cảnh giáo dục phổ thông, Hệ thống hỗ trợ và triển khai về tư duy không gian trong bối cảnh giáo dục phổ thông. Hệ thống công nghệ cao cho hỗ trợ tư duy không gian.

CDR 4: Giúp sinh viên đánh giá về GIS như hệ thống để hỗ trợ tư duy không gian trong giáo dục phổ thông, Thiết kế và triển khai GIS như hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian trong bối cảnh giáo dục phổ thông. Hỗ trợ tư duy không gian trong tương lai

**Ma trận tích hợp giữa CDR học phần
với CDR chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí**

CDR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần			
	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4
1.1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	x	x	x	x
1.2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh				
1.3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học				
1.4. Trung thực và đáng tin cậy	x	x	x	x
1.5. Trách nhiệm và tận tâm			x	x
1.6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	x	x	x	x
2.1. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi			x	x
2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác	x	x	x	x
2.3. Năng lực lãnh đạo				
2.4. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		x	x	x
2.5. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	x	x	x	x
2.6. Năng lực tư duy phản biện	x	x	x	x
3.1. Năng lực dạy học				
3.2. Năng lực giáo dục			x	x
3.3. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh				
3.4. Năng lực hoạt động xã hội				
3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp	x	x	x	x
4.1. Năng lực đặc thù của Khoa học địa lí	x	x	x	x
4.2. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí để giải thích được các nội dung dạy học của Chương trình môn Địa lí trong Chương trình giáo dục phổ thông				
4.3. Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức Khoa học địa lí vào thực tiễn	x	x	x	x
4.4. Năng lực nghiên cứu Khoa học địa lí và Khoa học giáo dục địa lí	x	x	x	x
4.5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x

CĐR chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí	Chuẩn đầu ra học phần			
	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
4.6. Năng lực sử dụng CNTT và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

MT/CDR	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4
MT 1	X	X		
MT 2	X	X	X	
MT 3	X	X	X	
MT 4	X			X

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có HD
			LT	BT/TH	
Chương 1: Bản chất của tư duy không gian	1	0.3	5	0	10
Chương 2: Tư duy không gian trong cuộc sống, trong công việc và trong khoa học	2	0.3	5	0	10
Chương 3: Dạy và học về tư duy không gian	3	0.3	5	0	10
Chương 4: Đáp ứng nhu cầu của người học	4	0.3	5	0	10
Chương 5: Công cụ để tư duy: Khái niệm về hệ thống hỗ trợ	5	0.3	2	3	10
Chương 6: Hệ thống hỗ trợ công nghệ cao cho tư duy không gian	6	0.3	5	0	10
Chương 7: Đánh giá về GIS như hệ thống để hỗ trợ tư duy không gian trong giáo dục phổ thông	7	0.3	5	0	10
Chương 8: GIS như hệ thống cho tư duy không gian	8	0.3	2	3	10
Chương 9: Hỗ trợ tư duy không gian trong tương lai	9	3	5	0	10
Tổng cộng (tiết)	10	3	39	6	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
Chương 1: Bản chất của tư duy không gian							

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
1.1	Giới thiệu	0.5	0.5	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4.
1.2	Các cách tiếp cận tư duy không gian	1	1	0			
1.3	Nguồn thông tin về GIS	1	1	0			
1.4	Sử dụng không gian như là một khung để tìm hiểu	1	1				
1.5	Không gian là nền tảng cho tư duy không gian	0.5	0.5				
1.6	Quá trình của tư duy không gian	1	1				
Chương 2: Tư duy không gian trong cuộc sống, trong công việc và trong khoa học							
2.1	Tư duy không gian trong cuộc sống hàng ngày	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4.
2.2	Tư duy không gian trong công việc	0.5	0.5	0			
2.3	Tư duy không gian trong khoa học	0.5	0.5	0			
2.4	Tư duy không gian trong thiên văn học	1	1	0			
2.5	Tư duy không gian trong khoa học Trái đất	1	1	0			
2.6	Tư duy không gian trong Địa lí	1	1	0			
Chương 3: Dạy và học về tư duy không gian							
3.1	Những khác biệt về tri thức trong tư duy không gian: tác động của kinh nghiệm	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4.
3.2	Thách thức của việc phát triển tri thức trong tư duy không gian	1	1	0			
3.3	Sự chuyển đổi của tư duy không gian thành các chủ đề trong chương trình	2	2	0			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
3.4	Việc bồi dưỡng tri thức trong tư duy không gian	1	1	0	động vận dụng kiến thức.	với giáo viên) với học theo nhóm.	
Chương 4: Đáp ứng nhu cầu của người học							
4.1	Gia tăng nhu cầu về kĩ năng tư duy không gian	1	0	1	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4.
4.2	Cung cấp những người học có kĩ năng tư duy không gian	1	0	1			
4.3	Các xu hướng trong toán học quốc tế và nghiên cứu khoa học	1	0	1			
4.4	Tư duy không gian trong các chuẩn giáo dục quốc gia	1	0	1			
4.5	Tư duy không gian và giáo dục cho thế hệ mai sau	1	0	1			
Chương 5: Công cụ để tư duy: Khái niệm về hệ thống hỗ trợ							
5.1	Bản chất của hệ thống hỗ trợ	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4.
5.2	Chức năng của hệ thống hỗ trợ	0.5	0.5	0			
5.3	Công cụ để tư duy: từ giới hạn đến sức mạnh	0.5	0.5	0			
5.4	Các chỉ tiêu chung để thiết kế hệ thống hỗ trợ trong bối cảnh giáo dục phổ thông	0.5	0.5	0			
5.5	Nhu cầu về hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian	0.5	0.5	0			
5.6	Yêu cầu về hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian	0.5	0.5	0			
5.7	Hệ thống hỗ trợ về tư duy không gian trong bối cảnh giáo dục phổ thông	0.5	0.5	0			
5.8	Triển khai hệ thống hỗ trợ về tư duy không gian	1	1	0			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
	trong bối cảnh giáo dục phổ thông						
Chương 6: Hệ thống hỗ trợ công nghệ cao cho tư duy không gian							
6.1	Hệ thống công nghệ cao cho hỗ trợ tư duy không gian	2	0	2	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4.
6.2	Bản chất và chức năng của GIS	2	0	2			
6.3	Tình trạng hiện thời của GIS	1	0	1			
Chương 7: Đánh giá về GIS như hệ thống để hỗ trợ tư duy không gian trong giáo dục phổ thông							
7.1	Khả năng của GIS như hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4.
7.2	Thiết kế GIS như hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian	2	2	0			
7.3	Triển khai GIS như hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian	1	1	0			
7.4	Các cơ chế để thiết kế lại phần mềm giáo dục GIS	1	1	0			
Chương 8: GIS như hệ thống cho tư duy không gian							
8.1	Khả năng của GIS như hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2,
8.2	Thiết kế GIS như hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian	2	2	0			

Bài/ Mục	Nội dung chính	Số giờ	Phân bố thời gian		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu với sinh viên
			LT	BT/TH			
8.3	Triển khai GIS như hệ thống hỗ trợ cho tư duy không gian	1	1	0	và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	2.3.3, 2.3.4.
8.4	Các cơ chế để thiết kế lại phần mềm giáo dục GIS	1	1	0			
Chương 9: GIS như hệ thống cho tư duy không gian							
9.1	Bản chất và chức năng của tư duy không gian	1	1	0	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giáo viên) với học theo nhóm.	– Đọc và học các tài liệu 2.2.1, 2.2.2, 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.3.4.
9.2	Hỗ trợ tư duy không gian	2	2	0			
9.3	GIS và thách thức với tư duy không gian	1	1	0			
9.4	Ví dụ về việc sử dụng tư duy không gian	1	1	0			

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

Nội dung giảng dạy		CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4
Chương	Mục				
1	1.1	5	5	3	3
	1.2	5	5	3	3
	1.3	5	5	3	3
2	2.1	5	5	3	3
	2.2	5	5	3	3
	2.3	5	5	3	3
	2.4	5	5	3	3
3	3.1	3	3	5	5
	3.2	3	3	5	5
	3.3	3	3	5	5
	3.4	3	3	5	5
	3.5	3	3	5	5

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4
Chương	Mục				
	3.6	3	3	5	5
4	4.1	3	3	5	5
	4.2	3	3	5	5
	4.3	3	3	5	5
	4.4	3	3	5	5
	4.5	3	3	5	5
	4.6	3	3	5	5
5	5.1	3	3	5	5
	5.2	3	3	5	5
	5.3	3	3	5	5
	5.4	3	3	5	5
	5.5	3	3	5	5
	5.6	3	3	5	5
	5.7	3	3	5	5
	5.8	3	3	5	5
6	6.1	3	3	5	5
	6.2	3	3	5	5
	6.3	3	3	5	5
7	7.1	5	5	3	3
	7.2	5	5	3	3
	7.3	5	5	3	3
	7.4	5	5	3	3
8	7.1	5	5	3	3
	7.2	5	5	3	3
	7.3	5	5	3	3
	7.4	5	5	3	3
9	7.1	5	5	3	3
	7.2	5	5	3	3
	7.3	5	5	3	3
	7.4	5	5	3	3

Năm bậc đóng góp: nhiều nhất (5), ít nhất (1)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20

Đánh giá chuyên cần	10
Bài tập, tiểu luận	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp	Tỉ trọng (%)		
CĐR 1	Đánh giá chuyên cần	10	– Vận dụng kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và truyền thống. – Tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn bản đồ, GIS vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 2	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 3	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		
CĐR 4	Đánh giá chuyên cần	10		
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì	20		
	Kiểm tra cuối kì	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

a. Yêu cầu đối với chuyên cần

- Sinh viên đi học đầy đủ hoặc nghỉ có phép tối đa 2 buổi: 10 điểm.
- Sinh viên nghỉ có phép > 3 buổi, hoặc nghỉ không phép từ 1 buổi trở lên: 5 điểm.
- Sinh viên nghỉ quá 50% số buổi học: 0 điểm (không được kiểm tra cuối kì).
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

b. Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận lời giải bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

c. Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: Thi viết (tự luận).
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

d. Thi kết thúc học phần

– Hình thức: Thi viết (tự luận).

– Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.

– Tiêu chí đánh giá: đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng: 100% điểm câu hỏi; đáp số đúng, không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

TRƯỜNG KHOA



TS. Đỗ Văn Thanh